



NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

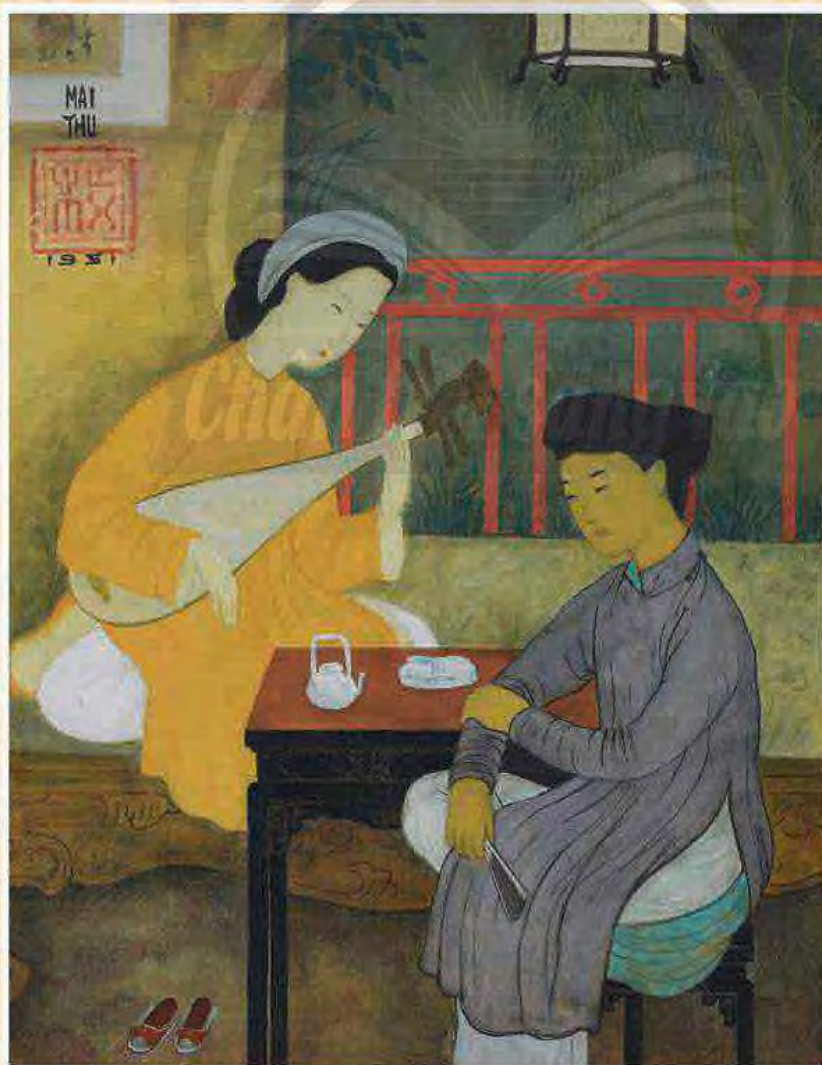
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – ĐOÀN LÊ GIANG – PHẠM NGỌC LAN

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – TRẦN LÊ HOA TRẠNH

NGŨ VĂN

11

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THÀNH THI (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – ĐOÀN LÊ GIANG – PHẠM NGỌC LAN

TĂNG THỊ TUYẾT MAI – NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – TRẦN LÊ HOA TRẦN

NGŨ VẦN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

MỤC LỤC

BÀI 6: SỐNG VỚI BIỂN RỪNG BAO LA (TRUYỆN NGẮN)	5
ĐỌC	7
<i>Chiều sương</i> (Bùi Hiển)	7
<i>Muối của rừng</i> (Nguyễn Huy Thiệp)	16
<i>Tảo phát Bạch Đế thành</i> (Lý Bạch)	22
Thực hành tiếng Việt	23
<i>Kiến và người</i> (Trần Duy Phiên)	24
VIẾT	28
Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học	28
NÓI VÀ NGHE	31
Trình bày ý kiến về một vấn đề trong tác phẩm văn học xã hội	31
ÔN TẬP	32
BÀI 7: NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY (NGUYỄN DU VÀ TÁC PHẨM)	33
ĐỌC	37
<i>Trao duyên</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	37
Độc “ <i>Tiểu Thanh kí</i> ” (Nguyễn Du)	41
<i>Kính gửi cụ Nguyễn Du</i> (Tố Hữu)	43
Thực hành tiếng Việt	45
<i>Thúy Kiều hầu rượu Hoạn Thư – Thúc Sinh</i> (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Nguyễn Du)	46
VIẾT	51
Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm nghệ thuật hoặc tác phẩm văn học	51
NÓI VÀ NGHE	57
Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội trong tác phẩm nghệ thuật hoặc tác phẩm văn học	57
ÔN TẬP	58
BÀI 8: CÁI TÔI – THẾ GIỚI ĐỘC ĐÁO (THƠ)	59
ĐỌC	60
<i>Nguyệt cầm</i> (Xuân Diệu)	60

Thời gian (Văn Cao)	63
Ét-va Mun-chơ và "Tiếng thét" (Su-si Hút-gi)	64
Thực hành tiếng Việt	65
Gai (Mai Văn Phấn)	67
VIẾT	68
Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (bài thơ) hoặc tác phẩm nghệ thuật (bức tranh, pho tượng)	68
NÓI VÀ NGHE	74
Giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/ pho tượng theo lựa chọn cá nhân	74
ÔN TẬP	76
BÀI 9: NHỮNG CHÂN TRỜI KÍ ỨC (TRUYỆN – TRUYỆN KÍ)	77
ĐỌC	79
Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự (Trích Tuấn – chàng trai nước Việt – Nguyễn Vỹ)	79
Tôi đã học tập như thế nào? (M. Go-rơ-ki)	84
Nhớ con sông quê hương (Tế Hanh)	90
Thực hành tiếng Việt	92
Xà bông "Con Vịt" (Trần Bảo Định)	93
VIẾT	99
Viết văn bản thuyết minh (về một đối tượng) có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận	99
NÓI VÀ NGHE	102
Thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống	102
ÔN TẬP	103
Ôn tập cuối học kì II	105
Bảng giải thích thuật ngữ	107
Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	108
Bảng tra cứu tiếng nước ngoài	111

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba và người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...
- Phân tích được ý nghĩa hay tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống; so sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.
- Biết trình bày về một vấn đề sinh thái – xã hội.
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia vào các hoạt động bảo vệ thiên nhiên.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Truyện ngắn là thể loại tự sự hư cấu có dung lượng nhỏ, thường phù hợp để đọc hết trong một lần. Với quy mô hạn chế, số lượng nhân vật và sự kiện ít, truyện ngắn chỉ tập trung miêu tả một khía cạnh hoặc trạng thái cụ thể của đời sống xã hội.

Cốt truyện của truyện ngắn hiện đại thường đơn giản, cô đúc; tập trung xoay quanh một tình huống. Trong đó, các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo hướng tập trung vào một chuỗi vài biến cố chính, dồn nén mâu thuẫn trong một khoảng thời gian ngắn.

Điểm nhìn ngôi thứ ba (toàn tri, hạn tri) và sự thay đổi điểm nhìn

Điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri: Tầm hiểu biết của người kể chuyện bao trùm toàn bộ thế giới nhân vật, không bị giới hạn trong cái nhìn của nhân vật nào, thấu suốt tất cả suy nghĩ và cảm xúc của các nhân vật, tất cả mọi thời điểm, địa điểm và sự kiện.



Điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri: Tầm hiểu biết của người kể chuyện chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm, chỉ thấu suốt suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật đó và các sự kiện mà nhân vật đó biết.

Thay đổi điểm nhìn: Trong nhiều tác phẩm truyện hiện đại, thường có sự di chuyển điểm nhìn kể chuyện, có thể từ ngôi thứ nhất sang ngôi thứ ba, từ ngôi thứ ba hạn tri sang toàn tri, hoặc giữa nhiều ngôi thứ nhất khác nhau. Thủ pháp này có nhiều tác dụng trong việc thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả: dẫn dắt độc giả vào thế giới tinh thần của nhân vật; quan sát, thể hiện sự việc con người từ nhiều góc nhìn;...

Nhân vật trong truyện ngắn: Truyện ngắn hiện đại thường chỉ có 1 – 2 nhân vật chính – tức nhân vật hiện lên như một chủ thể độc lập, giữ vai trò chủ đạo trong việc thể hiện chủ đề và tư tưởng của tác phẩm – được khắc hoạ qua ngoại hình, hành động, đối thoại, độc thoại nội tâm và qua đánh giá của các nhân vật khác cũng như của người kể chuyện.

Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đặc điểm và tác dụng

Trong thực tế, có những cấu trúc ngữ nghĩa, cú pháp không theo quy tắc ngôn ngữ thông thường. Những hiện tượng này thường xuất hiện trong các tác phẩm văn chương. Có thể kể đến một số loại sau:

- *Hiện tượng đảo trật tự từ ngữ*

Đảo trật tự từ ngữ so với trật tự từ ngữ thông thường được dùng với mục đích nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: *Cây bưởi sau nhà **ngan ngát hương** đưa.*

(Phan Thị Thanh Nhàn, *Hương thầm*)

Nếu so sánh hai cách diễn đạt “hương đưa ngan ngát” (trật tự thông thường) và “ngan ngát hương đưa” (trật tự đã thay đổi), chúng ta sẽ thấy cách diễn đạt thứ hai giàu sức biểu cảm hơn đồng thời cũng giàu nhạc tính hơn.

- *Hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ*

Ở hiện tượng này, từ ngữ được cung cấp thêm những khả năng kết hợp mới tạo ra những kết hợp từ vô cùng độc đáo, nhằm tăng hiệu quả diễn đạt.

Ví dụ: *Đàn cò áo trắng*

Khiêng nằng

Qua sông

(Trần Đăng Khoa, *Em kể chuyện này*)

Trong ví dụ trên, “nặng” được hình dung như một vật thể có hình dạng, khối lượng, có thể khiêng được. Cách kết hợp từ “khiêng nặng” phá vỡ quy tắc kết hợp từ thông thường, tạo ra một ấn tượng đặc biệt cho người đọc.

- *Hiện tượng tách biệt*

Tách biệt là hiện tượng tách các thành phần câu thành những câu độc lập với dụng ý nhấn mạnh hoặc bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ: *Đã có năm nhà nhận bán. Tiền họ đã nhận ngay từ bây giờ. Nhưng vừa mới lúc này đây, họ đến bảo không bán thóc nữa, mà lại bỏ tiền. **Mà trả có hai mươi**. Thế có giết người ta không! Bây giờ tôi đang chết dở đây.*

(Nguyễn Khắc Trường, *Mảnh đất lắm người nhiều ma*)

Việc tách thành phần câu thành câu độc lập trong ví dụ trên có tác dụng nhấn mạnh sự việc “trả có hai mươi”, đồng thời bộc lộ cảm xúc bối rối, lo lắng của nhân vật.



ĐỌC

VĂN BẢN 1

CHIỀU SƯƠNG

Bùi Hiển

✓ Trước khi đọc

Từ nhan đề truyện, bạn hãy dự đoán nội dung văn bản nói về điều gì?

✓ Đọc văn bản

Vào một chiều trung tuần tháng Giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lảng thăm cái êm ả lẳng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như dát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đoá hoa này để đến với hoa kia.

[...]

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khế vào da mặt như một làn phấn bụi.

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lảng đãng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sửa soạn ra khơi. Chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xỏm đan lưới, hai chân co trước ngực, mình quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo toi và áo rét của dân chài. ¹

1 Cảnh vật ở làng chài vào chiều xuân hiện lên qua cái nhìn và cảm nhận của ai?

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi:

- Cố¹ không đi biển à?
- Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.
- Cố kể chuyện đi biển nghe đi.

Chàng nói thế bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vùi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão, đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá mức đến cùng chiều, như tình yêu thương mà tất cả những người già đùm bọc trẻ con. Lão cười đáp:

- Còn chuyện gì mà kể nữa! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.
- Không... Cố phải kể đi... À, cố kể chuyện ma đi. Cố đi chài có bao giờ gặp ma không?

Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuốm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

– Chuyện ma à? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giăng mạnh ở câu, vội kéo lên. Ái chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vùng vẫy như con cá to. Tôi nghĩ thầm: khéo lại cái nổ ta² rồi, hẳn muốn trêu mình đây... Quả nhiên! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy hẳn xoà một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn lưới câu, con mực mỗi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo vắng vẻ, chắc cu cậu buồn tình, bày chuyện phá mình tí cho vui.

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy các chú bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dằng dẳng hai bên mạn thuyền. Họ nói: “Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì?”, thế là cả bọn nhảy sùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bình khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy hấn bấu lấy tay. Không thấy người đâu nhưng nghe tiếng hấn léo nhéo xin cá. Ông ta đáp: “Chà, xin với xỏ, được mấy con cá về cho vợ con đây!”. Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt: “Đồ quỷ, cứ nghịch thôi!”. Thế là tiếng cười bật lên riu rít, lát sau lại thấy nặng rổ.

¹ Cố: từ dùng gọi người già.

² Cái nổ ta: lũ chúng.

Lão chài kể như vậy, giọng bình thường như nói chuyện người dương gian¹, tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khẽ rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ. Chắc chắn đó chỉ là điều huyền tưởng, nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó; nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tốn hiền hoà của ông lão! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma, hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về ngồi lặng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời vì cảm thấy lòng biển quá mênh mông lạnh lẽo. Tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương bi thảm dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống. Và chàng trai tưởng nghe, vắng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn riu rít của những cái bóng vô hình, cạnh cây đa già miếu cổ...

– Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không cổ?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

– Thuyền ma à?... À... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai² dưới thuyền mỗ ma ông Phó Nhụy... Ờ, cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tố³ xong, thoát nạn chết này lại đâm liền vô nạn chết khác.

Bữa đó thuyền ra lạch⁴...

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang. ² Bình minh giát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đẩy chèo theo nhịp đều đặn, ngược nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền đi ngang nha Thương chính⁵, một chiếc xuồng do hai đứa con nít chèo bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chúi rủa chúng âm ỉ: dân chài rất kiêng bị “ngáng đường” như thế, và ông lái hơi nhăn trán.

Suy luận

² Từ đây trở đi, người kể chuyện là ai? Người nghe chuyện là ai?

Ra khỏi lạch, thuyền kéo buồm bắt con gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền, dáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn trăn trăn nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung toé một làn nước bạc xoá. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảnh nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tung toé, rồi tự rẽ đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác

¹ Dương gian: cõi dương (chỉ thế giới của người sống), đối lập với cõi âm (chỉ thế giới của người chết).

² Đi trai: thanh niên trai trẻ xuống thuyền chài tập việc đi biển, đánh cá.

³ Tố: gió mạnh, đối chiếu đợt ngọt, xảy ra trong cơn giông.

⁴ Lạch: đường nước chảy hẹp, thông ra sông, biển.

⁵ Nha Thương chính: cơ quan phụ trách thu thuế hàng hoá thời Pháp thuộc.

chài đã gác chèo ngồi bên dây neo, quai chèo, hoặc tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lắc của sóng.

Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phẳng phẳng, để lại sau một vạch phẳng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xoá mất vạch phẳng.

Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dây từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

Ông Phó Nhuy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo. Đoạn người ta nói dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hôm trước. Bóng là cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gậy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ, tới nhóng¹ xung quanh, có khi hàng đàn lớn.

Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại, và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dần lưới lên. Những con cá mắc đầu vào mắt lưới, giẫy đành đạch làm loé những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhót và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình, hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rổ rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác, mùi của biển cả. Những con cá trích, cá đốm, lẫn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở trợn trợn, há miệng mếu xệu một cách tuyệt vọng cố hít không khí, trong tiếng lách tách của vây cứng.

Thuyền nặng dần, đè ép sức lắc nhồi của sóng. Chú trai đã đi thổi com. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ thốn lớn hai bát cá đầy và một bát muối; cạnh mâm, một rá com và một xanh² canh cá. Com xối trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu:

– Nhìn kìa!

Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lặn tăn báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ đĩa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.

Họ mê mải trong công việc, trong khi trời ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trăn nhìn lên và kêu:

– Coi kìa! Trời đổ ráng³ ngoài.

Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, hơi rút đầu trong cổ béo, quay ngó xung quanh, cũng kêu theo:

– Sắp có tổ đến nơi!

¹ Nhóng: hóng, nhô, quây quanh và hơi ngóc đầu lên.

² Xanh: dụng cụ xào nấu thức ăn bằng đồng, đáy bằng, có hai quai, như kiểu cái chảo to.

³ Ráng: đám mây phản chiếu ánh mặt trời về buổi sáng hay buổi chiều.

Họ vừa nhận thấy điềm báo không thể nhầm lẫn. Trời đã đột ngột đổ ráng ba phương đổ rục: ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng lò (Cửa Lò), ráng cương (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh:

– Kéo lưới lên! Giương buồm!

Chân người chạy trên sạp rầm rập. Các bác chài co chân đu mình trên dây để kéo buồm, miệng “dồ hò” lấy nhịp. Một người hỏi:

– Gió gì?

Người khác đáp:

– Gió trong. Khó tháo kịp.

Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát¹. Sóng vùng lên, cuốn rėjo, đuổi dồn nhau, va vào nhau toé bọt, ngụp xuống, trào lên, đã lấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng² thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh càn cách lên cọt, có khi cọt vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lùi ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu:

– Mưa đến rồi!

Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong toi chiếu, đã vượt mặt không kịp.

Một bác bảo:

– Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích để cho mà coi.

Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lùi về sau, đoạn giạt nẩy mình, chúi hẳn mũi: dây đã tháo hết. Người ta hạ buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúi xuống thì vội thừa dịp nhảy chồm, nước toé trang lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền, rất khoẻ, lại hếch cái mũi ướt suốt ướt, chờ mảng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rát bỏng cả da.

Một lần, thuyền tì lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền dốc đứng tưởng như cứ thế mà đâm thẳng xuống đáy sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngòm ngộp vì bị nước đánh tối tăm mặt mũi, rồi chổ vịn lẫn trên sạp lông lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không tri hoãn được nữa! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vội giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phụt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phẳng phẳng. Các bác chài vội nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mố neo không cắm, nằm bệt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giăng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rề trên đáy cát.

¹ Vát: lẹch, xiên chéo.

² Cuồng lộng: gió thổi điên cuồng ở nơi trống trải.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giận dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tuy có toi¹ che, quần áo họ ướt mềm dính vào da, và vải đã bỏ sẵn, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú trai, lúc này bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tát nước, tay lia lia đưa cái mu sam². Hai bác chài tới giúp sức, chuyển cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giảm, ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nỗi cá nổi lênh bênh. Theo lệnh ông lái, người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hần thù mai mữa, đánh vào thuyền, trả lại. Những con cá đập³ lên áo các bác chài và nằm trắng trắn rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác. Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn, nhưng vì thế lại làm mỗi thêm cho gió, trôi phăng phăng. Người ta bèn xỏ⁴ buồm, buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gặp nước, buồm mở tung như một chiếc điều mà đầu lèo⁵ đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tấm buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa giội, sóng nhồi, gió táp. Màn mưa xám càng lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo:

– Anh em ai có đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt. **3**

Suy luận

3 Các chi tiết trong đoạn này cho thấy điều gì trong cuộc sống lao động của ngư dân?

Chừng quá nửa đêm – họ chỉ đoán vậy, vì không còn một ý niệm nào về thời gian – sóng bớt gầm réo và bớt nhồi lắc, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa⁶ lừ đừ. Và khi một ánh trắng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyền não hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mới mẻ và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Màu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến – dân chài bảo từ Thủy phủ⁷ ùn lên – một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, đeo cánh mới lắp vào rồi neo thuyền cho đứng yên. Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hoá, vì trong cơn bão, gió chướng thổi từ phía tây nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

¹ Toi: áo toi, áo mặc đi mưa bằng lá kết lại.

² Mu sam: mai của con sam, cứng và lõm, có thể dùng làm gàu múc nước.

³ Đập: văng lên và để lại dấu trên người.

⁴ Xỏ: gỡ.

⁵ Lèo: dây buộc từ cánh buồm đến chỗ lái, dùng để điều khiển buồm.

⁶ Xang đưa: đưa qua đưa lại, dưng đưa.

⁷ Thủy phủ (như thủy cung): nơi ở của thủy thần, Long Vương.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng: họ vừa ngửi thấy một mùi kì dị, một mùi nhạt và ẩm ướt, tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán: 4

4 Các ngư dân sắp được chứng kiến điều gì?

– Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra này giờ neo rê¹.

Một người khác đáp:

– Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kĩ mà coi.

Quả nhiên, trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lơ lửng những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắc loa miệng hỏi:

– Ai đó?

Thuyền bên kia có tiếng đáp:

– Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài:

– Tiếng ai nhỉ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình?

Đoạn cất cao tiếng:

– Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tổ đó phải không? Có biết đây là đâu không?

Bên kia đáp:

– Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xế lên mà vô lạch.

Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bàn cãi lao xao. Gió thổi từ phía nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được? Ông Phó Nhụy lại hỏi to:

– Sao mà biết?

Bên kia có một câu trả lời kì quặc và bí mật:

– Sao lại không biết... À kia, nồm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch.

Trong nháy mắt, đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao họ làm nhẹn² và lặng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.

Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phần phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước vẫn chỉ nom thấy dáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.

Chợt chú trai kêu:

– Có ai như người trôi kia?

Một bác dùng sào khều cái vật trôi lênh bênh đen thui và nói:

¹ Neo rê: (hay rê neo) chỉ tình trạng tàu/ thuyền bị trôi dạt khỏi vị trí neo đậu, do tác động của sóng, gió, dòng chảy lên tàu/ thuyền.

² Nhẹn: nhanh.

– Người thật.

Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cắp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.

Một người bảo:

– Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.

Từ bên kia thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi:

– Vớt được ai đó?

Mọi người cúi nhìn tận mặt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhẵn nhúm đến nỗi đã méo dệch hẳn đi. Chú trai góp ý kiến:

– Giống như anh Hoe Chúc.

Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia:

– Hoe Chúc!

Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ? Hoe Chúc đi bạn¹ trên thuyền ông Xin Kính kia mà? Ông hỏi to:

– Có Hoe Chúc bên ấy không?

Thuyền bên kia có một im lặng kì quặc. Chú trai thính tai nhất trong đám, nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên:

– Ơ kìa, đâu mất rồi?

Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhò nhò, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trắng ấy nhòa dần vào màu sương phon phớt xám. Trên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người câm lặng, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân. **5**

Suy luận

5 Sự xuất hiện chiếc thuyền của ông Xin Kính có ý nghĩa gì trong câu chuyện?

Chú trai lại kêu:

– Có tiếng gì om om lạ gớm?

Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phộp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện, chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy lèo, giằng riết. Chiếc thuyền quật mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngả mới. Các bác chài vội chạy đi tra chèo², ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào: thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá.

* * *

¹ *Đi bạn*: người làm công theo vụ, việc trên thuyền đánh cá của ngư dân, để học nghề.

² *Tra chèo*: lắp mái chèo vào cột chèo.

Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chúc hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đá vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn và bị sóng quật vào lèn đá¹ đến rã xương.

Vợ họ nay vẫn sống trong goá bụa. Và cái hi vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu.

1941

(In trong *Tuyển tập Bùi Hiển*, NXB Văn học, 1987, tr. 60 – 72)

✓ Sau khi đọc

1. Nêu nội dung bao quát của văn bản. Nhận xét về cách đặt nhan đề truyện của tác giả.
2. Kể bảng sau vào vở. Liệt kê một số sự kiện chính và các chi tiết diễn tả cảm xúc, suy nghĩ của các nhân vật.

	Sự kiện	Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật
Phần 1 (chuyện chàng trai đến thăm lão Nhiệm Bình)		
Phần 2 (chuyện chiếc thuyền trong ngày giông bão)		

3. Xác định người kể chuyện và điểm nhìn trong văn bản *Chiều sương*. Việc lựa chọn người kể chuyện và điểm nhìn như vậy có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm?
4. Tìm một số chi tiết, hình ảnh nói lên quan niệm về cõi âm và mối liên hệ giữa cõi dương với cõi âm của chàng trai và của những người dân làng chài trong văn bản. So sánh và làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt giữa những quan niệm này.
5. Phân tích tác dụng của việc đan xen các yếu tố thực và ảo trong văn bản truyện.
6. Có ý kiến cho rằng truyện chủ yếu viết về “ma”, về “thuyền ma”, về tai ương nơi biển cả và cuộc sống nhọc nhằn của người dân chài, nhưng không gọi lên sự lạnh lẽo, ghê sợ mà vẫn toát ra một không khí gần gũi, ấm áp, lạc quan. Hãy cho biết ý kiến của bạn về nhận định trên.

¹ Lèn đá: núi đá có vách dựng đứng.

7. Câu chuyện về chiếc thuyền của ông Xin Kính năm xưa và lão Nhiệm Bình cùng chàng trai trẻ hôm nay gợi cho bạn suy nghĩ gì về thái độ, tình cảm của con người đối với biển cả?

✱ **Bài tập sáng tạo:** Lấy cảm hứng từ không gian “chiều sương” trong truyện, hoặc cuộc trò chuyện giữa lão Nhiệm Bình và chàng trai hay hình tượng người dân chài vượt qua tai hoạ ở đoạn kết,... hãy làm một bài thơ, vẽ một bức tranh hay phác thảo kịch bản cho một hoạt cảnh sân khấu hoá.

Bùi Hiển (1919 – 2009) sinh tại huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, là nhà văn có sức sáng tác dồi dào, bền bỉ trong cả hai giai đoạn trước và sau năm 1975. Nổi tiếng từ truyện ngắn đầu tay *Nằm vạ*, ông đã định hình phong cách là một nhà văn chuyên viết về phong tục Bắc Bộ với lòng yêu thương con người và cảnh vật sâu sắc. Bùi Hiển viết đa dạng nhiều thể loại như: truyện ngắn, bút kí, phê bình, tiểu luận, chân dung văn học, dịch thuật,... với hơn 40 tác phẩm. Truyện *Chiều sương* in trong tập truyện ngắn *Nằm vạ* (1941).



Bùi Hiển

(Tập chí *Sông Hương*, số ngày 12/10/2011)

VĂN BẢN 2

MUỐI CỦA RỪNG

Nguyễn Huy Thiệp

✓ Trước khi đọc

Nhan đề của truyện ngắn gợi cho bạn những liên tưởng gì?

✓ Đọc văn bản

(Lược dẫn: Mùa xuân, ông Diểu đi săn. Vào rừng, ông tiếp cận đàn khỉ và dự định sẽ bắn hạ một gia đình khỉ gồm: khỉ bố, khỉ mẹ và khỉ con. Tiếng súng vang lên, khỉ bố “ngã nhào xuống đất”...)

Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diểu sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rủn ra, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoát biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vật xuống.



Minh hoạ: Lê Trí Dũng

(Tập chí *Văn nghệ quân đội*, số ngày 6/12/2014)

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm, đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

– Chạy đi!

Ông Diều rên lên khe khẽ. Nhưng con khỉ cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khỉ đực nhóm lên.

Ông Diều tức giận giương súng. Hành động hi sinh thân mình của con khỉ cái làm ông căm ghét. Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hết như một bà trưởng giả! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thế này, lừa ông sao được? ❶

Theo dõi

❶ Chú ý quan sát, theo dõi hành động của gia đình khỉ từ khi ông Diều bắn hạ khỉ bố.

Khi ông Diều chuẩn bị bóp cò thì con khỉ cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vút phịch con khỉ đực xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diều thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

– Sai lầm rồi!

Ông Diều rửa thẳm vì ông bước ra thì con khỉ cái quay lại tức thì. “Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc!”. Y như rằng, con khỉ cái vừa lén nhìn ông vừa lao đến chỗ con khỉ đực. Nó ghì lấy con khỉ đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khỉ cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mụ ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hi sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

– Thôi Diều ơi... – Ông buồn bã nghĩ, – với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mày chạy nhanh bằng lòng tận tụy, thủy chung của khỉ?

Như trên nguai, hai con khỉ vừa chạy vừa dìu lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại huơ huơ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa đều đặn. Ông Diều bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng văng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông mồi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuống. Ông Diều ngó ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diều vừa đuổi, vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. “Mất súng thì hỏng!”. Ông Diều nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diều dẫn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diểu tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong kí ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diểu lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xoá rất nhanh cảnh vật. Ông Diểu chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diểu mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này. ❷

Suy luận

❷ Vì sao ông Diểu sợ hãi “kinh hoàng” đến mức phải chạy trốn?

Đến chân núi đá, ông Diểu kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ, sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hõm Chết. Ở hõm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng.

– “Hay là ma? – Ông Diểu nghĩ. – Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?”

Con khỉ này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy?

– “Ta có mê không? – Ông Diểu nhìn quanh. – Tất cả như trong mộng寐?” – Ông đứng dậy nhìn lên vách núi bàng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hõm Chết, bầu trời quang đãng không hề vương gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diểu trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diểu lưỡng lự: “Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày!”. Ông Diểu bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diểu thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây dưới. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diểu rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diểu lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó.

Ông Diểu đặt tay lên mình con khỉ và thấy nó nóng hầm hập. “Để đến hon yển...”. Ông Diểu luồn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng. Từ trong

ngực nó phát ra tiếng “hừm” nho nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cái kinh vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diểu rút phất tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt dờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diểu bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hẳn đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quần quai trông rất đau lòng. **3**

Dự đoán

3 Bạn đoán xem liệu ông Diểu có cứu khỉ được không?

– “Để thế không ổn!” – Ông Diểu vội lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kĩ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt uơn ướn nhìn ông. Ông Diểu tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Một lát, con khỉ rúc hẳn vào hai lòng tay ông Diểu. Miệng nó phát ra âm thanh lấp bắp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin và tìm một sự giúp đỡ. Ông rất khó chịu.

– “Thà mày chống cự thì tốt cho tao, – ông Diểu nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày. – Mình đâm già rồi... Nó biết người già thì dễ mủi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khỉ?”

Ông Diểu suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diểu vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoát nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sạt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diểu thót mình và bám thật chặt vào tảng đá, kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng phăng lì. Ông Diểu không còn thấy cây đuối để quần và giày đâu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây dây leo nấp chờ ban sáng, ông Diểu dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đấy đùn lên một đồng mối to gần bằng cây rạ. Đồng mối nhóp nhép một thứ đất mới đỏ au, trên đấy đầy những cánh mối ướn rụi. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diểu quay lại bế con khỉ lên.

– “Chẳng lẽ lại cứ nong nong thế này về nhà thì thật khả ố! – Ông Diểu bực mình. – Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất...”

Ông cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

– “Thì đã sao nào – Ông bỗng bật cười – Hỏi ai bắn được con khỉ thế này? Phải yểm rươi thịt... Lông vàng như nhuộm... Bắn được con vật như thế này thì đầu mảnh giáp không còn cũng đáng!”

Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diểu giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoát biến vào bụi rậm. Hoá ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi được một quãng, ông Diểu quay lại thì vẫn thấy nó lẻo đẻo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diểu đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the the rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diểu ngó lại thì vẫn thấy nó lảng nhảng bám theo.

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diểu bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giẫy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diểu mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông toé máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.

Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diểu buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diểu thấy buồn tê tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay sống mũi. Hoá ra ở đời, trách nhiệm đè lên từng mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

– “Thôi tao phóng sinh cho mày!” – Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Luống lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm. **4**

Dự đoán

4 Hành động này của ông Diểu có gây bất ngờ cho bạn không?

Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyền cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyền sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc¹.

Ra khỏi thung lũng, ông Diểu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi. Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa. **5**

Suy luận

5 Kết truyện gợi cho bạn suy nghĩ gì về ý nghĩa của nhan đề truyện?

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.

(Trích *Như những ngọn gió*, NXB Văn học, 1996, tr. 96 – 108)

¹ Phong túc: giàu có, đầy đủ.

✓ Sau khi đọc

- Hãy liệt kê các sự kiện chính của câu chuyện và cho biết:
 - Nhân vật ông Diều được quan sát chủ yếu từ ngoại hình, hành động hay nội tâm; qua cái nhìn của ai, ngôi kể nào?
 - Cách sử dụng điểm nhìn, ngôi kể như vậy tạo ưu thế gì trong việc thể hiện nội dung câu chuyện?
- Cách phản ứng của bấy khi trong truyện cho thấy điểm gì đặc biệt trong mối quan hệ giữa các thành viên của gia đình khi? Sự thay đổi thái độ đối với bấy khi thể hiện nét tính cách nào của nhân vật ông Diều?
- Đọc kĩ đoạn “Sự hỗn loạn của cả đàn khi ... lừa ông sao được?”, liệt kê các câu văn trong đoạn vào bảng sau và nhận xét về sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

Lời người kể chuyện		
Lời nhân vật	Đối thoại	
	Độc thoại	

Từ bảng trên, hãy nhận xét về sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật.

- Trong quan niệm của người kể chuyện, “muối của rừng” kết tinh từ đâu và chủ yếu được gửi gắm trong hình ảnh, chi tiết nào?
- Theo bạn, truyện ngắn *Muối của rừng* hấp dẫn bởi nội dung câu chuyện hay cách kể chuyện?
- Theo bạn, cách quan sát và thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên trong hai truyện ngắn *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp, 1986), *Chiều sương* (Bùi Hiển, 1941) có những điểm tương đồng, khác biệt nào? Từ thời điểm sáng tác, bối cảnh văn hoá – xã hội của mỗi truyện, hãy lí giải sự tương đồng và khác biệt ấy?



Nguyễn Huy Thiệp
(Báo *Quân đội Nhân dân*,
số 6/12/2014)

Nguyễn Huy Thiệp (1950 – 2021) sinh ở Thái Nguyên, là nhà văn có nhiều đóng góp trong việc đổi mới nội dung và hình thức nghệ thuật của văn xuôi Việt Nam đương đại. Ông để lại hơn 50 truyện ngắn, 10 kịch bản, 4 tiểu thuyết, nhiều bài phê bình văn học và thành công nhất với thể loại truyện ngắn. Truyện ngắn của ông đề cập đến nhiều vấn đề nóng hổi của đời sống đương đại và khá đa dạng trong cách viết (hoặc chú trọng vào xung đột, kịch tính, hoặc kết hợp giữa tự sự với trữ tình, hoặc hoà trộn thực với ảo, hiện đại và dân gian,...).

TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ THÀNH

Lý Bạch

✓ **Đọc văn bản**

Phiên âm

Triều từ Bạch Đế thái vân gian
Thiên lí Giang Lăng nhất nhật hoàn
Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trú
Khinh chu dĩ quá vạn trùng san.

Dịch nghĩa

Ra đi sớm từ thành Bạch Đế

Sáng từ biệt thành Bạch Đế¹ trong sắc mây rực rỡ
Một ngày vượt ngàn dặm về đến Giang Lăng².
Hai bên bờ tiếng vượn kêu không dứt,
Thuyền nhẹ tênh vượt núi non muôn trùng.

Dịch thơ

Bạch Đế xuôi thuyền mây chói chang,
Một ngày ngàn dặm, đến Giang Lăng
Bên bờ tiếng vượn kêu không dứt,
Rừng núi muôn trùng thuyền nhẹ băng.

Ngô Văn Phú dịch

(In trong *Thơ Đường ở Việt Nam*, Ngô Văn Phú tuyển chọn,
NXB Hội Nhà văn, 2001, tr. 448)

✓ **Sau khi đọc**

1. Nhận xét về bức tranh thiên nhiên trên đường từ Bạch Đế đến Giang Lăng được miêu tả trong bài thơ (thiên nhiên được quan sát, miêu tả qua cái nhìn của ai, trong hoàn cảnh nào, vẻ đẹp riêng của thiên nhiên nơi đây,...).
2. Phân tích một số hình ảnh, từ ngữ có tác dụng thể hiện vẻ đẹp riêng của phong cảnh thiên nhiên và tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình trước phong cảnh ấy.
3. Xác định chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

¹ Bạch Đế: một thành cổ thuộc thượng nguồn sông Trường Giang, nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên.

² Giang Lăng: thuộc Hồ Bắc, cách Bạch Đế 2 200 dặm.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Tìm hiện tượng đảo trật tự từ ngữ trong các trường hợp sau và phân tích tác dụng của hiện tượng này:

- a. *Cây bưởi nhà mình đang trĩ
Bỏ quên năm ngoái mùa hoa
Năm nay bưởi chùng hối tiếc
Ra hoa nhiều gấp đôi ba*

(Trần Lê Văn, *Hơi sức của cây*)

- b. *Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến – dân chài bảo từ Thuỷ phủ đùn lên – một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía.*

(Bùi Hiển, *Chiều sương*)

2. Chỉ ra hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ trong các đoạn trích sau và phân tích tác dụng biểu đạt của những cách diễn đạt này:

- a. *Nắng đã vàng hanh như phấn bay,
Đã nghe tiếng sếu vọng sông gày.
Trước sân mây trắng về đông lấm,
Em ở xa nhà, em có hay.*

(Vũ Quần Phương, *Nắng đã hanh rồi*)

- b. *Vào một chiều trung tuần tháng Giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lảng thẩn cái êm ả lẳng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như dát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã.*

(Bùi Hiển, *Chiều sương*)

3. Phân tích hiệu quả của hiện tượng tách biệt trong các trường hợp sau:

- a. *Ao một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quấy động của một con vật khổng lồ. Ông Diểu biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng góm lấm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diểu mỉm cười và chăm chú nhìn.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Muối của rừng*)

- b. *Ông Diểu bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.*

(Nguyễn Huy Thiệp, *Muối của rừng*)

4. Nhận xét về sự độc đáo của những kết hợp từ được in đậm trong đoạn thơ sau:

*Chiều mộng hoà thơ trên **nhánh duyên**,
Cây me ríu rít cặp chim chuyền.
Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
Thu đến – nơi nơi động tiếng huyền.*

(Xuân Diệu, *Thơ duyên*)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về vai trò của thiên nhiên đối với đời sống con người.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Kiến và Người

Trần Duy Phiên

(Lược dẫn: Người bố đề nghị cả gia đình dọn ra ngoại ô, phá rừng, dựng nhà, canh tác. Qua một vụ mùa, họ phát hiện ra đàn kiến tấn công vào nhà. Sau khi thất bại trong việc nhờ công ty bảo vệ vật nuôi, cây trồng tiêu diệt đàn kiến, gia đình đành phải tự đối phó với đàn kiến đang ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. “Cuộc chiến” giữa kiến và người để giành lại đất bắt đầu...)

6.

Trưa, bố cháu nuốt không hết chén cơm. Rảo quanh nhà, bố nhìn bốn phía vườn, mong mới tìm đường ra. Thoát về bắc, ngược lên núi. Thoát về đông, vượt đồi rồi gặp suối. Về nam, toàn rẫy với rừng thưa. Bọn kiến mai phục khắp nơi và bố cháu không xác định được chúng đổ quân theo hướng nào. Nên thoát về tây, nơi có quốc lộ ngang qua – sau cùng, bố đành chọn như thế. Nếu bọn kiến có bay theo, may ra bố con nhà cháu còn vớ được ô tô. Từ quốc lộ vào nhà cháu không có đường quy hoạch. Chỉ những lối mòn tùy tiện. Những lối ấy nay ộp tán cây, màu đất bị phủ bởi sắc kiến đen ánh.

Bố thở dài, quay vào nhà. Bố hỏi những đôi giày vải ngày còn ở thị xã đâu. Bố hỏi đến thùng dầu hôi. Mẹ lôi can nhựa dưới gầm giường cho bố xem. Bố chớp mắt, buồn, cúi xuống. Lượng dầu ít ỏi không đủ dùng cho ý đồ của bố. Mẹ đặt can dầu vào chỗ cũ. Hai người ngồi im. Bố cháu ôm đầu nghĩ ngợi một lúc, rồi đảo mắt quanh nhà.

– Cái mừng! – Bố hét – Bốn người bốn góc, hai đứa nhỏ giữa mừng mà thoát.

Bố nhảy lên giường, giựt đứt tao mừng¹. Mẹ van:

– Không được! Thứ ấy chỉ cản ruồi, ngăn muỗi, quá lắm là ong. Đẳng này bọn chúng từ dưới lên trên xuống, bò ngang phóng dọc đủ cả! Chỉ có cách bay mới thoát, mà mình không có cánh. – Mẹ chếp miệng, thở dài.

Bố xuống giường, ngó ngẩn. Cháu ngồi bó gối nghĩ đến loài chim. Thằng em cháu ra giếng, chưa tắm, vội trở lại. Nó báo tin bọn kiến đã vào tới giếng.

– Bọn chúng buộc cả nhà ta phải chết khô! – Bố nhận định, bước ra hiên.

¹ Tao mừng: mừng; màn che, chống muỗi; tao mừng: dây màn.

Cháu theo sát bên bố. Từ thành miệng đến sân giếng, lúc nhúc những kiến. Một đám đang bò lên cần kéo nước. Chúng theo đà ngang ra tới cây dọc, xuống tận gàu. Mũi tấn công này khiến bố mẹ cháu tái mặt. Sự đe dọa đời sống đã cận kề. Bố ra lệnh tắt cả vào nhà, chốt chặn cửa lại. Mẹ soạn ra mớ quần áo cũ, lục lọi những giẻ những bao. Bố soi đèn tìm ngóc hang ngạch kê và anh em cháu ra sức bít kín. Công việc này khó khăn như chặn nước thấm qua cát. Bố cháu phát hiện nhiều đường giao thông kiến đào xuyên móng. Chúng cháu thay nhau đá vào các nơi ấy rồi dùng búa tán bằng mặt. Còn bên ngoài, đầu vách, mái nhà... làm sao? Cản gió để hơn ngăn kiến. Gió không mất, thổi có hướng. Đàng này bọn kiến di chuyển tứ phía, biết len lách và tập trung vào mục tiêu. Nghĩ đến đó, cháu thù người, đa rợn gai.

Mẹ tỉnh táo cho đến khi nấu xong nồi cơm tối. Chợt nghe gà oác chái sau, mẹ hốt hoảng, co rúm người rồi ngã sấp lên nền nhà. Sợ hãi của mẹ lan sang lũ em rất nhanh. Bố sững sốt đứng nhìn. Gà lại kêu tháo lên như những lúc bị chồn đuổi. Cháu nhận rõ tiếng đập cánh rồi đổ chùng chúng chạy tán loạn ra vườn. Bố cố hết sức mới đỡ được mẹ và lũ cháu ăn cơm. Sau đó gom hai cái giường ra gian giữa, bố động viên mọi người lên giường. Địch thân bố rờ rẫm, tấn kỹ từng góc mùng. Tự dưng, cả nhà không ai dám hé một tiếng, y như sợ bọn kiến bên ngoài nghe.

Gần sáng, heo từ nhà bếp kêu thét. Rồi chúng phá chuồng chạy rầm rập. Ban đầu, chúng quần đảo quanh nhà. Rồi như cùng đường, chúng tháo chạy ra đường.

7.

Ngoài trời sáng rất lâu trong nhà mới sáng, cháu đoán chắc như thế. Đêm vừa qua, cháu ngủ khá đầy giấc. Mở bừng mắt, cháu nhắm lại ngay. Cả nhà vẫn nằm yên trên giường. Không ai muốn trời sáng. Đêm đã nhấn chìm bọn kiến vào bóng tối và vận hồi sức cho cả nhà. Riêng bố, không hoàn toàn được như vậy. Đầu hôm, bố trở mình hoài. Nửa đêm về sáng, bố mới nằm im.

Bố cháu vén mùng ra trước. Bố đi lại xó cửa, đái xè xè. Sau đó, lặng im. Cháu xoay người nằm nghiêng và thấy bố cứ đứng ì một chỗ giữa mặt tứ phía. Cháu là người thứ hai ra khỏi mùng. Mặc tiểu, cháu cũng muốn đến xó cửa. Nhưng khi hiểu vì sao bố có bộ tịch ấy, cháu run lên. Bọn kiến đã vào khắp nhà. Chúng bám theo đòn tay, rui, mè,... vẽ nên những ô vuông. Từ nóc, chúng lần theo cột. Dọc vách, hàng trăm dòng kiến đen như nước nhều. Đầu mấy mồi dây treo mùng, tốp tiền sát¹ nhón nhác chạy đi chạy lại. Vùng an ninh cho gia đình rút lại hai chiếc giường và mấy khoảng nền xa chân cột, xa móng. Bàn thờ, tủ áo, bồ lúa, bồ mì, thùng đậu, đồng khoai,... đều nằm dưới sự kiểm soát của chúng.

Bố cháu ra lệnh mặc thêm quần áo, nhiều lớp càng tốt. Lúc này, kiểm cho được một người hai bộ rất khó. Bố ra lệnh xé cả hai cái mùng và mền ra thành từng dải, rồi quấn vào chân vào tay, vào mặt, vào cổ,... chỉ chừa hai mắt. Bố quấn cho mẹ xong, không còn giẻ cho bố. Mẹ khóc, đòi tháo ở hai cánh tay để quấn chân cho bố.

¹ Tiến sát: đi trước quan sát.

Bố không chịu. Mẹ cháu lại khóc. Lũ cháu khóc theo. Mẹ cháu đứng lên, rút hai cái bao tòi chặn ở cửa bếp xuống, lao đến bờ lúa. Bố cản lại:

– Còn người, còn cửa! – Bố nói, hai lòng mắt rận đỏ như ngập máu.

Mẹ ném trả cái bao, trở lại bên lũ cháu. Bố cúi xuống gằm giường, lôi can dầu hôi ra, lắc lắc, đặt giữa nền nhà. Bố tự xé áo mình đang mặc, tháo một cây thanh giường, quấn vào rồi cẩn thận tẩm dầu. Còn lại một ít, bố trút ra tay, bôi khắp từ bàn chân cho đến bắp đùi. Chưa rõ bố sẽ làm gì, nhưng nhìn bố với cái quần xà lỏn, thân trên gần như trần trụi, mẹ run cầm cập. Bố bảo mở cửa. Cháu dùng chân đạp mạnh. Hai cánh bung ra, ánh sáng ủa vào. Cả nhà kêu rú. Kiến như từ bóng tối ngồn ngồn trỗi lên. Bọn chúng đông gấp triệu lần cháu tưởng.

– Chạy! – Bố hét.

Mẹ và lũ cháu ra tới hiên, dừng lại. Từ cây đến cỏ không nơi nào là không có kiến. Bố ra tới hiên, bật lửa châm vào cây thanh giường quấn giẻ. Bố ngần ngại một tí rồi ộp ngọn lửa vào mái tranh. Mẹ xông trở lại níu cứng tay bố.

– Chạy đi! – Bố hét lên, gỡ tay mẹ và lao ra trước.

Ban đầu, bố cháu bước chậm, vừa đi vừa dùng lửa thui kiến mở đường nhưng không vạch được một kẻ chỉ. Kiến bám theo chân bố leo lên. Bố ném cây lửa vào đồng rom ở giữa bốn gốc thông già. Quay lại, bố ôm lấy con út, đôn lên vai, khom mình chạy. Chúng cháu đạp lên bất cứ cái gì, lao theo. Mẹ cháu ra tới đám cà phê, vương cành ngã ụch. Cháu quay lại đỡ mẹ. Kiến bư kín hai mẹ con cháu. Mấy lần, cháu đưa tay vốc mắt¹ cho mẹ rồi lại vốc mắt cho mình. Mẹ cứ nói không sao nhưng mỗi lúc một chậm, hơi thở nặng dần. Bàng quần cổ, quần chân tuột, mẹ thêm lúng túng. Vượt qua đám mì, mẹ cháu lại ngã. Chưa kịp đỡ dậy, mẹ đã ôm mặt kêu thét lên. Kiến rúc vào mắt. Cháu cố mẹ lao như bay. Tới bờ rào, cháu không đủ sức vượt. Bên kia, bố cháu trở lại. Bố đưa hai cánh tay bám đầy kiến ruộm máu ruốc mẹ. Cháu leo qua bờ rào, mắc chân vào dây kẽm. Giật không đứt, gỡ không ra. Kiến cánh tứ phía lao tới. Cháu dùng miệng cắn mối buộc, tháo chạy. Cái chân phải cháu có hồi sưng tấy lên là vì thế.

Ra tới quốc lộ, kiểm điểm lại, gia đình đủ cả. Bố cháu ra lệnh cởi bỏ áo quần và các thứ, ném ra xa. Mẹ cháu và em gái cháu xin giữ lại lớp trong. Hai anh em cháu muốn lột sạch nhưng mẹ buộc giữ lại cái quần đùi và áo may-ô. Còn bố chẳng có gì để cởi ngoài cái quần xà lỏn.

Trong khoảnh khắc ấy, cháu nhìn về hướng đông, lửa leo tót nóc nhà.

Ngay chỗ đồng rom, một cột khói theo ngọn thông vươn lên trời cao trong xanh. Gió mang lửa đi khắp vườn, lan ra rẫy.

Gia đình cháu vừa giết kiến còn rải rác trên mình vừa chạy về hướng thị xã.

¹ Vốc mắt: lau, chùi mắt.

8.

Mẹ cháu bây giờ đã mất. Người ta nói mẹ bị bệnh sốt xuất huyết. Nhưng cháu không tin. Lớn thêm một tuổi, cháu không tin hơn nữa. Mẹ cháu chết vì nọc kiến. Ba lần bị kiến phủ, đủ lượng độc khiến tim mẹ thôi đập. Mấy bữa, cháu đấm cửa bác sĩ trưởng khoa bày tỏ như thế. Nhưng ông ấy có nghe cháu đâu. Ông bảo chưa có sách vở nào nói tới.

Ba hôm sau cuộc tháo chạy, cháu theo bố trở lại nhà. Nói cho đúng, trở lại rừng, nhà không còn nữa. Thế mà khi ra đi, mẹ cứ mong ngóng vẫn còn.

Từ xa nhìn tới, nhà cửa, vườn rẫy,... cháy sạch. Một bãi hoang tro than mênh mông. Lâu lâu, gió xoáy hình thành một cột bụi cao dật dờ lướt trên đầu ngọn cây cánh rừng đông bắc rồi khuất vào eo núi. Trên mỗi bước tháo chạy, trừ mẹ, bố và lũ cháu đều mong đám cháy lan toả như thế này. Cháu bật khóc. Bố cháu đứng trên nền nhà cũ, cười đến vỡ họng, trào nước mắt. Thảng một trận lớn, tan hoang cửa nhà. Một đời bố có thua ai! Cháu nhớ lại lời mẹ, cúi xuống, mong tìm thấy một đám xác kiến nơi nào đó. Nhưng toàn tro than. Cháu dùng cuốc, cố công đào một hàng mì. Củ không còn, chỉ thấy xác kiến bị hầm chín bầy nhầy với bột nhão. Cháu chạy ra đám khoai, đám chuối nước,... cũng thế cả. Quơ gộp được mấy cái tô ám khói, một ít vật dụng bằng sắt, cháu mang về. Gia tài còn lại chưa đủ nặng hai vai. Bố cháu đã sai lầm. Bố cháu đào một con sông ngược vào núi. Bố đi từ cái sai này đến cái sai khác. Bố ở trên thuyền. Và con thuyền nổi trôi trên dòng sông của bố. Nhưng bố là chồng, là cha và bố cứ tin vào con mắt sâu thẳm của mình, quên hẳn cuộc đời. Bề dày cuộc đời chưa có ánh sáng nào xuyên tới. Khi nhận ra được điều đó, bố cháu đủ thành người điên thật sự.

[...]

Chân trời sáng tạo

Kon Tum, 23/2/1989

(In trong Tạp chí Đất Quảng, số 65, tháng 9 – 10/1990, tr. 13 – 25)

Hướng dẫn đọc

1. Liệt kê các sự kiện chính trong văn bản và cho biết những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết *Kiến và người* là một truyện ngắn.
2. Câu chuyện được kể từ ngôi kể nào, qua điểm nhìn của ai? Theo bạn, việc sử dụng ngôi kể, điểm nhìn như vậy có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề, thông điệp của tác phẩm?
3. Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt trong cách ứng xử của “bố cháu” so với “mẹ cháu”, “cháu”, “em cháu”,... trước cuộc tấn công của bầy kiến.
4. Phân tích ý nghĩa của hình tượng bầy kiến và nhận xét về cách đặt nhan đề của tác giả.
5. Nhận xét vai trò của tượng tượng, hư cấu trong truyện ngắn *Kiến và người*.
6. Truyện đã mang lại thay đổi gì trong nhận thức của bạn về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Trong bài học này, bạn sẽ học cách viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học. Để viết được kiểu bài này, bạn cần vận dụng những hiểu biết về tác phẩm đã học và kiến thức xã hội kết hợp với kỹ năng viết văn bản nghị luận xã hội (đã học ở Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một)).

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học* là kiểu bài dùng lí lẽ và bằng chứng để bàn luận, làm sáng tỏ một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội) được đặt ra trong tác phẩm văn học và giàu ý nghĩa đối với cuộc sống.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Xem Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một).

Đọc ngữ liệu tham khảo

Thế nào là sống trọn vẹn?

Thời khắc năm cùng tháng tận, trong không khí lặng thầm của ngày đông chí, lần giờ những tờ lịch cuối cùng, tôi chợt bắt gặp mấy dòng thơ trong bài thơ số 90, trích từ tập *Thơ Dâng* (món quà muốn dâng tặng cho đời) của nhà thơ Ta-go (Tagore):

“Ngày từ thần gõ cửa nhà anh
Anh sẽ có món chi làm tặng vật?
Trước vị khách đến thăm tôi sẽ đặt
Cái li tràn đầy cuộc sống của tôi dâng.”^[1]

Đoạn thơ của Ta-go đã tạo ra một tình huống đặc biệt để mỗi người trần trở về ý nghĩa của cuộc sống: “Ngày từ thần gõ cửa nhà anh/ Anh sẽ có món chi làm tặng vật?”. “Tặng vật” nào sẽ làm cho từ thần hài lòng? Đây quả là một vấn đề nan giải. Rồi chính nhà thơ cũng hé lộ cho chúng ta câu trả lời cho tình huống ấy: “Trước vị khách đến thăm tôi sẽ đặt/ Cái li tràn đầy cuộc sống của tôi dâng”. Món quà ý nghĩa nhất chính là “cái li tràn đầy cuộc sống” – một cuộc sống trọn vẹn, có ý nghĩa. Hình như Ta-go muốn tận hưởng hết cái đẹp để, cái đa thanh, phức vị của cuộc sống thăng trầm trước khi gặp thần Chết. Đoạn thơ đã gửi đến chúng ta thông điệp: Cần sống trọn vẹn từng phút giây cuộc đời. Vậy thế nào là sống trọn vẹn?

[1]: Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm.

Trước hết, sống trọn vẹn là biết cho đi, như việc dâng tặng “chiếc li trần đầy cuộc sống” của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ.^[2a] Theo lẽ thường, đời sống là một cuộc chuyển hoá của cho và nhận, nhận và cho. Chúng ta không thể nào sống mà không kết nối với người khác. Tình cảm của chúng ta là kết quả của quá trình tương tác với đồng loại. Một đứa trẻ chỉ có thể lớn lên khi được chăm sóc bởi cha mẹ, gia đình – nhận sự dưỡng nuôi từ thân nhân. Sau đó, đứa trẻ sẽ nhận được sự giáo dục của nhà trường, sự bảo trợ từ xã hội. Lớn lên, nó lao động và ngầm thực hiện một giao kết xã hội giữa quyền lợi và nghĩa vụ với đất nước. Trong suốt cuộc đời, chúng ta đã nhận nhiều như thế, lẽ nào không biết cho đi?^[3a]

Quan trọng hơn cả, sống trọn vẹn là kiên trì cống hiến, theo đuổi lí tưởng.^[2b] Tuy nhiên, nếu những nỗ lực của chúng ta nhiều khi không thành công, suốt đời cũng không có được điều gì quá lớn để gửi lại thì thế nào? Nếu như vậy, bạn đừng bao giờ nản chí, cứ tiếp tục cống hiến và tạo ra thành tựu. Bạn biết không, mỗi viên gạch chẳng làm nên điều gì cả, nhưng nhiều viên gạch nối chồng lên nhau, tạo thành bức tường vững chắc có thể dẫn gió, dẫn nước, che sóng, ngăn triều. Cái chúng ta làm ra hôm nay còn dang dở, người sau sẽ tiếp nối. Chỉ cần tận tụy với lí tưởng cống hiến của mình, dù thành tựu có nhỏ bé, bạn vẫn là người đã để lại cho cuộc sống một nền móng, một mảng nào đó của một thành tựu lớn lao.^[3b]

Bằng hình ảnh ẩn dụ “tử thần gõ cửa” và “cái li trần đầy cuộc sống”, tác phẩm đã đặt ra vấn đề xã hội lớn lao: Con người nên làm gì để sống một cuộc đời trọn vẹn? Tử thần sẽ đến thăm và tôi sẵn sàng dâng tặng cuộc sống trần đầy nếu như tôi thật sự có cuộc đời đẹp để để dâng tặng. Ngược lại, sẽ bất ngờ và đau đớn biết bao trước vị khách lạ nếu “chiếc li” của tôi trống rỗng. Ngoài ra, cách sử dụng từ ngữ trang trọng như “tử thần”, “vị khách” cũng cho thấy thái độ bình thản của nhân vật trữ tình khi đối diện với điểm kết thúc của cuộc đời. Tương đồng với quan niệm của Ta-go, người Tây Tạng cũng cho rằng con người chỉ biết cách chết nếu như biết cách sống, bởi lẽ sống và chết thực chất chỉ là cách thức chúng ta ứng xử đối với từng giai đoạn của cuộc đời. Những dòng thơ hàm súc tuyệt đẹp này gợi cho ta biết bao suy ngẫm về cách sống hiến dâng tròn đầy và đẹp để với tư cách của một con người.^[4]

Giờ tiếp những tờ lịch còn dang dở, thấy chưa đầy tuần là đã sang năm. Lại một chặng nữa trong đời sống của chính mình đi qua. Suốt gần mười tám năm qua, nhiều lúc bản thân cũng yếu đuối, xa rời lí tưởng sống của mình. Song, cho đến hôm nay, vẫn còn vững bước trên con đường văn chương, tôi biết rằng lí tưởng đó mình vẫn còn nắm chặt và luôn hướng về. Mỗi chúng ta chỉ có thể bằng cống hiến và sự kiên trì của mình mà sống một cuộc đời trọn vẹn. Đó chính là thông điệp ý nghĩa nhất mà tác phẩm đã trao tặng chúng ta.^[5]

Theo Lâm Hoàng Phúc

(Nhiều tác giả, *Những bài văn nghị luận xã hội chọn lọc*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, tr. 26 – 28)

[2a], [2b]: Trình bày các luận điểm để làm rõ vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm.

[3a], [3b]: Trình bày lí lẽ và bằng chứng để làm rõ luận điểm.

[4]: Bình luận về ý nghĩa của vấn đề xã hội được gợi ra từ tác phẩm.

[5]: Khẳng định vấn đề, đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Người viết có quan điểm như thế nào về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học?
2. Để làm rõ quan điểm của mình, người viết đã đưa ra những luận điểm nào?
3. Mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp với nhau như thế nào? Phân tích một ví dụ để làm rõ.
4. Mở bài, thân bài và kết bài của ngữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học chưa? Vì sao?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được gợi ra từ một trong ba truyện ngắn đã học.

Bạn thực hiện viết văn bản theo quy trình bốn bước: 1. Chuẩn bị viết; 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa. Riêng với kiểu bài này, bạn lưu ý thêm một số điểm dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị viết

- Khi xác định đề tài, bạn có thể chọn một vấn đề về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được gợi ra từ một trong ba truyện ngắn đã học. Chẳng hạn, bạn có thể chọn một trong các đề tài sau:

- Nạn săn bắn thú rừng hoang dã ở Việt Nam hiện nay qua truyện ngắn *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp).

- Cách chung sống hoà hợp với môi trường tự nhiên được gợi ra từ truyện ngắn *Kiến và người* (Trần Duy Phiên).

- Khát vọng mưu sinh trên biển của con người thể hiện qua truyện ngắn *Chiều sương* (Bùi Hiển).

- Dù chọn đề tài nào, bạn cũng cần chỉ ra các căn cứ trong tác phẩm giúp bạn nhận ra đề tài.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Khi lập dàn ý, bạn cần sắp xếp nội dung các phần mở bài, thân bài, kết bài; các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong thân bài theo gợi ý thực hiện bước này ở Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một). Tuy nhiên, cần lưu ý đây là nghị luận về một vấn đề xã hội được gợi lên từ tác phẩm văn học (yêu cầu có khác với Bài 2), nội dung dàn ý vì thế cần gắn với tác phẩm văn học. Chẳng hạn, với vấn đề nạn săn bắn thú rừng hoang dã ở nước ta gợi lên từ truyện ngắn *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp), dàn ý bài viết có thể triển khai như sau:

– *Mở bài*: Nêu được vấn đề bảo vệ động vật hoang dã được gọi lên từ tác phẩm *Muối của rừng*.

– *Thân bài*: Cần có ít nhất hai luận điểm. Chẳng hạn:

Luận điểm 1: *Muối của rừng* cho thấy tình trạng săn bắn thú rừng ở nước ra diễn ra như thế nào? Tác phẩm có tác dụng gì trong việc cảnh báo, nhắc nhở độc giả về vấn đề? (*Lí lẽ và bằng chứng*)

Luận điểm 2: Cần có những biện pháp gì để xử lí vấn đề này? (Nếu trông chờ vào lòng trắc ẩn của cá nhân con người như ông Diêu trong truyện thì có ưu điểm và hạn chế gì?) (*Lí lẽ và bằng chứng*)

Lưu ý: Để tăng tính thuyết phục cho bài viết, bạn cần bình luận thêm về vấn đề mối quan hệ giữa con người với tự nhiên đã được tác phẩm đặt ra và giải quyết như thế nào, vấn đề được gọi ra từ tác phẩm có ý nghĩa hoặc tác động như thế nào đến nhận thức của bạn hay của cộng đồng,...

– *Kết bài*: Sau khi khẳng định lại vấn đề, nêu bài học/ giải pháp giải quyết vấn đề,... cần có đánh giá về đóng góp của tác phẩm *Muối của rừng* đối với vấn đề nêu trên.

Bước 3: Viết bài (xem bài 2)

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết kiểu bài này bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nêu ở Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một), lưu ý đến tên kiểu bài và một vài chi tiết khác biệt về đặc điểm của kiểu bài.

- Sau khi chỉnh sửa, hãy chia sẻ bài viết của mình với các bạn trong lớp. Lưu ý ghi chép lại ý kiến đóng góp cũng như câu hỏi của các bạn để cân nhắc, điều chỉnh.

- Rút ra bài học kinh nghiệm liên quan đến việc viết một bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học.



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Đề tài:

Đoàn Thanh niên trường bạn tổ chức buổi nói chuyện với đề tài *Cách ứng xử của con người với tự nhiên được phản ánh trong tác phẩm văn học*. Bạn hãy chuẩn bị bài nói của mình để tham gia buổi nói chuyện ấy.

Bạn thực hiện bài nói theo quy trình ba bước: 1. *Chuẩn bị nói*; 2. *Trình bày bài nói*; 3. *Trao đổi, đánh giá*. Riêng ở bài nói này, bạn lưu ý thêm một số điểm dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Khi xác định đề tài của bài nói, bạn có thể chọn vấn đề mối quan hệ giữa con người với tự nhiên được gợi ra từ tác phẩm văn học đã được chuẩn bị trong phần Viết. Bạn có thể chọn đề tài là một vấn đề xã hội từ một tác phẩm văn học khác (nếu muốn).

Bước 2: Trình bày bài nói

Khi lập dàn ý, để bài nói thêm thuyết phục, hấp dẫn, bạn cần:

- Tổ chức bài nói thành ba phần rõ ràng, phần mở đầu và kết thúc cần tạo ấn tượng sâu sắc.
- Nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược (dự kiến).
- Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng để tăng cường tính trực quan và hấp dẫn cho bài nói.
- Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và chuẩn bị câu trả lời; tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng nói, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nêu ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (Ngữ văn 11, tập một). Tuy nhiên, cần lưu ý bổ sung điều chỉnh một số chi tiết thể hiện những điểm riêng của kiểu bài.

Chân trời sáng tạo

ÔN TẬP

1. Lập bảng tóm tắt hệ thống nhân vật, người kể chuyện và điểm nhìn chính của các văn bản truyện đã đọc trong bài học.
2. Nêu nhận xét của bạn về một nhân vật trong văn bản *Chiều sương* (Bùi Hiển) hoặc *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp).
3. Tìm ví dụ minh họa cho các hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường: đảo trật tự từ ngữ, mở rộng khả năng kết hợp của từ và tách biệt.
4. Bạn rút ra được những lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học?
5. Khi trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học, bạn cần lưu ý những điều gì?
6. Theo bạn, vì sao chúng ta cần chung sống với thiên nhiên và chung sống bằng cách nào?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Vận dụng được những hiểu biết về tác giả Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của ông.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ,...
- Nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc; vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.
- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đối.
- Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (trong tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật): trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.
- Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (trong tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật).
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- Coi trọng nhận thức thực tiễn, có chủ kiến trước các vấn đề của đời sống.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Du

1. Nguyễn Du (1765 – 1820)¹, đại thi hào dân tộc Việt Nam, tên tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

¹ Về năm sinh của Nguyễn Du, *Hoan Châu Nghi Tiên Nguyễn gia thế phả* ghi ông sinh năm Ất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng, tức năm 1765. Nhưng có tài liệu ghi rõ ngày sinh của ông là 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tính ra dương lịch là ngày 3 tháng 1 năm 1766. Tuy nhiên, tuyệt đại đa số các sách vở đều ghi năm sinh của Nguyễn Du là năm 1765, kỉ niệm trong nước và quốc tế đều tính theo năm 1765.



Tranh chân dung Nguyễn Du
(Minh họa: Duy Thanh)

Thân phụ của ông là Nguyễn Nghiễm (1708 – 1776), làm Tế tướng triều Lê, đồng thời là một học giả, nhà thơ. Thân mẫu của ông là bà Trần Thị Tần (1740 – 1778), quê Kinh Bắc (nay thuộc huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Mười tuổi mồ côi cha, mười hai tuổi mồ côi mẹ, ông phải đến sống nhờ người anh khác mẹ là Nguyễn Khản. Năm 1783, Nguyễn Du đi thi, đỗ tam trường (tương đương Tú tài), làm một chức quan nhỏ dưới triều Lê; thời Tây Sơn, sống cuộc đời lưu lạc bần hàn; sau thời Tây Sơn, ông lại được mời ra làm quan cho triều Nguyễn (lên đến chức Hữu Tham tri bộ Lễ, tương đương chức Thứ trưởng bây giờ). Sống trong một giai đoạn mà gia cảnh và lịch sử đất nước có nhiều biến đổi lớn lao, cuộc đời ông cũng lắm phen chìm nổi, đau thương, buồn nhiều vui ít. Ông qua đời ở tuổi năm mươi lăm (ngày 16 tháng 9 năm 1820). Dù cuộc đời khá ngắn ngủi, nhưng cũng nhờ từng sống nhiều nơi, chứng kiến, nếm trải nhiều cảnh đời dâu bể, lại có tài năng lớn, tâm hồn nhạy cảm thiên phú nên Nguyễn Du đã trở thành một đại thi hào dân tộc.

2. Sáng tác của Nguyễn Du gồm hai bộ phận: chữ Hán và chữ Nôm.

Sáng tác chữ Hán của ông gồm ba tập: *Thanh Hiên thi tập*, gồm bảy mươi tám bài, được viết từ lúc còn chìm nổi lênh đèn đóm đến khi làm quan ở Bắc Hà (1786 – 1804); *Nam trung tạp ngâm*, gồm bốn mươi bài, được sáng tác trong giai đoạn làm quan ở Quảng Bình và Huế (từ năm 1805 đến năm 1813); *Bắc hành tạp lục*, gồm một trăm ba mươi mốt bài, được sáng tác trên đường đi sứ Trung Quốc (từ năm 1813 đến năm 1814).

Sáng tác chữ Nôm của ông tiêu biểu là: *Truyện Kiều* (tức *Kim Vân Kiều tân truyện*, hay *Đoạn trường tân thanh*), được sáng tác khi làm quan ở Huế hoặc có thể khởi thảo từ trước đó, khi còn ở quê nhà; *Văn tế thập loại chúng sinh* (thường gọi *Văn chiêu hồn*), được sáng tác vào đầu thế kỉ XIX.

2.1. Thơ chữ Hán của Nguyễn Du thường sâu sắc, thâm trầm, giàu chiêm nghiệm. Mỗi tập thơ đều có giá trị riêng, nhưng phong phú, sâu sắc và để lại nhiều dư vang trong lòng người đọc nhất vẫn là *Bắc hành tạp lục*. Trong mười bốn tháng đi sứ ở Trung Quốc, Nguyễn Du đã ghé thăm nhiều nơi, có dịp đến Kinh đô Bắc Kinh; đồng thời ông cũng ngược dòng thời gian để tìm hiểu lịch sử, văn hoá Trung Hoa, chiêm nghiệm các vấn đề về con người và đời sống. Những cảnh đời, những phận người trước biến thiên của lịch sử và những gì tai nghe, mắt thấy trên đường đi sứ đã trở thành nguồn cảm hứng của tập thơ. Nguyễn Du chọn đứng về phía nhân dân cùng các văn nhân, trí thức lương thiện, khốn cùng như Tể Can, Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Văn Thiên Tường, ông già hát rong ở thành Thái Bình, người chết đói bên vệ đường trong cuộc chạy loạn, bốn mẹ con ăn xin mà ông thấy dọc đường, người đẩy xe trên đường nắng rát ở Hà Nam,... Vượt lên trên những định kiến hẹp hòi phân chia biên giới quốc gia, ông tìm thấy mối đồng cảm giữa mình với những người Trung Hoa khốn khổ ở tính người, ở kiếp người vất vả, khổ đau,...

2.2. Sáng tác chữ Nôm của Nguyễn Du không nhiều, nhưng các tác phẩm của ông đều kết tinh nhiều giá trị quan trọng. *Văn chiêu hồn* và *Truyện Kiều* đều là những tác phẩm bất hủ. Trong đó, *Truyện Kiều* được xem là “khúc Nam âm tuyệt xướng” (từ dùng của Đào Nguyên Phổ).

Về nội dung, tư tưởng, *Truyện Kiều* đặt ra câu hỏi lớn về “phận đàn bà” và số phận con người nói chung. Đó là câu chuyện về cuộc đời khổ đau của một con người bị đem đi mua bán như món hàng, bị đánh đập, bị săn đuổi, bị sỉ nhục, đọa đày,... mà không ai có thể cứu giúp, cuối cùng phải đi tìm cái chết. Tác phẩm là “tiếng kêu thương động đất trời” khi nhân cách và giá trị làm người bị chà đạp.

Về hình thức, với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã nâng thể loại truyện thơ Nôm và ngôn ngữ văn chương của dân tộc lên một tầm cao mới. Nhiều nhân vật trong tác phẩm như Thuý Kiều, Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải, Hoạn Thư, Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh,... được khắc hoạ với những nét tính cách điển hình, sinh động tựa con người đang sống giữa cuộc đời. Ngôn ngữ *Truyện Kiều* đạt đến mức điêu luyện, biến hoá linh hoạt cả khi kể chuyện, tả cảnh, tả tình,... khi nhân vật đối thoại hay độc thoại nội tâm,...

Viết *Truyện Kiều*, Nguyễn Du mượn cốt truyện *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, nhà văn thời Minh – Thanh (Trung Quốc). Nhưng với việc bổ sung, thay đổi khá nhiều tình tiết, tăng cường hàm lượng trữ tình, sử dụng câu thơ lục bát để kể chuyện, tả cảnh, miêu tả nội tâm một cách tinh tế, điêu luyện,... Nguyễn Du đã sáng tạo nên một kiệt tác.

3. Những kiệt tác văn chương, nghệ thuật luôn có sức sống vượt thời gian. *Truyện Kiều*, *Văn tế thập loại chúng sinh* và rất nhiều bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du suốt mấy trăm năm qua đã chứng minh điều này. Đó là những tác phẩm đã, đang và sẽ làm rung động trái tim bao thế hệ người đọc, mang lại cho họ những bài học sâu sắc về tình yêu thương, quý trọng con người, về nghị lực sống, tranh đấu và vượt lên trên hoàn cảnh khắc nghiệt, về tư tưởng nhân văn và ý thức sáng tạo của người nghệ sĩ,...

Điểm nhìn trong truyện thơ: Truyện thơ thường sử dụng điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, truyện thơ cũng sử dụng điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri từ một số nhân vật như điểm nhìn của nhân vật “anh” trong *Tiểu dẫn người yêu* (truyện thơ dân tộc Thái) hoặc điểm nhìn của nhân vật Thuý Kiều ở một số đoạn trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du).

Nhân vật và đối thoại, độc thoại nội tâm: Nhân vật trong tác phẩm truyện thường được khắc hoạ không chỉ thông qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, mà còn qua ngôn ngữ giao tiếp và đời sống nội tâm của nhân vật, tức là thông qua đối thoại, độc thoại nội tâm.

Độc thoại nội tâm là những lời nói thầm trong tâm trí (không phát ra thành tiếng), nhằm tái hiện hoạt động suy nghĩ – xúc cảm bên trong của nhân vật. Ví dụ:

Tín vào gỏi trước trung quân,
Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ.
Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành.
Bó thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo **phận mình** ra đâu?
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi.
Sao bằng riêng một biên thuỳ,
Sức này đã dễ làm gì được nhau.
Chợ trời khuấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai!

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Trong đoạn thơ trên, từ dòng thơ thứ ba trở đi là độc thoại nội tâm, thể hiện những suy tư thầm kín của Từ Hải trước việc Hồ Tôn Hiến dụ hàng. Đáng lưu ý là trong *Truyện Kiều* cũng như ở đây, độc thoại nội tâm của nhân vật được đặt tiếp nối lời của người kể chuyện (hai dòng thơ đầu) không có các dấu hiệu tách bạch rõ về chính tả, nên ranh giới không thật rõ ràng. Để phân biệt độc thoại nội tâm với lời của người kể chuyện, trong các trường hợp này, người đọc phải căn cứ vào các dấu hiệu như: sự thay đổi chủ thể của lời nói, ý thức của người nói, các từ nhân xưng. Chẳng hạn, trong mười hai dòng thơ trên, phải dựa vào các từ nhân xưng như “**Từ công**”, “**phận mình**” (được in đậm), chủ thể lời nói, ý thức của người nói (người kể chuyện hay nhân vật) để nhận biết đâu là lời của người kể chuyện, đâu là độc thoại nội tâm của nhân vật Từ Hải.

Bút pháp miêu tả nội tâm trong truyện thơ Nôm và “Truyện Kiều”: Việc miêu tả nội tâm của nhân vật trong truyện thơ Nôm bác học có thể thực hiện theo nhiều cách: bằng lời đối thoại, độc thoại của chính nhân vật; bằng những dòng thơ miêu tả phong cảnh thiên nhiên, hay kể, tả về hành vi, cử chỉ của nhân vật; qua các dòng thơ mà người kể chuyện trực tiếp nhận xét, phân tích trạng thái tâm lí, cảm xúc của nhân vật,... Trong đoạn độc thoại nội tâm của nhân vật Từ Hải trên đây, tâm lí của Từ Hải được miêu tả trước hết qua nhận xét trực tiếp của người kể chuyện (*Từ công riêng hãy mười phân hồ đồ*) và sau đó, qua độc thoại nội tâm của Từ Hải.

Biện pháp tu từ đối: đặc điểm và tác dụng

Đối là biện pháp tu từ đặt những từ ngữ có âm thanh và ý nghĩa tương phản hoặc tương hỗ vào vị trí cân xứng để tạo nên sự hài hoà về ý nghĩa, đồng thời làm nên nhạc điệu cho câu thơ, câu văn. Ví dụ:

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Trong ví dụ trên, các từ trong hai vế “thành xây khói biếc” và “non phơi bóng vàng” tạo thành từng cặp tương ứng, cân xứng với nhau về nội dung, giống nhau về từ loại (*thành – non, xây – phơi, khói – bóng, biếc – vàng*), trái nhau về thanh điệu bằng, trắc (*biếc – vàng*) tạo nên vẻ đẹp hài hoà cho câu thơ.

Biện pháp tu từ đối được sử dụng trong thơ (đặc biệt là thể thơ Đường luật bát cú), trong văn xuôi ở cấp độ câu, đoạn văn hoặc văn bản. Ví dụ, biện pháp tu từ đối trong hai câu 3 – 4 của bài *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan):

Lom khom dưới núi tiều vài chú,

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

Đây là biện pháp tu từ có tác dụng tạo sự cân xứng về ý nghĩa và nhạc điệu, tạo nên cái đẹp hài hoà theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam. Tác dụng này thể hiện rất rõ trong hai dòng thơ trên.

Ngoài ra, biện pháp này còn có tác dụng giúp miêu tả sự việc, cảnh vật một cách cô đúc, khái quát mà không cần liệt kê, kể lể dài dòng.



ĐỌC

VĂN BẢN 1

TRAO DUYÊN

(Trích *Truyện Kiều*)

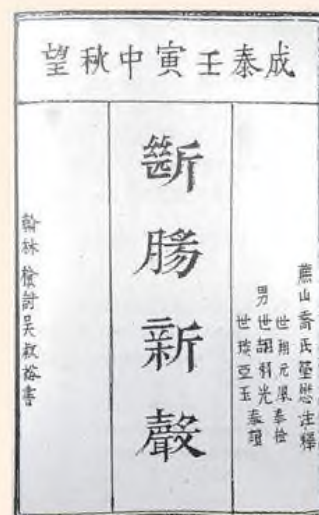
Nguyễn Du



Vào tiết thanh minh, ba chị em Thuý Kiều, Thuý Vân, Vương Quan đi chơi xuân, đến viếng nấm mồ vô chủ của người kĩ nữ đã chết là Đạm Tiên, họ gặp Kim Trọng – một “bậc tài danh”, bạn của Vương Quan. Sau đó, Kim Trọng, Thuý Kiều yêu nhau, trao kỉ vật, thề nguyện với nhau. Khi Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chú, thì tai hoạ ập đến nhà Kiều. Cha và em của Kiều bị vu oan, nên bị bắt, bị tra khảo. Nàng quyết định bán mình để chuộc cha và trao duyên cho Thuý Vân để khỏi phụ lòng Kim Trọng. Từ đây, Kiều bắt đầu một cuộc đời chìm nổi, lưu lạc suốt mười lăm năm: bị lừa làm kĩ nữ ở lầu xanh của Tú Bà;

Vào tiết thanh minh, ba chị em Thuý Kiều, Thuý Vân, Vương Quan đi chơi xuân, đến viếng nấm mồ vô chủ của người kĩ nữ đã chết là Đạm Tiên, họ gặp Kim Trọng – một “bậc tài danh”, bạn của Vương Quan. Sau đó, Kim Trọng, Thuý Kiều yêu nhau, trao kỉ vật, thề nguyện với nhau. Khi Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chú, thì tai hoạ ập đến nhà Kiều. Cha và em của Kiều bị vu oan, nên bị bắt, bị tra khảo. Nàng quyết định bán mình để chuộc cha và trao duyên cho Thuý Vân để khỏi phụ lòng Kim Trọng. Từ đây, Kiều bắt đầu một cuộc đời chìm nổi, lưu lạc suốt mười lăm năm: bị lừa làm kĩ nữ ở lầu xanh của Tú Bà; thoát ra làm lẽ cho Thúc Sinh thì bị vợ cả là Hoạn Thư đánh ghen, hạ nhục; trốn khỏi nhà Hoạn Thư lại bị Bạc Bà, Bạc Hạnh lừa bán vào lầu xanh; gặp người anh hùng Từ Hải, Kiều được giúp báo ân, báo oán. Nhưng rồi mắc mưu Hồ Tôn Hiến, Từ Hải bị chết giữa trận tiền, Kiều bị ép hầu rượu, rồi bị gả cho một viên thổ quan,... nàng buộc phải gieo mình xuống sông Tiền Đường quyền sinh, may mắn được vãi Giác Duyên cứu sống. Kiều gặp lại cha mẹ, các em và Kim Trọng. Nể lời gia đình và người yêu cũ, Kiều chấp nhận làm hôn lễ với Kim Trọng nhưng nàng chỉ thuận lòng để hai người coi nhau như bạn bè.

Văn bản *Trao duyên* dưới đây trích bốn mươi tám câu trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), từ câu 711 đến câu 758. Nhan đề sử dụng theo *Ngữ văn 11*, NXB Giáo dục Việt Nam, năm 2021.



Bìa Đoạn trường tân thanh
(*Truyện Kiều*, bản Gia Sơn Kiều
Oánh Mậu, 1902)

✓ Trước khi đọc

Trong cuộc sống, đôi khi có những điều rất khó nói, nhưng vẫn phải tìm cách nói ra để nhận được sự cảm thông, chia sẻ của một người nào đó. Đã bao giờ bạn gặp một tình huống như vậy chưa? Hãy chia sẻ với các bạn hoặc lắng nghe chia sẻ của bạn về trải nghiệm đó.

✓ Đọc văn bản

(Lược dẫn: Để cứu cha và em trai thoát khỏi cảnh tù tội trong một vụ án oan, Thuý Kiều quyết định bán mình. Trước khi ra đi, nàng cậy nhờ em mình là Thuý Vân thay mình kết duyên cùng Kim Trọng.)

Nỗi riêng riêng những bàn hoàn¹,
Dầu chong trắng đĩa², lệ tràn thấm khăn.
Thuý Vân chột tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han:

¹ Bàn hoàn: bản khoán, nghĩ quanh quẩn, vương vấn không rời được.

² Dầu chong trắng đĩa: dầu thắp đèn (chong đèn) đã cạn hết, tro trắng đĩa. Ý nói thức lâu, thức khuya.

715. – “Cơ trời dâu bể đa đoan¹,
 Một nhà để chị riêng oan một mình.
 Có chi ngồi nhẩn² tàn canh?
 Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?”

Theo dõi

1 Phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong đoạn này.

Rằng: – “Lòng đương thổn thức đây, **1**

720. Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.

Hở môi ra cũng thẹn thùng,
 Để lòng thì phụ tấm lòng với ai.
 Cây em, em có chịu lời,
 Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. **2**

Suy luận

2 Cách mở đầu cho câu chuyện sắp nói với Thuý Vân của Kiều có gì khác thường?

725. Giữa đường đứt gánh tương tư,
 Keo loan³ chấp mối tơ thừa mặc em.

Kể từ khi gặp chàng Kim,
 Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
 Sự đâu sóng gió bất kì,
 730. Hiếu tình khôn dễ hai bề vẹn hai.
 Ngày xuân em hãy còn dài,
 Xót tình máu mủ thay lời nước non⁴.

Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây.

735. Chiếc vành với bức tờ mây,⁵
 Duyên này thì giữ vật này của chung.

¹ Cơ trời dâu bể đa đoan: cơ trời là máy trời, tức là sự sắp đặt, xoay vần của tạo hoá; dâu bể: sự thay đổi rất lớn, như ruộng dâu biến thành biển xanh và ngược lại; đa đoan: nhiều mối, nhiều chuyện. Ý cả cụm từ nói trời đất có nhiều chuyện xảy ra rất lớn, không ngờ được.

² Ngồi nhẩn: ngồi mãi đến.

³ Keo loan: chữ Hán là loan giao, tức keo nấu bằng tiết con chim loan, dùng để dán dây đàn rất chắc. Ý nói dây đàn tình yêu Kim – Kiều bị đứt, Thuý Kiều trao duyên cho Thuý Vân như là keo loan dán dây đàn bị đứt, sẽ rất bền chắc.

⁴ Lời nước non: lời thề nguyên trai gái, bền vững như nước non.

⁵ Chiếc vành với bức tờ mây: chiếc vành là chiếc vòng đeo tay, cái xuyến, kỉ vật của Kim Trọng tặng Thuý Kiều (Vội về thêm lấy của nhà/ Xuyến vàng đôi chiếc khăn là một vuông). Bức tờ mây là tờ giấy thề nguyên của Kim – Kiều (Tiên thề cùng thảo một chương/ Tóc mây một món dao vàng chia hai).

- Dù em nên vợ nên chồng,
 Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.
 Mất người còn chút của tin,
 740. Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.¹
 Mai sau dù có bao giờ,
 Đốt lò hương ấy, so tơ phím này.
 Trông ra ngọn cỏ lá cây,
 Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
 745. Hồn còn mang nặng lời thề,
 Nát thân bồ liễu, đền nghi trúc mai²;
 Dạ đài³ cách mặt khuất lời,
 Rảy xin chén nước cho người thác oan.
 Bây giờ trâm gãy gương tan⁴,
 750. Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân.
 Trăm nghìn gửi lạy tình quân⁵,
 Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
 Phận sao phận bạc như vôi⁶,
 Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng.
 755. Oi Kim lang! Hỡi Kim lang!
 Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!³
 Cạn lời hồn ngắt máu say,
 Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng.

Tưởng tượng

3 Bạn hình dung thế nào về dáng vẻ, tâm trạng, giọng nói của Thuý Kiều trong đoạn từ dòng thơ 741 đến dòng 756 ở cuối văn bản?

(In trong *Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn học, Hà Nội, 1979, tr. 90 – 91)

¹ *Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa*: phím đàn mà Kiều từng gảy cho Kim Trọng nghe. *Mảnh hương nguyên* là mảnh hương trầm đốt trong đêm thề nguyện còn sót lại.

² *Bồ liễu*: cây thủy dương, một loại cây liễu lá dài, nhỏ, mềm, thướt tha hay mọc ven bờ nước, mùa thu rụng lá sớm. *Bồ liễu* thường dùng để ví với thân phận phụ nữ (xem thêm chú thích ở Bài 3). *Đền nghi trúc mai*: *nghi*: biến âm từ “nghĩa”, *đền nghi*: đền nghĩa; *trúc mai*: cây trúc và cây mai trong hội họa thường vẽ cạnh nhau để chỉ người quân tử, nhưng trong ca dao và *Truyện Kiều* thì chỉ tình nghĩa vợ chồng, tình yêu nam nữ. Ý cả câu: nguyện đến chết, nát thân mềm yếu của người đàn bà để đền nghĩa vợ chồng.

³ *Dạ đài*: âm phủ.

⁴ *Trâm gãy gương tan*: trâm bị gãy, gương bị vỡ tan. Ý chỉ mối tình đã tan vỡ, đây là sự chia li vĩnh viễn.

⁵ *Tình quân*: từ người nữ gọi người yêu của mình.

⁶ *Phận bạc như vôi*: dịch từ *bạc phận*, *bạc mệnh*, tức phận mỏng (bạc là mỏng). Nhưng ở đây Nguyễn Du chơi chữ: bạc trắng như vôi (bạc: từ thuần Việt là trắng, phai nhạt thành như trắng, đồng âm với từ gốc Hán: *bạc* là mỏng).

✓ Sau khi đọc

1. Việc “trao duyên” và cuộc trò chuyện giữa chị em Thuý Kiều – Thuý Vân được thuật lại theo ngôi kể nào? Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết điều đó?
 2. Xác định số dòng thơ biểu đạt lời của mỗi nhân vật. Chỉ ra sự khác biệt về độ dài (tính bằng số dòng thơ) giữa lời thoại của hai nhân vật và giải thích sự khác biệt ấy.
 3. Lời thoại của Thuý Vân có vai trò như thế nào đối với sự tiến triển của câu chuyện?
 4. Tóm tắt lời thoại của Thuý Kiều và cho biết:
 - a. Lời thoại của Kiều trong văn bản là tự sự, biểu cảm hay kết hợp tự sự với biểu cảm?
 - b. Từ dòng thơ 741 đến dòng thơ 756, lời của Thuý Kiều hướng đến ai; là đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm?
 5. Chỉ ra sự thay đổi trong tâm trạng của Thuý Kiều trước, trong và sau khi trao kỉ vật cho Thuý Vân.
 6. Xác định chủ đề của văn bản *Trao duyên* và cho biết, phần văn bản này có vai trò thế nào trong việc góp phần thể hiện chủ đề chính của *Truyện Kiều*.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hay dựng một hoạt cảnh sân khấu hoá về cuộc trao duyên.

VĂN BẢN 2

ĐỌC “TIỂU THANH KÍ”¹

Nguyễn Du

✓ Trước khi đọc

Bạn hiểu thế nào là “tri âm” và biết thành ngữ, tục ngữ hay tác phẩm văn học nào nói về chuyện “tri âm”? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.

✓ Đọc văn bản

Phiên âm 1a

Độc “Tiểu Thanh kí”

Tây Hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điều song tiền nhất chỉ thư.

¹ *Tiểu Thanh kí*: truyện viết về nàng Tiểu Thanh. Phùng Tiểu Thanh, người thời Minh (Trung Quốc), xinh đẹp, thông minh, giỏi cầm kì thi họa. Năm mười sáu tuổi, nàng phải làm vợ lẽ cho công tử họ Phùng. Vợ cả tính hay ghen, cay độc, bắt nàng ra sống riêng trên Cô Sơn, gần Tây Hồ (Hàng Châu). Vì đau buồn, nàng sinh bệnh rồi qua đời khi mới mười tám. Sau khi nàng chết, vợ cả còn tìm thơ của nàng đốt đi, may còn lại một ít, người đời sau in lại, gọi là *Phần dư tập*. Độc “*Tiểu Thanh kí*” là bài cuối cùng trong *Thanh Hiên thi tập* của Nguyễn Du.

Chi phần hữu thần liên tử hậu,
 Văn chương vô mệnh luy phần dư.
 Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
 Phong vận kỳ oan ngã tự cư.
 Bất tri tam bách dư niên hậu¹,
 Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Dịch nghĩa² 1b

Độc “Tiểu Thanh kí”

Vườn hoa bên Tây Hồ³ đã thành bãi hoang rồi,
 Chỉ mình ta thương nàng trước cửa sổ qua một tập sách giấy mỏng.⁴
 Son phấn có thần, khiến ta xót thương nàng sau khi nàng đã chết,⁵
 Văn chương không có số mệnh tốt, khiến ta khổ luy vì tập thơ bị đốt dở.⁶
 Những mối hận cổ kim, ta khó mà hỏi trời được.
 Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã.
 Không biết hơn ba trăm năm sau,
 Thiên hạ ai người khóc Tố Như?⁷ 2

Theo dõi

Đối chiếu bản phiên âm 1a với bản dịch nghĩa 1b theo từng dòng, từng cặp câu để hiểu nghĩa và nội dung bài thơ.

Suy luận

2 Hai dòng thơ cuối có mối liên hệ như thế nào với sáu dòng thơ đầu?

- ¹ Dòng bảy, tám thất niêm. Có thể do Nguyễn Du thấy hay và phù hợp nên vẫn dùng, theo tinh thần “Đại gia văn chương bắt câu niêm luật” (Văn chương của tác gia lớn thì không bị gò vào niêm luật). Ba trăm năm không phải là thời gian Nguyễn Du cách Tiểu Thanh mà là thời gian phiếm chỉ, ý nói rất lâu sau.
- ² Bản dịch nghĩa đã được nhóm biên soạn điều chỉnh cho sát nghĩa, dễ hiểu hơn.
- ³ Tây Hồ: hồ ở thành phố Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Hồ rất rộng, là một thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc. Bên hồ có núi Cô Sơn, tương truyền Tiểu Thanh từng sống và khi chết thì mộ chôn ở đấy.
- ⁴ Chỉ mình ta ... giấy mỏng: thương: dịch từ *điều*. Tập sách giấy mỏng: dịch từ *chỉ thư*. Tiểu Thanh không phải là loại người được chế độ phong kiến đề cao như hậu phi, công chúa, liệt nữ mà tên tuổi có thể ghi trong sách vàng, đồng, tre lụa, hay bia đá. Nàng chỉ là thứ dân, có nhan sắc, giàu tình cảm, làm vợ lẽ bị vợ cả đánh ghen, chết trong buồn khổ. Cuộc đời bình thường ấy khi viết thành truyện, tiểu thuyết, chỉ được in sách bằng loại giấy mỏng, xấu (*chỉ thư*) bán rẻ ở chợ để mua vui.
- ⁵ Son phấn có thần: son phấn dịch từ *chỉ phấn*, chỉ nhan sắc. Trong *Tiểu Thanh kí* có kể chuyện nàng Tiểu Thanh mời hoạ sĩ đến vẽ chân dung mình, vẽ đến lần thứ ba mới thể hiện được thần thái của nàng. Son phấn có thần ... đã chết: cũng có thể hiểu là nhan sắc có thần lực (sức mạnh linh thiêng) riêng, khiến cho sau khi chết đi rồi, đến hàng trăm, hàng nghìn năm sau vẫn có người thương tiếc (Nguyễn Du là một trong những người ấy).
- ⁶ Văn chương ... bị đốt dở: dịch từ *văn chương vô mệnh*. Người xưa quan niệm văn chương thường không đem đến cho người ta số phận tốt. Đỗ Phủ viết: “Văn chương tăng mệnh đạt” (Văn chương ghét những người có số phận tốt – *Thiên mệnh hoài Lý Bạch*), Nguyễn Du cũng nói: “Tài mệnh ghét nhau”. Tập thơ bị đốt dở: là nhắc đến *Phần dư tập* của Tiểu Thanh, tập thơ bị vợ cả ghen đốt đi, còn sót lại mười hai bài thơ và từ. Ý cả câu: nghĩ rằng văn chương không có số mệnh tốt, bị người đời ghen ghét, tiêu huỷ đi, điều ấy khiến cho ta (Nguyễn Du) khổ luy vì tập thơ bị đốt dở (*Phần dư tập*) của nàng.
- ⁷ Thiên hạ ... Tố Như: Tố Như là tên tự của Nguyễn Du. Khóc cho Tố Như tức tri âm tri kỉ với Tố Như, hiểu nỗi lòng Tố Như, thương xót cho Tố Như, như Tố Như thương xót cho Tiểu Thanh. Đây là cách nghĩ rất phổ biến của người tài tử, như Mộng Liên Đường chủ nhân viết trong bài tựa *Truyện Kiều*: “Người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thực là cái thông luy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy”.

Dịch thơ

Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang,
Thổn thức bên song mảnh giấy tàn.
Son phấn có thần chôn vẫn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,
Cái án phong lưu khách tự mang.
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?

Vũ Tam Tập dịch

(In trong *Thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Lê Thuốc, Trương Chính biên soạn,
NXB Văn học, Hà Nội, 1978, tr. 172 – 174)

✓ Sau khi đọc

1. Chủ thể trữ tình và tác giả ở tác phẩm này có phải là một? Căn cứ vào các chi tiết nào trong văn bản để bạn xác định như vậy?
2. Phân tích tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình đối với số phận của nàng Tiểu Thanh (chú ý từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,... trong sự đối sánh giữa bản phiên âm và bản dịch nghĩa, dịch thơ).
3. Hãy chỉ ra mối liên hệ về nội dung giữa sáu dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối. Từ đó, bạn hiểu gì về tâm sự của Nguyễn Du và thời đại của ông?
4. Xác định cảm hứng chủ đạo và thông điệp mà tác giả muốn gửi đến độc giả qua bài thơ. Từ thông điệp ấy, bạn rút ra lưu ý gì trong việc đọc, tìm hiểu đánh giá, sử dụng tác phẩm văn chương nghệ thuật, đặc biệt là những tác phẩm trong quá khứ?
5. Bình luận ý kiến cho rằng: trong các nhân vật Tiểu Thanh (*Độc “Tiểu Thanh kí”*), Thuý Kiều (*Truyện Kiều*) đều có hình bóng của Nguyễn Du.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

KÍNH GỬI CỤ NGUYỄN DU

Tố Hữu

✓ Đọc văn bản

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...

Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cò đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường!

Nỗi niềm xưa nghĩ mà thương:
Dấu lia ngó ý, còn vương tơ lòng...
Nhân tình, nhắm mắt, chưa xong
Biết ai hậu thế, khóc cùng Tố Như?
Mai sau, dù có bao giờ...
Câu thơ thuở trước, đâu ngờ hôm nay!

Tiếng đàn xưa đứt ngang dây
Hai trăm năm lại càng say lòng người
Trải bao gió dập sóng dồi
Tấm lòng thơ vẫn tình đời thiết tha
Đau đớn thay phận đàn bà
Hỡi ôi, thân ấy biết là mấy thân!
Ngẫm xem qua kiếp phong trần
Đời vui nay đã nửa phần vui đây
Song còn bao nỗi chua cay
Góm quân Ung Khuyển, ghê bầy Sở Khanh.
Cũng loài hổ báo ruồi xanh
Cũng phường gian ác hôi tanh hại người

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày
Hỡi Người xưa của ta nay
Khúc vui xin lại so đây cùng Người!

Sông Lam nước chảy bên đời
Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi quân...

1/11/1965

(In trong *Thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục Giải phóng, 1974, tr. 181 – 182)

✓ Sau khi đọc

1. Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời của bài thơ. Hoàn cảnh đó giúp ích gì cho bạn trong việc đọc hiểu bài thơ?
2. Nếu cần chọn một câu thơ có khả năng bao quát nội dung toàn bài, bạn sẽ chọn câu nào? Vì sao? Xác định chủ thể trữ tình và chủ đề của bài thơ.
3. Trình bày cảm nhận của bạn về đoạn thơ sau:

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

4. Bài thơ giúp bạn hiểu thêm điều gì về nỗi lòng của Nguyễn Du và tác phẩm của ông?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp đối trong các trường hợp dưới đây:

a. *Nỗi riêng riêng những bàn hoàn
Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b. *Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

c. *Nhẹ như bắc nặng như chì,
Gỡ cho ra nữa còn gì là duyên?*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

2. Liệt kê những dòng thơ có sử dụng biện pháp đối trong văn bản *Trao duyên* và nêu tác dụng của biện pháp này.
3. Theo bạn, cách sử dụng biện pháp đối trong các trường hợp dưới đây có gì giống và khác nhau?

a. *Lại như những thói người ta,
Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b. *Tình duyên ấy hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi đêm chầy trăng cao.*
(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

c. *Son phần có thần chôn vãn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.*
(Nguyễn Du, *Độc "Tiểu Thanh kí"*)

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ cảm nhận của bạn về vẻ đẹp của tiếng Việt trong thơ Nguyễn Du, trong đó chú ý đến những câu thơ có sử dụng biện pháp đối.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ TÁC GIẢ

Văn bản đọc mở rộng

THÚY KIỀU HẦU RƯỢU HOẠN THƯ – THÚC SINH

(Trích *Truyện Kiều*)

Nguyễn Du

Hoạn Thư cho người bí mật bắt cóc Thuý Kiều và đổi tên là Hoa Nô, bắt nàng làm người hầu, đồng thời nguy tạo một vụ hỏa hoạn để đánh lừa Thúc Sinh. Nghĩ rằng Kiều đã chết, Thúc Sinh vô cùng thương xót. Khi trở về thăm Hoạn Thư, Thúc Sinh bất ngờ gặp lại Kiều trong một thân phận mới.

Văn bản dưới đây trích 86 câu trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), từ câu 1799 đến câu 1884, thuật lại việc Hoạn Thư bắt Thuý Kiều hầu rượu vợ chồng mình để hạ nhục Kiều và răn đe Thúc Sinh.



Tranh của Lê Lam

(In trong *Truyện Kiều và nghệ thuật tạo hình*, Hồ Việt Anh (Chủ biên), NXB Mỹ thuật, 2015, tranh số 112)

Chạnh niềm nhớ cảnh gia hương¹,
1800. Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu thư đón cửa đã dề²,
Hàn huyên³ vừa cạm mọi bề gần xa.
Nhà hương⁴ cao cuốn bức là,
Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.

¹ *Gia hương*: nhà của mình.

² *Dề*: đón đỡ, vui vẻ hỏi thăm.

³ *Hàn huyên*: lạnh và ẩm, hỏi thăm nhau lúc mới gặp.

⁴ *Nhà hương*: nhà thơm, mỉa mai từ để chỉ nhà ở.

1805. Bước ra một bước một dừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa:
 “Phải chăng nắng quáng đèn loà,
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?
 Bây giờ tình mới rõ tình,
1810. Thôi thôi đã mắc vào vành¹ chẳng sai.
 Chước đâu có chước lạ đời?
Người đâu mà lại có người tình ma?
 Rõ ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi.
1815. Bề ngoài thon thót nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao.
 Bây giờ đất thấp trời cao,
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ?”
 Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
1820. Ruột tầm đời đoạn như tơ rối bời.
 Sợ uy dám chẳng vâng lời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều².
 Sinh đà phách lạc hồn xiêu:
 “Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây?
1825. Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi đã mắc vào tay ai rồi!”
 Sợ quen dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt ngọc³ sụt sùi nhỏ sa.

¹ *Mắc vào vành*: mắc vào vòng mưu kế.

² *Sân mai*: sân trồng cây mai, chỉ sân. Từ *mai* thêm vào cho đẹp. *Một chiều*: như một bề, chịu phép như thế chứ không dám làm gì khác. Ý cả câu: bất ngờ lâm vào tình huống oái oăm, Thuý Kiều không còn cách nào khác, chỉ biết cúi đầu vâng theo mệnh lệnh của Hoạn Thư.

³ *Giọt ngọc*: giọt nước mắt. Văn chương cổ điển thường ví nước mắt như ngọc.

- Tiểu thư trông mặt hỏi tra:
1830. – “Mới về có việc chi mà động dong¹?”
- Sinh rằng: – “Hiếu phục² vừa xong,
“Suy lòng trắc Dĩ đau lòng chung thiên³.”
- Khen rằng: – “Hiếu tử đã nên!
Tẩy trần⁴ mượn chén giải phiền đêm thu.”
1835. Vợ chồng chén tạc chén thù⁵,
Bắt nàng đứng chực trì hồ⁶ hai nơi.
Bắt khoan bắt nhặt⁷ đến lời,
Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay.
Sinh càng như đại như ngậy,
1840. Giọt dài giọt ngắn chén đầy chén voi.
Ngoảnh đi chột nói chột cười,
Cáo say chàng đã tỉnh bài lảng ra.
Tiểu thư vội thét: – “Con Hoa!
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đờn.”
1845. Sinh càng nết ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ hòn⁸ ráo ngay.
Tiểu thư cười nói tỉnh say,
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.
Rằng: – “Hoa nô đủ mọi tài,
1850. Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe.”

¹ Động dong: động đến, thay đổi dung mạo.

² Hiếu phục: để tang cha mẹ. Ở đây chỉ chuyện Thúc Sinh mới mãn tang mẹ.

³ Trắc Dĩ: điển trong Kinh Thi: Bài Trắc hồ: “Trắc bỉ Dĩ hể/ Chiêm vọng mẫu hể” (Trèo lên núi Dĩ kia/ Trông ngóng mẹ). Trắc Dĩ: chỉ nhớ mẹ. Chung thiên: trọn hết ngày. Ý cả câu: suy từ đạo hiếu của con cái mà nhớ thương mẹ suốt đời.

⁴ Tẩy trần: rửa bụi, ý chỉ tiệc đãi người từ xa mới tới.

⁵ Chén tạc chén thù: thù là chủ rót rượu mời khách, tạc là khách rót rượu mời lại chủ. Chén tạc chén thù chỉ uống rượu thân mật với nhau.

⁶ Trì hồ: cầm bầu rượu mà rót.

⁷ Bắt khoan bắt nhặt: khoan là nới rộng, nhặt là thít chặt, ý nói bắt buộc từng li từng tí.

⁸ Ngậm bồ hòn: từ thành ngữ “Ngậm bồ hòn làm ngọt”, tức chấp nhận hết.

- Nàng đà tán hoán tê mê¹,
 Vâng lời ra trước bình the² vắn đàn.
 Bốn dây như khóc như than,
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.
1855. Cùng trong một tiếng tơ đồng³,
 Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.
 Giọt châu⁴ lã chã khôn cầm,
 Cúi đầu chàng những gạt thắm giọt tương⁵.
 Tiểu thư lại thét lấy nàng:
1860. – “Cuộc vui gảy khúc đoạn trường⁶ ấy chi?
 Sao chẳng biết ý tứ gì?
 Cho chàng buồn bã tội thì tại người.”
 Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
 Vội vàng gương nói gương cười cho qua.
1865. Giọt rông⁷ canh đã điểm ba,
 Tiểu thư nhìn mặt đường đà cam tâm.
 Lòng riêng khắp khởi mừng thầm:
 “Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay.”
 Sinh thì gan héo ruột đầy,
1870. Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
 Người vào chung gối loan phòng⁸,
 Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài:

¹ *Tán hoán tê mê*: *tán hoán*: tức tan nát (từ gốc Hán); *tê mê*: ngây dại, mất cảm giác. Đây chỉ tâm thần, hồn vía tan nát, ngây dại. Bản *Kiểu* (NXB Văn học, 1979) viết là “choáng váng tê mê” không hay, không phù hợp, khác nhiều bản khác. Ở đây dùng “tán hoán tê mê” như nhiều văn bản *Truyện Kiều* đã được công bố.

² *Bình the*: cái bình phong bằng the.

³ *Tơ đồng*: *tơ* là dây tơ, chỉ cây đàn; *đồng* là bầu đàn làm bằng cây ngô đồng (cây vông), cũng chỉ cây đàn. *Tơ đồng* là chỉ cây đàn, tiếng đàn nói chung.

⁴ *Giọt châu*: giọt nước mắt. Từ *châu* cũng có nghĩa là nước mắt: “đầm đầm châu sa”.

⁵ *Giọt tương*: giọt nước mắt. *Tương* là sông Tương, điển cố chỉ chuyện vua Thuấn chết ở miền sông Tương, hai bà vợ vua Thuấn đến khóc rồi tự trầm ở đó. Từ đó, người ta lấy nước sông Tương để chỉ nước mắt.

⁶ *Đoạn trường*: đau đớn như đứt ruột.

⁷ *Giọt rông*: giọt nước đồng hồ có chạm con rông (từ chữ Hán là *Đồng long*), ở đây chỉ thời gian đã điểm canh ba (canh ba từ 23 giờ đến 1 giờ sáng).

⁸ *Loan phòng*: loan là chim mái, phượng là chim trống, loan phượng là chỉ vợ chồng tốt đôi. *Loan phòng* ở đây chỉ phòng của phụ nữ, cũng chỉ phòng vợ chồng cùng ở.

“Bây giờ mới rõ tấm hoi,
 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!
 1875. Chước đâu rẽ thủy chia yên¹,
 Ai ra đường nấy ai nhìn được ai.
 Bây giờ một vực một trời,
 Hết điều khinh trọng hết lời thị phi.²
 Nhẹ như bấc nặng như chì,
 1880. Gỡ cho ra nữa còn gì là duyên?
 Lỡ làng chút phận thuyền quyên³,
 Bể sâu sóng cả có tuyến được vay?”⁴
 Một mình âm ỉ đêm chầy,
 Đĩa dầu voi, nước mắt đầy năm canh.

(In trong *Kiều*, Nguyễn Du, NXB Văn học,
 Hà Nội, 1979, tr. 126 – 128)

Hướng dẫn đọc

1. Liệt kê các sự kiện được kể trong văn bản.
2. Phân tích diễn biến tâm trạng của Thuý Kiều được thể hiện trong đoạn trích (chú ý lời người kể chuyện và các đoạn độc thoại nội tâm của Thuý Kiều).
3. Kẻ bảng dưới đây vào vở, chỉ ra một số chi tiết có tác dụng làm nổi bật sự khác biệt giữa hành động, vẻ bề ngoài với tâm trạng, cảm xúc bên trong của hai nhân vật Hoạn Thư và Thúc Sinh trước các tình huống khác nhau:

Tình huống	Nhân vật	Hành động/ vẻ bề ngoài	Nội tâm
Thuý Kiều mời rượu	Hoạn Thư		
	Thúc Sinh		

¹ *Rẽ thủy chia yên*: chim uyên ương là loài chim sống thành từng cặp trống mái. *Chia yên* là chia đôi cặp uyên ương. *Rẽ thủy*: *thủy* là chim chẻ, chim bói cá; chim này không sống thành đôi nhưng nhân nói *chia yên* thì dùng *rẽ thủy* cho đăng đối. *Rẽ thủy chia yên*: ý nói chia rẽ đôi lứa.

² *Khinh trọng*: nhẹ nặng; giữa vợ chính thức và người tình, bên coi nhẹ bên coi nặng. *Thị phi*: phải trái, đúng sai, nói nọ nói kia. Ý cả câu: cách đánh ghen của Hoạn Thư giúp phân biệt rõ thân phận chủ tớ giữa Hoạn Thư, Thúc Sinh với Thuý Kiều, vì đã rõ Thuý Kiều chỉ là con ờ.

³ *Thuyền quyên*: *thuyền* là dáng vẻ đẹp đẽ, *quyên* là xinh đẹp. *Thuyền quyên* là từ chỉ người con gái xinh đẹp.

⁴ *Bể sâu sóng cả có tuyến được vay?*: *tuyến*: toàn vẹn; *vay*: trợ từ cổ ở cuối câu dùng để hỏi. Ý cả câu: trong hoàn cảnh hiểm nguy, biển thì sâu, sóng thì lớn, liệu có bảo toàn được tính mạng không?

Thúy Kiều hầu đàn	Hoạn Thư		
	Thúc Sinh		

4. Cảnh ngộ, tâm trạng của nhân vật Thúy Kiều qua hai dòng thơ độc thoại nội tâm *Lỡ làng chút phận thuyền duyên/ Bể sâu sóng cả có tuyền được vay?* và cảnh ngộ, tâm trạng của chủ thể trữ tình trong các câu ca dao dưới đây có điểm gì gần gũi nhau? Theo bạn, vì sao có sự gần gũi như vậy?

– Thân em như trái bần trôi
Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu?
– Lênh đênh một chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết gửi mình về đâu?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC

Tri thức về kiểu bài

Xem tri thức về kiểu bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một)) và phần bổ sung tri thức với kiểu bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học (Bài 6. *Sống với biển rừng bao la* (Ngữ văn 11, tập hai)).

Đọc ngữ liệu tham khảo 1

Bức tranh *Đám cưới chuột* và bài học về sự hoà nhập, gắn bó

Tranh Đông Hồ khá gần gũi với đại đa số người dân Việt Nam. Đó là những bức tranh bình dị về chất liệu, đơn giản, thô phác về cấu trúc nghệ thuật nhưng thể hiện sinh động, sâu sắc đời sống của xã hội nông thôn xưa qua cái nhìn của nghệ nhân dân gian. Một trong những tác phẩm nổi tiếng, tiêu biểu cho dòng tranh dân gian này là bức tranh *Đám cưới chuột*. Thông qua bức tranh *Đám cưới chuột*, người xem thích thú nhận ra những bài học nhân sinh sâu sắc, nhất là bài học về sự hoà nhập.^[1]

[1]: Giới thiệu tác giả, tác phẩm nghệ thuật và nêu vấn đề cần bàn luận.



Tranh *Đám cưới chuột*

Những thông điệp và ý nghĩa xã hội sâu xa từ bức tranh đều được nói bằng đường nét, màu sắc, hình khối trong một cấu trúc chỉnh thể của tác phẩm hội họa dân gian. Về ý tưởng nghệ thuật, có lẽ tác giả dân gian đã tối đa hoá khả năng thể hiện trên bề mặt hạn hẹp của tờ giấy dó bằng một khung cảnh sinh hoạt hoành tráng. Nhìn toàn cảnh, tranh vẽ tới mười hai con chuột và một con mèo; ngoài hai loại nhân vật chính là chuột và mèo còn có một con chim, một con cá và một con ngựa; vật dụng theo nghi thức thì có đủ biển mừng, kiệu rước, kèn lớn, kèn nhỏ,... Chàng rể hình ảnh nhân vật, sản vật, vật dụng đã làm nên một cảnh tượng vừa là nghi lễ trang nghiêm vừa là hội hè náo nhiệt, tưng bừng. ^[2a]

Bức tranh *Đám cưới chuột* đã gợi ra nhiều ý nghĩa thông điệp, tư tưởng. Chẳng hạn, từ góc nhìn phê phán thực trạng xã hội, sự tương phản mèo – chuột ở đây có thể gợi liên tưởng đến các biểu hiện mặt trái ở làng quê xưa như chuyện “mãi lộ”, chuyện “làm luật”, chuyện “lệ làng”,... của tầng lớp thống trị hay các “ông lớn” trong xã hội nông nghiệp thôn quê ngày xưa. Từ một cái nhìn tích cực lạc quan hơn, người ta thấy trong quan hệ mèo – chuột, dù mèo có thể là kẻ thù “không đội trời chung” của chuột, song khi mèo đã tỏ vẻ hài lòng, tán đồng ngày lễ lớn của đôi vợ chồng chuột trẻ, thì chuyện thù hận kia dường như đã lắng xuống, nhạt đi, hoặc đã phần nào được “hoà giải”. Mặt khác, bức tranh cũng có thể gợi lên một lời khuyên về sự hoà giải, hoà nhập để “chung sống hoà bình”, ít ra là giữ được hoà khí cộng đồng trong các dịp đám cưới xin, tang chế, hay hội hè. ^[2b]

Bản thân tôi tâm đắc nhất thông điệp về sự hoà giải, hoà nhập gợi ra từ bức tranh. ^[3] Trước hết, con người không bao giờ có thể sống riêng lẻ, đơn độc. Các Mác (Karl Marx) từng nói: “Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội”. Như một lẽ tất nhiên, muốn tồn tại, con người cần hoà nhập với cộng đồng, cần có niềm hạnh phúc khi cảm thấy được sự gắn kết giữa mình với mọi người. Chính sự hoà nhập ấy thôi thúc mỗi người chúng ta sống, cống hiến và làm việc không ngừng nghỉ. Như trong

[2a], [2b]: Giới thiệu tác giả, tác phẩm nghệ thuật và nêu vấn đề cần bàn luận.

[3]: Nêu luận điểm 1: vấn đề xã hội mà người viết quan tâm.

đại dịch Covid-19 vừa qua, để chiến thắng đại dịch và đưa cuộc sống trở lại bình thường, mỗi cá nhân, gia đình, dù phải thực hiện giãn cách nhưng tâm hồn, tấm lòng, trái tim của chúng ta không xa cách. Mỗi cá nhân, từ bác sĩ, nhân viên y tế, chú công an, anh bộ đội, mỗi người dân,... đều không quản khó khăn, vất vả, hết lòng cống hiến.^[4]

Mặt khác, khát vọng về sự hoà nhập, chung sống hoà bình cũng gắn liền với mong muốn buông bỏ thù hận.^[5] Cuộc đời đa sự, con người đa đoan, khó tránh khỏi những xung đột, mâu thuẫn, như hình ảnh mèo và chuột trong bức tranh. Mỗi người đều ở trong một thế giới riêng, cũng có những lúc chúng ta không hiểu nhau và làm tổn thương nhau, để rồi nuôi dưỡng cảm giác căm ghét, thù địch. Tuy vậy, khẳng khái giữ lấy sự căm ghét và thù hận chỉ khiến bản thân và người khác đau khổ. A-thơ Uy-li-am U-a-rơ (Athur William Ward) đã từng nói: “Cuộc sống, nếu không có sự tha thứ thì chỉ là tù ngục”. Vì vậy, sự tha thứ và hoà giải là một món quà quý giá ta tặng cho người khác và chính mình.^[6]

Trên hành trình tìm kiếm sự hoà giải, hoà nhập, các tác giả của bức tranh *Đám cưới chuột* đã đề cập đến bản sắc văn hoá của cộng đồng như là một giải pháp hiệu quả.^[7] Bức tranh dùng hình tượng hư cấu về xã hội loài vật (chuột – mèo) để nói chuyện xã hội loài người, chuyện con người; thể hiện quan niệm, tâm thức dân gian về sinh mệnh của con người trong cuộc đời. Qua bức tranh, cũng có thể nhận thấy một phần bản sắc văn hoá Việt Nam thời xưa. Chuyện cưới hỏi của một nhà trở thành chuyện đình đám, hội hè,... mang lại niềm vui chung trong cộng đồng làng xã. Một đám cưới như vậy không còn là việc riêng của một cá nhân, một gia đình mà là công việc trọng đại của một xóm làng, một xã hội thu nhỏ. Hình ảnh như ô, lọng, khèn, đoàn rước dâu kéo dài trong tranh *Đám cưới chuột* đúng là đã khơi gợi và mang lại niềm vui chung đó... Như vậy, thông qua bản sắc văn hoá, tâm thức cộng đồng, ta nhận ra sinh mệnh mỗi cá nhân luôn có sự hài hoà, gắn bó sâu sắc với gia đình, quê hương. Chính sự gắn kết hài hoà, gắn bó, gắn gũi mà thiêng liêng ấy đã tạo ra nền tảng giá trị tinh thần sâu sắc, gợi thức khát vọng chung sống hoà bình, mong muốn gắn bó với mọi người và từ đó có thể buông bỏ mọi oán thù.^[8]

Có thể nói *Đám cưới chuột* là một tác phẩm hội hoạ đặc sắc ở sự đa dạng về độ kết tinh: kết tinh nghệ thuật hội hoạ dân gian truyền thống của tranh Đông Hồ, kết tinh cốt cách, tâm hồn Việt Nam, kết tinh văn hoá dân gian và văn hoá Việt Nam. Nhiều vấn đề liên quan đến đời sống xã hội và văn hoá đã được thể hiện trong *Đám cưới chuột* như: thực trạng xã hội nông thôn Việt Nam thời phong kiến; phong tục cưới hỏi; không khí hội hè đình đám,... Đặc biệt là thông điệp về cách sống hoà nhập, gắn bó với cộng đồng – một bài học vẫn đọng đầy ý nghĩa trong cuộc sống hôm nay.^[9]

Theo Hồng Minh

(Tranh *Đám cưới chuột* – tác phẩm nghệ thuật nóng hổi tinh thời sự, <https://suckhoedoisong.vn/tranh-dam-cuoi-chuot-tac-pham-nghe-thuat-nong-hoi-tinh-thoi-su-169167762.htm>)

[3], [4]: Lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm

[5]: Nêu luận điểm 2

[6]: Lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 2.

[7]: Nêu luận điểm 3

[8]: Lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm 3.

[9]: Khẳng định lại quan điểm, nêu giá trị của tác phẩm nghệ thuật.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm liên quan đến vấn đề xã hội được tóm tắt trong luận điểm thứ nhất và luận điểm thứ hai (2a – 2b).
2. Vấn đề xã hội qua tranh *Đám cưới chuột* được nêu lên trong bài viết là vấn đề gì và được phân tích trên các khía cạnh nào?
3. Mối quan hệ giữa luận điểm thứ ba với luận điểm thứ nhất và luận điểm thứ hai.
4. Với mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp như thế nào?
5. Bạn rút ra được những điểm tương đồng, khác biệt nào về cách viết về một vấn đề xã hội và một vấn đề xã hội trong tác phẩm nghệ thuật hoặc trong tác phẩm văn học?

Đọc ngữ liệu tham khảo 2

Tính chất phi thường trong con người bình thường Thuý Kiều

Nguyễn Du đã làm nên *Truyện Kiều* và *Truyện Kiều* đã làm nên Nguyễn Du. Do mối tương quan xương thịt như thế mà mỗi lần ta nói về bậc thiên tài đó, mặc nhiên là ta gọi đến công trình bất hủ của người và cái tinh túy của công trình ấy chính là nàng Kiều. Đó là một kiểu nhân vật kết tinh tính chất phi thường trong con người bình thường.^[1]

[...]

Thực tế không ai đã được sinh ra như một kẻ phi thường hoặc tầm thường. Trước khi cuộc sống bên ngoài phối hợp với những phản ứng bên trong của nội giới đẩy ta xuống cái chiều thấp u tối hoặc là nâng ta lên cái chiều cao vinh quang, thì ta chỉ là những con cá nhỏ bơi lội trong bến nước bình thường.^[2a]

Con người bình thường chính là con người đông đảo, con người phổ biến và là con người nền tảng trong đời sống. Nhưng trong điều kiện bình thường như vậy, bao nhiêu khó khăn, phức tạp của đời sống mới thực sự xảy ra. Bởi lẽ không phải thiên thần mà cũng không phải súc vật, chúng ta luôn tròng trành ở thể chao đảo thường xuyên hầu giữ quân bình cần thiết để làm con người lương thiện trong một khuôn khổ xã hội nào đó mà các tương quan giữa người và người đã được đúc kết thành các tiêu chuẩn đạo lí vốn là ni tắc.^[*]

Cả cuộc đời Kiều đã nói lên sự gắng sức thường xuyên và vất vả đó.

Những kẻ từng quen đồ thừa hoàn cảnh, những người dễ gán cho định mệnh cái quyền tối thượng độc tôn, những kẻ thụ động, sẵn sàng đánh mất niềm tin nơi giá trị mình, những kẻ như thế sẽ nghĩ sao về cuộc đời Kiều?^[*] Trong những điều kiện bất nhân như thế, Kiều đã là người có nghĩa có nhân. Giữa cảnh điểm, đang ô trọc, Kiều là người trong sạch, chung tình. Ở vào cái thời sa đoạ mà giá trị đạo đức đều đã suy đồi, Kiều vẫn giữ lấy nhân cách, gánh lấy trách nhiệm, cam chịu tất cả thiệt thòi để cho vẹn toàn đạo nghĩa bản thân cũng như bảo tồn đạo lí xã hội, điều đó

[1]: Giới thiệu tác phẩm văn học và nêu vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm.

[2a]: Luận điểm 1: Nêu và trình bày luận điểm thứ nhất.

[*]: Nêu lí lẽ 1.

[*]: Nêu lí lẽ 2.

[**]: Nêu và phân tích các bằng chứng từ tác phẩm.

chẳng là một cuộc chiến đấu can trường, cao quý hay sao? Giá trị con người không chỉ ở sự chấp nhận mà còn ở sức phản ứng và sự phản ứng hợp tình hợp lý bao nhiêu càng có ý nghĩa tốt đẹp bấy nhiêu. Trong đạo làm người, cá nhân cô độc, bé nhỏ của Kiều đã làm vượt quá sức mình. Không có uy quyền của viên Tri phủ Lâm Tri, không có thanh gươm của một Từ Hải, không có ưu thế đàn ông của chàng Kim Trọng, Kiều cũng đã vượt qua bao trở ngại bi thảm để làm trọn vẹn phận sự và bảo toàn lấy danh tiết của mình. Trong sự khốn đốn như thế mà đã biết lễ kinh quyền như thế, phải chăng Kiều đã là kẻ phi thường? Một số người vẫn thường quen đề cập đến cái phi thường của những nhân vật kì lạ với những thành tích vang rền mà dễ quên sự phi thường của những con người bình thường, sự phi thường của việc làm nhẫn nại, của những chịu đựng âm thầm, phi thường của một tâm thức không chịu buông xuôi, phi thường của cái bản lĩnh không để rơi xuống sự tầm thường.^[*]

Chúng ta không thể cứ ưa thích mãi những cái phi thường hét ra khỏi lửa mà quên mất đi những cái phi thường của những lời dịu ngọt, phi thường của những bàn tay chăm chỉ, phi thường của những tâm hồn chính trực quang minh. Chúng ta không thể dừng lại mãi ở cái phi thường lộ liễu phơi bày với những sắc màu loè loẹt mà làm ngơ đi trước những phi thường khuất lấp, âm thầm trong những màu đen, sắc xám nhạt mờ. Không chỉ anh hùng hiên hách hay là hí-py cuồng loạn mới sáng chế ra những kiểu phi thường ngoạn mục, chúng ta có thể nghĩ đến bao nhiêu người mẹ kham khổ, người vợ thủy chung, người em chăm chỉ, những người bạn hữu tốt lòng và bao nhiêu là con người giản dị quanh mình cố gắng không ngừng để giữ trong sạch cuộc đời và để chu toàn nhiệm vụ giữa những sinh hoạt hỗn tạp. Đó chính là cái phi thường đông đảo và cần thiết nhất, vì đó là cái phi thường xây dựng, xây dựng trong cái nghĩa hoàn thiện cá nhân, trong sự bảo tồn truyền thống dân tộc. Bởi lẽ, một trong những truyền thống của dân tộc ta là lòng hướng thiện, là sự giữ vững đạo lý trong niềm hãnh diện sâu xa về mình.^[2b]

Vai trò của Kiều đã phản ánh được phần nào điều đó vì chính đạo lý đã thắng nơi nàng và nàng đã thắng ở trong cuộc đời. Những cái nguyên tắc “tạo vật đồ toàn”, “bĩ sắc tư phong” được xem linh nghiệm từ xưa đã bị phá vỡ dưới chân bé bỏng của nàng. Nói gì đến anh thầy bói ngày nào cho rằng “anh hoa phát tiết ra ngoài, nghìn thu bạc mệnh...” cũng đã xấu hổ giải nghệ vì nàng. Không, tạo vật không “đồ” được nàng và cái bóng ma Đạm Tiên chực chờ trên bến Tiền Đường mười mấy năm dài đằng đẳng cũng đã lắc đầu chịu thua người “phận mỏng đức dày” [...]. Và ngay cả đến thiên mệnh cao siêu cũng đã cảm thông, cảm thấu sự phi thường ấy của Kiều. Vì vậy, những gì tưởng bị vỡ tan đã được hàn gắn và trong niềm vui sum họp một nhà rõ ràng là cánh hoa xưa tưởng chừng tan tác đã thắm tươi hơn như vàng trắng cũ cơ chừng tàn tạ bỗng nhiên vàng vạc hơn mười rằm trước. Khả năng hoá cái được định mệnh mình, làm cho đời sống của mình được hoàn thiện hơn, không phải là sự phi thường kì diệu đó sao?^[*]

[2b]: Luận điểm 2: Nêu và trình bày luận điểm thứ hai.

[*]: Nêu lí lẽ.

Trên ý nghĩa đó, nàng Kiều tuy là nhân vật bé mọn nhưng cũng cho thấy phảng phất vấn đề của dân tộc ta, dân tộc gian nan, khổ khổ nhưng không bao giờ để mất bản sắc tốt đẹp của mình và trong ý chí không ngừng hướng về hạnh phúc yên vui, dân tộc chúng ta sẽ lại có ngày vui về mười phần trong cảnh “vườn xuân một cửa đề bia muôn đời”.^[3]

Vũ Hạnh

(In trong *Độc lại “Truyện Kiều”*, NXB Đà Nẵng, 1998, tr. 51 – 52; 58 – 61)

[3]: Khẳng định lại vấn đề; đánh giá đóng góp của tác phẩm về vấn đề.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Tác giả bài viết đã nêu và giải quyết vấn đề gì trong tác phẩm *Truyện Kiều*? Theo bạn, đó là một vấn đề văn học hay một vấn đề xã hội?
2. Với mỗi luận điểm, lí lẽ và bằng chứng có sự kết hợp với nhau như thế nào? Những ví dụ nào có thể giúp bạn làm rõ điều đó?
3. Điểm giống nhau, khác nhau trong cách nêu lí lẽ và đưa bằng chứng khi nghị luận về một vấn đề xã hội trong bài viết về tranh *Đám cưới chuột* (tác phẩm hội họa) và về nhân vật Thuý Kiều trong *Truyện Kiều* (tác phẩm văn học).

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội gợi ra từ một tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật mà bạn quan tâm.

Bạn thực hiện viết văn bản theo quy trình như đã thực hiện khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một)) hay về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học (Bài 6. *Sống với biển rừng bao la* (Ngữ văn 11, tập hai)). Bạn cần nâng cao kĩ năng viết văn bản theo mỗi bước (1. *Chuẩn bị viết*; 2. *Tìm ý, lập dàn ý*; 3. *Viết bài*; 4. *Xem lại và chỉnh sửa*). Với đề bài này, cần lưu ý một số điểm dưới đây:

- Khi xác định đề tài cho bài viết theo yêu cầu của đề bài (Bước 1), bạn có thể cân nhắc lựa chọn một trong các vấn đề sau:

- Tác hại của thói đua đòi, hợm hĩnh qua màn kịch *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục* (trích *Trường giả học làm sang*, Mô-li-e (Moliere)).

- Khát vọng sáng tạo của người nghệ sĩ và nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân qua *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài* (trích *Vũ Như Tô*, Nguyễn Huy Tưởng).

- Sự cấp thiết của việc giải oan qua truyện thơ *Quan Âm Thị Kính*.
- Mối quan hệ giữa cuộc sống của người dân Nam Bộ với sông nước miền Tây trong phim *Mùa len trâu*.
- Tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết văn bản nghị luận của mình dựa trên bảng kiểm ở Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một), có lưu ý đến tên kiểu bài và một vài chi tiết khác biệt về đặc điểm của kiểu bài, yêu cầu của đề bài đã thực hiện ở Bài 6. *Sống với biển rừng bao la* (Ngữ văn 11, tập hai).



NÓI VÀ NGHE

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI TRONG TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT HOẶC TÁC PHẨM VĂN HỌC

Đề tài:

Hãy trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội được đặt ra trong tác phẩm văn học hay tác phẩm nghệ thuật mà bạn quan tâm.

Cũng như khi thực hiện bài nói về một vấn đề xã hội (Bài 2. *Hành trang vào tương lai* (Ngữ văn 11, tập một)) hay một vấn đề sinh thái – xã hội (Bài 6. *Sống với biển rừng bao la* (Ngữ văn 11, tập hai)), bạn cần chuẩn bị và thực hiện bài nói theo quy trình: 1. *Chuẩn bị nói*; 2. *Trình bày bài nói*; 3. *Trao đổi, đánh giá*. Riêng ở bài nói này, bạn lưu ý thêm một số điểm dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị nói

- Khi xác định đề tài của bài nói, bạn có thể chọn vấn đề xã hội được đặt ra từ tác phẩm văn học hay tác phẩm nghệ thuật mà bạn quan tâm.
- Bạn có thể sử dụng đề tài của bài viết để chuẩn bị bài nói. Dưới đây là một số gợi ý:
 - Sự cấp thiết của việc giải oan qua truyện thơ *Quan Âm Thị Kính*.
 - Khát vọng về tình yêu, hạnh phúc trong *Tiến dặn người yêu* và *Bích Câu kì ngộ*.
 - Sức mạnh của niềm tin và tình cảm lãng mạn trong cuộc sống được gợi lên từ ca khúc *Bài ca hi vọng* (Văn Ký).

Bước 2: Trình bày bài nói

Khi lập dàn ý, nếu chọn đề tài từ bài viết, bạn có thể chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài nói. Tuy nhiên, để bài nói đúng yêu cầu và thêm thuyết phục, hấp dẫn, bạn cần:

– Lược bớt một số ý không thật cần thiết trong bài viết và xác định những chỗ cần nhấn mạnh.

– Tổ chức bài nói thành ba phần rõ ràng, phần mở đầu và kết thúc cần tạo ấn tượng đối với người nghe.

– Sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ để tăng tính trực quan và tính hấp dẫn cho bài nói.

– Dự kiến các câu hỏi, phản hồi của người nghe và chuẩn bị câu trả lời; tóm tắt hệ thống ý dưới dạng sơ đồ.

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Khi tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng nói, bạn sử dụng mẫu *Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận về một vấn đề xã hội ở Bài 2. Hành trang vào tương lai (Ngữ văn 11, tập một)* sau khi điều chỉnh một số chi tiết cho phù hợp.

ÔN TẬP

1. Kẻ bảng dưới đây vào vở, tóm tắt tình huống, sự kiện và xác định nét nổi bật trong tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều thể hiện qua các văn bản trích trong bài học:

Văn bản	Tình huống/ sự kiện	Nét nổi bật trong tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều
<i>Trao duyên</i>		
<i>Thuý Kiều hầu rượu Hoạn Thư – Thúc Sinh</i>		

2. Nhận xét về một số đặc sắc nghệ thuật của *Truyện Kiều* qua các văn bản đã học.

3. Qua các văn bản đã học, đã đọc, bạn rút ra được những lưu ý gì khi đọc một đoạn trích trong một truyện thơ Nôm như *Truyện Kiều* hoặc một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du?

4. Khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học hoặc tác phẩm nghệ thuật, bạn cần lưu ý những điều gì?

5. Theo bạn, việc quan sát, trải nghiệm thực tế có vai trò, tác dụng như thế nào trong học tập và trong đời sống của con người?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ; đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như: ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- So sánh được hai văn bản văn học viết cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc.
- Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (bài thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bức tranh, pho tượng); nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Biết giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật theo lựa chọn cá nhân.
- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.
- Có ý thức tự học, tự trau dồi năng lực thẩm mỹ.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Tượng trưng là loại hình ảnh mang tính trực quan, sinh động nhưng hàm nghĩa biểu đạt những tư tưởng, quan niệm, khái niệm trừu tượng. Chẳng hạn, chim bồ câu tượng trưng cho hoà bình, hoa hồng đỏ tượng trưng cho tình yêu hoặc lá cờ tượng trưng cho quốc gia.

Yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình: Thông thường, thơ trữ tình diễn tả thế giới nội tâm của chủ thể trữ tình thông qua những chi tiết, hình ảnh cụ thể, gợi cảm. Tuy nhiên, một số tác phẩm thơ trữ tình còn đi sâu vào những vấn đề triết học, thông qua những chi tiết có tính tượng trưng cao. Yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình là những chi tiết, hình ảnh gợi lên những ý niệm trừu tượng và giàu tính triết lí, đánh thức suy ngẫm của người đọc về bản chất sâu xa của con người và thế giới. Chẳng hạn, hình ảnh tháp Bayon trong bài thơ *Tháp Bayon bốn mặt* (Chế Lan Viên) tượng trưng cho thế giới tâm hồn đa diện, phức tạp của con người:

Anh là tháp Bayon bốn mặt
Giấu đi ba, còn lại đấy là anh
Chỉ mặt đó mà nghìn trò cười khóc
Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình.

Trong nhiều trường hợp, yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình còn gắn với sự đề cao nhạc tính của thơ (sức gọi cảm của nhịp thơ, vần, thanh điệu,...) và sự tương giao giữa các giác quan (sự hoà hợp của các ấn tượng thính giác, thị giác, xúc giác,...).

Hình thức và cấu tứ trong thơ trữ tình

Hình thức là tổng hoà của thể thơ, câu thơ, lời thơ, giọng điệu, nhịp, vần, hình ảnh,... trong thơ trữ tình. Tất cả được lựa chọn, liên kết để thể hiện chủ đề, tư tưởng chung của tác phẩm. Chẳng hạn, hình ảnh, từ ngữ, giọng điệu trong bài thơ *Dáng đứng Việt Nam* (Lê Anh Xuân) toát lên âm hưởng bi tráng, hào hùng.

Cấu tứ là cách thức triển khai mạch cảm xúc và tổ chức hình tượng trong tác phẩm thơ trữ tình. Chẳng hạn, trong bài thơ *Dáng đứng Việt Nam* (Lê Anh Xuân), cấu tứ bài thơ là sự khái quát từ tư thế hi sinh hiên ngang của anh Giải phóng quân trên đường băng Tân Sơn Nhất đến hình ảnh “dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỉ”.

Biện pháp tu từ lập cấu trúc

Lập cấu trúc là biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản.

Ví dụ: *Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi.* (Hồ Chí Minh)

Lưu ý: Chúng ta có thể bắt gặp biện pháp lập cấu trúc trong phép đối. Đối là cách lặp lại cấu trúc ngữ pháp có sự đối lập về từ ngữ, thanh điệu,...



ĐỌC

VĂN BẢN 1

NGUYỆT CẦM

Xuân Diệu

✓ Trước khi đọc

Hãy hình dung cảm giác của bạn khi nghe tiếng đàn trong một đêm trăng.



Thiếu nữ chơi đàn nguyệt
(Tranh lụa của Mai Trung Thứ, 1943)

✓ Đọc văn bản

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngần.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm!
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân. ¹

Tưởng tượng

¹ Hình ảnh “mỗi giọt rơi tàn” gợi tả điều gì?

Mây vắng, trời trong, đêm thuỷ tinh;
Linh lung bóng sáng bỗng rung mình
Vì nghe nương tử¹ trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời oi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận: ²
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

Tưởng tượng

² Bạn hình dung âm thanh “long lanh tiếng sỏi” như thế nào?

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề. ³
Sương bạc làm thình, khuya nín thở
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê².

Suy luận

³ Hình ảnh “biển” và “chiếc đảo” có mối quan hệ như thế nào?

(In trong *Giải hương cho gió*, NXB Hội Nhà văn, Hội Nghiên cứu –
Giảng dạy văn học, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr. 77)

✓ Sau khi đọc

1. Hình ảnh trăng nhập vào dây đàn ở khổ thơ đầu tiên có gì độc đáo so với hình ảnh trăng và đàn trong tác phẩm nghệ thuật (văn học hoặc hội hoạ, âm nhạc) mà bạn biết?
2. Kẽ bảng sau vào vở và liệt kê vào cột [1], cột [2] một số chi tiết nghệ thuật đã kết hợp để tạo nên các hình ảnh thể hiện sự tương giao của các giác quan trong cột [3]:

¹ *Nương tử*: (từ cổ) dùng để gọi người phụ nữ trẻ một cách tôn trọng.

² *Sao Khuê*: tên một chòm sao trong thiên văn Trung Quốc thời cổ đại. Trong văn hoá Đông Á nói chung, sao Khuê được coi là biểu tượng của văn chương, nghệ thuật.

Khổ thơ	Ánh sáng (trăng) [1]	Âm thanh (đàn – âm nhạc) [2]	Hình ảnh thể hiện sự tương giao của các giác quan [3]
1			... giọt rơi tàn như lệ ngân
2			... bóng sáng bỗng rung mình
3			Long lanh tiếng sỏi...
4			... ánh nhạc: biển pha lê...

Từ bảng trên, cho biết: bạn cảm nhận thế nào về sự kết hợp giữa các cảm giác và tác dụng nghệ thuật của sự kết hợp ấy trong bài thơ; từ đó, giải thích ý nghĩa của nhan đề *Nguyệt cầm*.

- Các cảm giác “lạnh” (khổ 1), “rung mình” (khổ 2), “ghê như nước” (khổ 3), “rợn” (khổ 4),... là cảm giác của ai và toát ra từ đâu?
- Chủ thể trữ tình trong bài thơ đã thể hiện cảm xúc gì khi lắng nghe tiếng đàn? Các chi tiết nào trong bài thơ cho thấy điều đó?
- Xác định ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh người phụ nữ ở khổ thơ thứ hai, bến Tầm Dương ở khổ thơ thứ ba và sao Khuê ở khổ thơ cuối. Chỉ ra mối liên hệ giữa những hình ảnh này, từ đó xác định cấu tứ của bài thơ.
- Xác định cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong bài thơ. Cách ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu đó đã tạo nên nhạc điệu như thế nào cho bài thơ và giúp bạn hình dung như thế nào về tiếng đàn nguyệt trong đêm lạnh?

✱ **Bài tập sáng tạo:** Vẽ một bức tranh hoặc viết một đoạn văn khoảng 200 chữ nêu ấn tượng của bạn về bài thơ.

Xuân Diệu (1916 – 1985) tên thật là Ngô Xuân Diệu, quê ở làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Xuân Diệu mang đến cho thơ ca Việt Nam những cảm nhận mới mẻ về cái tôi cá nhân, những cách tân quan trọng về ngôn ngữ nghệ thuật: sự kết hợp từ ngữ mới mẻ chịu ảnh hưởng phương Tây, những hình ảnh độc đáo mang màu sắc tượng trưng,... Thơ Xuân Diệu đã góp phần đẩy mạnh quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam thế kỉ XX.



Xuân Diệu
(Tranh của Đỗ Duy Ngọc)

THỜI GIAN

Văn Cao

✓ Trước khi đọc

Khi hình dung về thời gian, người ta thường nghĩ đến những từ ngữ nào?

✓ Đọc văn bản

Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá ¹
Kỉ niệm trong tôi
Roi

như tiếng sỏi

trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ

còn xanh

Riêng những bài hát

còn xanh

Và đôi mắt em

như hai giếng nước.

(In trong *Lá*, NXB Tác phẩm mới,
Hội Nhà văn Việt Nam, 1988, tr. 83)

Suy luận

¹ Bạn hiểu thế nào về hai dòng thơ này?

✓ Sau khi đọc

- Dòng thơ đầu tiên cho thấy nhà thơ hình dung như thế nào về thời gian và về quan hệ giữa thời gian với con người?
- Hình ảnh chiếc lá khô và “tiếng sỏi trong lòng giếng cạn” gợi cho bạn cảm nhận gì về thời gian?
- Hãy chỉ ra:
 - Điểm tương đồng giữa các hình ảnh “những câu thơ”, “những bài hát” và “đôi mắt em” ở sáu dòng thơ cuối.
 - Điểm khác biệt giữa các hình ảnh vừa nêu (ở sáu dòng thơ cuối) với hình ảnh “những chiếc lá” (ở sáu dòng thơ đầu).
- Nhận xét về mối tương quan giữa các hình ảnh thơ theo cột ngang và cột dọc trong bảng sau:

Sáu dòng thơ đầu	Sáu dòng thơ cuối
Những chiếc lá khô	Những bài hát còn xanh Những câu thơ còn xanh
Tiếng sỏi trong lòng giếng cạn	Hai giếng nước

5. Nhận xét về nhạc điệu (thể hiện qua vần, nhịp, phối thanh, cấu trúc lặp,...) của bài thơ *Thời gian*.
6. Đọc lại bài thơ *Độc “Tiểu Thanh kí”* (Nguyễn Du) mà bạn đã học trong Bài 7. *Những điều trông thấy*. Nêu ít nhất một điểm tương đồng và một điểm khác biệt trong cảm nhận về thời gian của hai tác giả Nguyễn Du và Văn Cao.
7. Tìm nghe một bài hát của Văn Cao và viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm xúc của bạn khi nghe bài hát đó.

Văn Cao (1923 – 1995) tên thật là Nguyễn Văn Cao, quê gốc ở Nam Định, sinh ra và lớn lên tại Hải Phòng. Là một nghệ sĩ đa tài, Văn Cao có nhiều ảnh hưởng đối với nghệ thuật Việt Nam đương đại trên nhiều lĩnh vực: âm nhạc, hội hoạ và thơ ca. Ông sáng tác nhiều ca khúc nổi tiếng như *Thiên thai*, *Trương Chi*, *Làng tôi*, *Trường ca sông Lô*, *Mùa xuân đầu tiên*,... và đặc biệt là *Tiến quân ca* – Quốc ca của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Về thơ, Văn Cao có các tập thơ *Lá* (1988), *Tuyển tập thơ Văn Cao* (1993),...



Văn Cao
(Tranh sơn dầu của
Bùi Quang Ngọc, 2010)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

ÉT-VA MUN-CHƠ (EDVARD MUNCH) VÀ *TIẾNG THÉT*¹

Su-si Hút-gi (Susie Hodge)

✓ Đọc văn bản



Tiếng thét

(Ét-va Mun-chơ: Màu keo và phần màu trên giấy bồi. 91 x 35 cm. Bảo tàng nghệ thuật, kiến trúc và thiết kế quốc gia, Ôt-xlô (Oslo), Na Uy)

Từng trải qua một chấn thương tâm lí thời thơ ấu, Ét-va Mun-chơ (1863 – 1944) đã trở thành một họa sĩ với sức sáng tác dồi dào, ám ảnh bởi cái chết, sự giả dối và lọc lừa. Sau chuyến đi thăm nước Pháp, phong cách của Gô-ganh (Gauguin), Van Gốc (Van Gogh) và Hen-ri đơ Tu-lu-Lô-trec (Henri de Toulouse-Lautrec) (1864 – 1901) đã mang đến cho ông nguồn cảm hứng đặc biệt. Ét-va Mun-chơ bắt đầu vẽ về những đề tài bí hiểm với những đường nét méo mó và màu sắc dữ dội. Điều này đã giúp ông vừa trở thành tâm điểm gây tranh cãi giữa các nhà phê bình nghệ thuật đương thời và vừa là một nguồn cảm hứng bất tận đối với rất nhiều họa sĩ trẻ.

¹ Nhan đề văn bản do nhóm biên soạn đặt.

Sau khi theo học nghệ thuật ở Co-rít-xti-a-ni-a (Kristiania), nay là Ôt-xlô, Êt-va Mun-chor đã đến Đức, Ý và Pháp. Cách lột tả những vấn đề tâm lí một cách đầy xúc cảm của ông được phát triển và mở rộng từ Trường phái Tượng trưng Pháp¹ và ảnh hưởng sâu sắc đến Trường phái Biểu hiện Đức².

Ban đầu, bức tranh được đặt tên là *Tiếng thét của thiên nhiên*, một trong bốn phiên bản được Mun-chor sáng tác trong khoảng thời gian từ năm 1893 đến năm 1910. Nhân vật chính trong tranh có đôi bàn tay xương xẩu, gầy gò ôm lấy chiếc đầu trông như hộp sọ với đôi mắt mở to và miệng há hốc như thốt lên một tiếng thét câm lặng. Nhân vật quái dị này với những hình thù uốn éo xuất hiện trong bức tranh mang lại cảm giác ghê sợ và rùng rợn. Sự mơ hồ, dị thường của nhân vật chính và hai người đang đi bộ trên cầu ở đằng sau tạo nên một cảm giác đe dọa khó hiểu. Những đường xoáy và màu sắc chói chang thiếu tự nhiên càng làm tăng thêm cảm giác lo âu. Về sau, Mun-chor đã giải thích về cảm hứng sáng tác của bức tranh này: “Tôi đang đi bộ trên đường cùng với hai người bạn của mình – mặt trời đang dần lặn – đột nhiên bầu trời chuyển sang màu đỏ như máu – tôi đứng khựng lại, cảm thấy lo lắng và dựa vào thành lan can – tôi thấy máu và những lưỡi lửa lơ lửng phía trên vịnh biển hẹp màu xanh đen và trên thành phố – và tôi bỗng cảm thấy như có một tiếng thét vô cùng tận vang vọng trong thiên nhiên”.

(Theo *Câu chuyện nghệ thuật*, Su-si Hút-gi, Phan Nữ Ngọc Linh dịch, Đông A và NXB Dân trí, 2018, tr. 118 – 119)

✓ Sau khi đọc

1. Văn bản trên đề cập đến những chi tiết nghệ thuật quan trọng nào trong bức tranh *Tiếng thét*? Những chi tiết đó gợi cảm giác như thế nào đối với người xem?
2. Từ các chi tiết trên, hãy xác định giá trị của các yếu tố tượng trưng trong bức tranh *Tiếng thét*.
3. Cần dựa vào những cơ sở nào để xác định yếu tố tượng trưng trong một tác phẩm nghệ thuật?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lập cấu trúc trong những đoạn trích dưới đây:
 - a. *Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,*
Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngần.

¹ Trường phái Tượng trưng Pháp: trào lưu nghệ thuật vào cuối thế kỉ XIX ở Pháp, hướng đến biểu đạt những ý niệm trừu tượng thông qua những biểu tượng có tính ẩn dụ cao.

² Trường phái Biểu hiện Đức: trào lưu nghệ thuật vào đầu thế kỉ XX ở Đức, nhấn mạnh một cách cường điệu cảm xúc của chủ thể, biểu đạt mạnh mẽ sự lo âu trước một thế giới bất ổn và đầy mất mát.

Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm!

Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

(Xuân Diệu, Nguyệt cầm)

- b. Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hoà.

[...]

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

(Hồ Chí Minh, Tuyên ngôn Độc lập)

- c.

Gió, gió thổi rào rào.

Trăng, trăng lay chập chới.

Trời tròn như buồm căng.

Tất cả lên đường mới.

Hồn ta cánh rộng mở

Đôi bên gió thổi vào,

Nghĩ những điều hớn hở

Như trời cao, cao, cao.

(Xuân Diệu, Gió)

- d. Rau cần, với cải bắp cho một tí rau răm vào, muối xối, lấy ra ăn với thịt đông hay kho tàu, nó lạ miệng và có khi thú hơn cả dưa cải nữa... Nhưng ăn cháo ám mà không có

rau cần thì... hồng, y như thể là vào một khoảng vườn mà không có hoa, đi trong mùa xuân mà không thấy bướm.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*)

2. Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Riêng những câu thơ
còn xanh
Riêng những bài hát
còn xanh
Và đôi mắt em
như hai giếng nước.

(Văn Cao, *Thời gian*)

- Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong đoạn thơ trên.
- Cách diễn đạt “những câu thơ còn xanh”, “những bài hát còn xanh” có gì đặc biệt?

TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) tự phác họa nét nổi bật trong tính cách của bạn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ lặp cấu trúc.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

GAI

Mai Văn Phấn

Sớm
Hái bông hoa hồng
Chiều
Gai cào mọng mị.
Sẹo
Lên xanh biếc thề
Gai
Trong hồn đom hoa.

(In trong *Giọt nắng*,
Hội Văn nghệ Hải Phòng, 1992, tr. 36)



Minh họa: Trọng Sơn

Hướng dẫn đọc

1. Xác định mối quan hệ giữa các hình ảnh trong bốn dòng thơ đầu. Chỉ ra ý nghĩa tượng trưng của hình ảnh “hoa hồng” và “gai”, “hái bông” và “gai cào”.
2. Phân tích sự chuyển đổi của các hình ảnh trong bốn dòng thơ cuối.
3. Sự trở lại của hình ảnh “hoa” ở cuối bài thơ có ý nghĩa gì?
4. Bài thơ gọi cho bạn suy nghĩ gì về bản chất của quá trình sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ: Thành quả đạt được và cái giá phải trả có thể là gì?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ) HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT (BỨC TRANH, PHO TƯỢNG)

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Nghị luận về một tác phẩm văn học (bài thơ) hoặc một tác phẩm nghệ thuật (bức tranh, pho tượng)* là kiểu bài nghị luận dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ giá trị nội dung và một số nét đặc sắc về nghệ thuật của một bài thơ hoặc một bức tranh, pho tượng.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

• Về nội dung:

– Nêu được một số nét đặc sắc về nội dung của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng, thông điệp,...) và nghệ thuật của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, bố cục, thể thơ, vần, nhịp, các biện pháp nghệ thuật trong bài thơ; chất liệu, bố cục, màu sắc, chi tiết nghệ thuật,... của bức tranh/ pho tượng).

– Có những lí lẽ xác đáng, hợp lí dựa trên các bằng chứng tiêu biểu từ tác phẩm.

• Về hình thức, đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận: lập luận chặt chẽ; kết hợp các thao tác nghị luận; diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.

• Bố cục đảm bảo ba phần:

Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận (tên tác phẩm, tác giả, khái quát nội dung, ý nghĩa của tác phẩm hoặc nêu định hướng của bài viết).

Thân bài: Lần lượt trình bày các luận điểm về những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật; đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

Kết bài: Khẳng định giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân/ người đọc.

Con chào mào, một thông điệp đa nghĩa

Chào mào là loại chim được người thôn quê yêu thích, nhất là trẻ em. Ngày nay, chim chào mào ít xuất hiện, vì vườn cây thưa thớt, lại phun thuốc bảo vệ thực vật nên sâu chết, quả độc. Con chào mào bay đi... nhưng kia, nó trở lại sống động trong bài thơ *Con chào mào* của Mai Văn Phan.^[1]

Về nội dung, bài thơ gợi ra những thông điệp đa nghĩa.^[2] Điều đầu tiên độc giả có thể nghĩ đến là câu chuyện về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên.^[2a] Con người từ chỗ lệ thuộc vào thiên nhiên, nhờ khoa học kỹ thuật, tưởng như làm chủ được thiên nhiên, nên muốn chiếm hữu tự nhiên, như bắt nhốt con chào mào. Nhưng điều đó chỉ là ảo tưởng.^[**] Kể cả việc con người dùng thiên nhiên như một công cụ (*khung nắn, khung gió, nhành cây xanh*)^[*] để chinh phục thiên nhiên (*con chào mào*).^[*] Cuối cùng, con người đã nhận ra rằng, nếu trả thiên nhiên về cho thiên nhiên thì lúc ấy, dù là thiên nhiên vật chất (*con chào mào đốm trắng mũ đỏ*)^[*], hay là thiên nhiên tinh thần (*tiếng hót*)^[*] ta sẽ có một thiên nhiên thân thiện hơn, tươi đẹp hơn.^[**]

Bên cạnh đó, nhà thơ giúp người đọc phân biệt được cái đẹp và cái có ích^[2b]. Con chào mào *đốm trắng, mũ đỏ, trên cây cao chót vót*, nó *hót triu... uýt... huýt... tu hiu*^[*]. Con chào mào hấp dẫn cả màu sắc, cả sự linh động, và nhất là tiếng hót. Chào mào tượng trưng cho vẻ đẹp quý hiếm của thiên nhiên. Cái đẹp cả trong tự nhiên lẫn trong cuộc sống bao giờ cũng có giá trị tự thân. Con chào mào hót là tự nó muốn hót. Cái đẹp sinh ra không vụ lợi. Hơn nữa, cái đẹp còn gắn với sự tự do. Bởi vậy, con người không nên và không thể sử dụng nó vào những chức năng khác, ngoài tự tính thẩm mỹ.^[**]

Về hình thức nghệ thuật, bài thơ có nhiều nét đặc sắc.^[3] Nhà thơ đã xây dựng những hình ảnh tượng trưng, giàu ý nghĩa *Tôi ôm khung nắn, khung gió/ Nhành cây xanh hổi hả đuối theo*. Cấu tứ của bài thơ được tạo nên từ cặp hình ảnh sóng đôi nhân vật *tôi* – *con chim chào mào*, qua đó gợi ra thông điệp về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.^[**] Chi tiết tiếng chim chào mào *triu... uýt... huýt... tu hiu*^[*] được lặp lại hai lần đánh dấu sự chuyển đổi của hình ảnh thơ từ cõi thực vào cõi tâm tưởng, gợi ra sự thức nhận bất chợt mà sâu sắc của nhân vật *tôi*, để thẩm thía giá trị tự thân của cái đẹp trong tinh thần. Nhà thơ đã sử dụng ngôn ngữ thơ giản dị, gần gũi, có sức gợi cảm cao, kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm.^[**]

Như vậy, thông qua các hình ảnh đa nghĩa, cấu tứ độc đáo, ngôn từ giản dị, bài thơ đã gợi ra những thông điệp sâu sắc về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, về giá trị tự thân của cái đẹp. Nhờ thế, bài thơ đã để lại những dư vị thẩm thía trong lòng người đọc.^[4]

(Theo Đỗ Lai Thuý, in trong Tạp chí *Người Hà Nội*, số 6, 2022, tr. 41)

[1]: Giới thiệu tác phẩm, tác giả; dẫn dắt vào bài viết bằng câu chuyện thực tế.

[2]: Luận điểm 1: Đặc sắc về nội dung – thông điệp đa nghĩa.

[2a]: Luận điểm 1.1: Ý nghĩa thứ nhất của bài thơ.

[*]: Bằng chứng dẫn ra để làm rõ luận điểm.

[**]: Lí lẽ để phân tích, lí giải các bằng chứng.

[2b]: Luận điểm 1.2: Ý nghĩa thứ hai của bài thơ.

[3]: Luận điểm 2: Đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ.

[4]: Khẳng định lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Cách mở bài của văn bản trên có gì đặc sắc?
2. Các luận điểm trong văn bản bàn về vấn đề gì? Những câu nào là câu chủ đề của mỗi luận điểm?
3. Tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm?

Đọc ngữ liệu tham khảo 2

Thiếu nữ chơi đàn nguyệt¹ – tranh lụa của Mai Trung Thứ²

Mai Trung Thứ dành hơn nửa cuộc đời của mình tại Pháp. Trong thời gian lưu lại Mâcon từ năm 1940 đến năm 1942, thực hành hội hoạ của ông đã trải qua một thay đổi lớn – ông từ bỏ sơn dầu trên vải và tập trung phần lớn nỗ lực vào việc tạo ra những bức tranh tinh tế trên lụa, một chất liệu đậm chất Á Đông. [...] Phẩm chất độc đáo của lụa, với sự mềm mại cũng như khả năng hút ẩm để tạo ra màu sắc tinh tế, làm toát lên sự nữ tính như trong bức hoạ *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt*.^[1]

Khi bức tranh này được giới thiệu tại triển lãm vào năm 1943, người ta nhắc đến Mai Trung Thứ như là một “hoạ sĩ của những cảnh thân thuộc”,... ghi nhận những nỗ lực của ông trong việc biến những cảnh sinh hoạt đời thường trở nên có giá trị. Đặc biệt, một trong những chủ đề chính của các hoạ sĩ chuyên vẽ khung cảnh thân thuộc là các cô thiếu nữ, như trong *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt*, trọng tâm được đặt vào cô gái duyên dáng đang chơi đàn nguyệt, một loại nhạc cụ hai dây truyền thống của Việt Nam. Bức tranh không chỉ đem đến một sự hoà quyện đầy uyển chuyển và trữ tình giữa hình ảnh và âm thanh; nó còn mời gọi người xem trải nghiệm một khoảnh khắc thân mật mà thoáng qua, được ghi lại trong không gian hình ảnh.^[2]

Để vẽ *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt*, Mai Trung Thứ sử dụng những kĩ thuật tạo hình phương Tây. Bố cục bức tranh dường như tuân theo quy tắc *Một phần ba* (1/3); thiếu nữ chơi đàn – chủ thể chính – ở vị trí chếch một chút về phía bên phải của đường cắt trung tâm, trong khi cô gái còn lại ngồi quay lưng với người xem và ở phía bên trái để tạo sự cân bằng thị giác.^[3]

Thiếu nữ chơi đàn hướng ánh nhìn khỏi khán giả nhưng ánh mắt của cả thiếu nữ thứ hai trong bức tranh lẫn người xem đều hướng về phía người chơi đàn. Hướng nhìn linh hoạt này cũng như các góc được tạo thành từ cơ thể họ đem đến chuyển động hài hoà cho bố cục, cho phép đôi mắt người xem dõi theo dấu vết thị giác đã được hoạ sĩ sắp đặt và tự do di chuyển quanh bức tranh. Ở đây, ánh mắt trầm ngâm và có phần xa cách của thiếu nữ chơi đàn đóng vai trò như một phương tiện giao tiếp đầy lí thú giữa người xem và tác phẩm, cùng giai điệu đàn nguyệt đầy mộng mơ vang lên giữa thinh không.^[3a]

[1]: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận.

[2]: Luận điểm thứ nhất.

[3]: Luận điểm thứ hai.

[3a]: Lí lẽ và bằng chứng thứ nhất.

¹ Xem tranh *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt*, tr. 60. Trong tranh *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt* (*Lady Playing a Nguyệt Cam*), trọng tâm được đặt vào cô gái duyên dáng đang chơi một loại nhạc cụ hai dây truyền thống, có hộp đàn hình tròn như mặt trăng, do đó, gọi là “nguyệt cầm” hay “đàn nguyệt”, người miền Nam còn gọi là “đờn kìm”.

² Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

Điều thú vị là phong nền màu xanh ngọc lục bảo dịu nhẹ và những bông hoa trắng cắm trong bình hô ứng với tựa đề của cuốn sách nhỏ màu đỏ được đặt trên chiếc bàn thấp truyền thống — Ngọc Hoa (玉花), tên của nữ nhân vật chính trong bộ truyện Nôm khuyết danh thế kỷ XVIII, *Ngọc Hoa Cổ tích truyện*.^[3b] Trong truyện, Ngọc Hoa không chỉ giữ trinh tiết và cứu chồng khỏi cỏi âm; nàng còn tố cáo tội ác của tên bạo chúa đã giết chồng mình, qua đó tôn vinh và đề cao những phẩm chất kiên cường, đáng ngưỡng mộ của con người — đặc biệt là phụ nữ — những người không bao giờ đầu hàng trước bạo lực và cường quyền. Mai Trung Thứ đã cẩn trọng sắp đặt những đồ vật này theo một cách thức mới, sử dụng chúng để tái tạo không gian cho sự tự biểu đạt và ở một mức độ nào đó, cổ vũ quyền bình đẳng, tự chủ của phụ nữ Việt Nam hiện đại trong đời sống thường nhật.

[3b]: Lí lẽ và bằng chứng thứ hai.

Mai Trung Thứ đã sáng tạo ra một bức tranh sống động, có thể khơi dậy mọi giác quan. Như một chốn biểu diễn đầy sức gợi cảm, thấm đẫm những ẩn dụ thị giác vượt khỏi không gian và thời gian. Sức mạnh nghệ thuật của Mai Trung Thứ đến từ thực hành nghệ thuật hội hoạ kết hợp phong cách phương Tây lẫn Việt Nam, với cảm quan thị giác độc đáo. [...] *Thiếu nữ chơi đàn nguyệt* là minh chứng cho sự phát triển nghệ thuật hội hoạ của ông như một nghệ sĩ bậc thầy, người đã mở ra một chương mới trong lịch sử nghệ thuật Việt Nam hiện đại.^[4]

[4]: Kết luận giá trị và đóng góp của tác phẩm.

Theo bản dịch của Lưu Bích Ngọc
(Bài tiếng Anh của Yunwen Sung – “*Lady Playing a Nguyệt Cam*”
(*Thiếu nữ chơi đàn nguyệt*),
<https://luxuo.vn/culture/thieu-nu-choi-dan-nguyet-cua-mai-thu.html>)

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Nội dung luận điểm thứ nhất và luận điểm thứ hai là gì?
2. Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ luận điểm?
3. Cách kết luận của bài viết này có điểm gì khác với cách kết luận của bài viết “*Con chào mào*”, một thông điệp đa nghĩa?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Hãy viết bài văn nghị luận về một bài thơ hoặc một bức tranh/ pho tượng mà bạn yêu thích.

Bước 1: Chuẩn bị viết

Xác định đề tài

- Tìm bài thơ hay tên bức tranh/ pho tượng mà bạn yêu thích hoặc có ấn tượng mạnh mẽ.
- Liệt kê một vài lí do khiến bạn thích hoặc có ấn tượng về tác phẩm đó.

Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc

• Để bài viết đạt được hiệu quả giao tiếp, bạn hãy tự hỏi: *Tôi viết bài này nhằm mục đích gì? Người đọc bài này có thể là những ai? Họ mong chờ điều gì từ bài viết của tôi?*

Thu thập tư liệu

• Để có ý tưởng viết bài nghị luận về một bài thơ, bạn hãy:

- Thu thập thông tin về tác giả, thời đại, chủ đề và cảm hứng sáng tác.
- Tìm hiểu thể thơ, bố cục, cấu tứ, từ ngữ, hình ảnh, cách gieo vần, ngắt nhịp, các biện pháp tu từ, giọng điệu,... và hiệu quả của các yếu tố này đối với việc thể hiện nội dung bài thơ.

- Ghi chép những suy nghĩ của bản thân về tác phẩm.
- Tìm đọc các bài viết về bài thơ (nếu có), tham khảo các ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về tác phẩm, ghi chép những ý kiến sâu sắc, những ý kiến trái chiều về tác phẩm.

• Để có ý tưởng viết bài nghị luận về một bức tranh / pho tượng, bạn cần:

- Thu thập thông tin về tác giả, thời đại, chủ đề và cảm hứng sáng tác; xác định thể loại (tranh chân dung / lịch sử / tĩnh vật / phong cảnh / ...; tượng đài / tượng tròn).
- Quan sát kĩ bức tranh / pho tượng trên những phương diện như: kích thước (khổ tranh, kích cỡ tượng); chất liệu tranh (son dầu hay son mài, màu nước,...) / chất liệu tượng (cắm thạch, đồng, gỗ, thạch cao,...); hình ảnh con người / sự vật (được thể hiện theo bút pháp tả thực hay trừu tượng); màu sắc (sáng hay tối, nóng hay lạnh, rực rỡ hay êm dịu); đường nét và hình khối (thô ráp hay mượt mà, có ranh giới rõ ràng hay mờ nhoè); bố cục; không gian được thể hiện (rộng lớn hay nhỏ hẹp, sâu hay nông, khoáng đạt, tự do hay chật chội, ngột ngạt,...).

- Tác động của các thành tố đó đối với việc thể hiện nội dung bức tranh / pho tượng.
- Tìm đọc các bài viết về bức tranh / pho tượng (nếu có), tham khảo các ý kiến nhận xét, đánh giá của người viết về tác phẩm, ghi chép những ý kiến sâu sắc, những ý kiến trái chiều về tác phẩm.

• Xác định các yếu tố của bài thơ, bức tranh, pho tượng đã kết hợp với nhau như thế nào để tạo ra một tổng thể toàn vẹn và tổng thể đó có tác động như thế nào đối với bạn.

Lưu ý: Khi ghi chép thông tin về bài thơ / bức tranh / pho tượng, bạn cần ghi đầy đủ nguồn tài liệu: tên tác giả, tên bài viết, tên sách / tạp chí / trang web, năm công bố bài viết. Nếu thông tin được tìm trên trang web thì cần ghi rõ thời điểm bạn truy cập trang web đó.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Tìm ý

Bạn có thể tham khảo phiếu tìm ý dưới đây để xác định một số nét về nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm:

PHIẾU TÌM Ý

Nghị luận về một bài thơ

Tên bài thơ: Thể loại:

Tên tác giả:

Nội dung		Một số nét đặc sắc về nghệ thuật	
Nêu nội dung	Nhận xét	Nét đặc sắc	Nhận xét
Đề tài	...	Kết cấu/ bố cục	...
Chủ đề	...	Từ ngữ, hình ảnh	...
Cảm hứng chủ đạo	...	Vần, nhịp	...
Thông điệp	...	...	...

PHIẾU TÌM Ý

Nghị luận về một bức tranh/ pho tượng

Tên bức tranh/ pho tượng: Chất liệu:

Tên tác giả: Thể loại:

Nội dung		Một số nét đặc sắc về nghệ thuật	
Nêu nội dung	Nhận xét	Nét đặc sắc	Nhận xét
Đề tài	...	Bố cục	...
Chủ đề	...	Đường nét Hình khối	...
Cảm hứng chủ đạo	...	Màu sắc	...
Thông điệp	...	...	...

Lưu ý: Bạn không cần nêu tất cả các yếu tố về nội dung và hình thức của tác phẩm mà chỉ cần nêu một số nét mà bạn cho là đặc sắc nhất để bàn luận.

Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý.

- Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, khái quát nội dung, ý nghĩa của tác phẩm.
- Lần lượt nêu từng luận điểm (ít nhất là hai luận điểm).
- Luận điểm thứ nhất: nêu và nhận xét về nội dung tác phẩm.

- Luận điểm thứ hai: nêu và nhận xét một số nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm.
- Mỗi luận điểm cần được làm sáng tỏ bằng lí lẽ và bằng chứng.

Lưu ý: Có thể hoán đổi vị trí của luận điểm thứ nhất và thứ hai.

- Khẳng định giá trị của tác phẩm hoặc nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân/ người đọc.

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn hoàn chỉnh theo một số gợi ý:

- Nêu rõ luận điểm trong câu chủ đề.
- Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ: Nếu những nét đặc sắc về nghệ thuật được xếp là luận điểm thứ nhất thì bạn cần làm rõ những nét đặc sắc đó đã góp phần làm rõ nội dung tác phẩm như thế nào (luận điểm thứ hai).

- Có thể trích dẫn một số ý kiến đánh giá về tác phẩm của các nhà phê bình văn học/nghệ thuật để tăng sức thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng.

Lưu ý: Cách triển khai luận điểm khi nghị luận về một bài thơ và nghị luận về một bức tranh/pho tượng có sự khác nhau (xem lại "Con chào mào", một thông điệp đa nghĩa và "Thiếu nữ chơi đàn nguyệt" – tranh lụa của Mai Trung Thứ) để thấy rõ sự khác biệt này.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa

- Sau khi viết xong, hãy kiểm tra lại bài viết của mình theo mẫu bảng kiểm ở Bài 3. *Khát khao đoàn tụ* (Ngữ văn 11, tập một), lưu ý đến một số khác biệt về đặc điểm của kiểu bài.
- Sau khi chỉnh sửa những điểm chưa đạt, hãy chia sẻ bài viết của mình với các bạn trong lớp.



NÓI VÀ NGHE

GIỚI THIỆU VỀ MỘT BÀI THƠ HOẶC MỘT BỨC TRANH/ PHO TƯỢNG THEO LỰA CHỌN CÁ NHÂN

Đề tài:

Hãy giới thiệu một bài thơ hoặc bức tranh/ pho tượng mà bạn yêu thích.

Bạn thực hiện bài giới thiệu theo quy trình ba bước: 1. Chuẩn bị nói; 2. Trình bày bài nói; 3. Trao đổi, đánh giá (đã học ở bài trước). Riêng ở bài này, cần lưu ý thêm một số điểm dưới đây:

Bước 1: Chuẩn bị nói

Lập dàn ý giới thiệu một tác phẩm dựa trên phiếu sau:

PHIẾU GIỚI THIỆU VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC/ NGHỆ THUẬT

Tên tác phẩm văn học/ nghệ thuật: Thể loại:

Tên tác giả:

1. Giới thiệu về đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm:

– Đối với bài thơ: giới thiệu *mạch cảm xúc của bài thơ, sự triển khai mạch cảm xúc qua các khổ thơ, đoạn thơ; một số điểm nổi bật về nghệ thuật*;...

– Đối với tác phẩm hội hoạ hoặc điêu khắc: giới thiệu về *kích thước, tỉ lệ, chất liệu; cách sắp xếp bố cục không gian, sử dụng màu sắc, hình khối, nét vẽ*;...

2. Giới thiệu về chủ đề, thông điệp của tác phẩm:

.....

3. Trình bày một số ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm; tình cảm, cảm xúc khi đọc/ xem tác phẩm:

.....

Bước 3: Trao đổi, đánh giá

Dùng bảng kiểm kĩ năng giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật đã học ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (Ngữ văn 11, tập một) để tự kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh bài giới thiệu của bản thân.

NGHE VÀ PHẢN HỒI VỀ BÀI GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC HOẶC TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Trong bài học này, bạn sẽ vận dụng những kĩ năng nghe, nắm bắt quan điểm của người nói, kĩ năng phản hồi đã học ở lớp 10 và các bài trước để nghe và phản hồi bài thuyết trình về một tác phẩm nghệ thuật.

Bước 1: Trước khi nghe

Trước khi nghe một bài giới thiệu tác phẩm văn học/ nghệ thuật, bạn nên:

- Tìm hiểu về tác phẩm sẽ được giới thiệu (nội dung, những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ; đường nét, màu sắc, hình khối, chất liệu của bức tranh/ pho tượng).
- Tìm hiểu các bài viết bàn về tác phẩm được giới thiệu trên các báo, tạp chí, trang web,...

Bước 2: Lắng nghe và ghi chép

Để nắm bắt nội dung chính của bài giới thiệu và quan điểm của người giới thiệu đối với tác phẩm nghệ thuật, bạn nên:

• Chú ý các kiểu câu mà người giới thiệu sử dụng như: *Nội dung thứ nhất là...; Nội dung thứ hai là...; Điểm đặc sắc của tác phẩm này là...;...*

• Quan sát các phương tiện phi ngôn ngữ mà họ sử dụng: biểu cảm của gương mặt, bức tranh, pho tượng, bìa sách,...

• Dùng các từ khoá, cụm từ, sơ đồ,... để ghi chép thông tin chính của bài giới thiệu.

• Ghi những câu hỏi mà bạn muốn trao đổi hoặc tranh luận với người giới thiệu.

Bước 3: Trao đổi, nhận xét, đánh giá

• Dùng kĩ thuật PMI mà bạn đã học ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (Ngữ văn 11, tập một), để trao đổi với người giới thiệu tác phẩm nghệ thuật.

• Tôn trọng quan điểm của người giới thiệu bởi vì một tác phẩm nghệ thuật thường gọi lên nhiều cách hiểu khác nhau, quan điểm thẩm mĩ của mỗi người khác nhau.

ÔN TẬP

1. So sánh một số nét đặc sắc của ba bài thơ đã học (làm vào vở):

	Nguyệt cầm	Thời gian	Gai
Cấu tứ			
Yếu tố tượng trưng			

2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc trong đoạn thơ dưới đây:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

3. Hãy nêu ít nhất hai bài học kinh nghiệm về cách viết văn bản nghị luận về một bài thơ hoặc bức tranh/ pho tượng.

4. Làm thế nào để bài giới thiệu về một bài thơ hoặc một bức tranh/pho tượng hấp dẫn người nghe?

5. Giải thích thế nào là kĩ thuật PMI khi tương tác với người thuyết trình và tác dụng của nó.

6. Bạn hiểu thế nào về “cái tôi” trong nghệ thuật và trong cuộc sống? “Cái tôi” đó có mối quan hệ như thế nào với “cái ta”?

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nhận biết và sửa được một số kiểu lỗi về thành phần câu.
- Viết được bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết thảo luận, tranh luận một cách có hiệu quả và có văn hoá về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.
- Trân trọng những kỉ niệm và trải nghiệm tuổi thơ, sống có trách nhiệm với bản thân và với mọi người.

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện kí là thể loại trung gian giữa truyện và kí. Truyện kí rất gần với kí ở yêu cầu về tính xác thực dựa trên việc ghi chép người thật, việc thật; nhưng cũng gần với truyện ở chỗ thường có cốt truyện hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh. Tuy được xem là thể loại phi hư cấu nhưng do yêu cầu dung hoà yếu tố truyện với yếu tố kí, yêu cầu thể hiện tính xác thực theo cách riêng của thể loại, người viết truyện kí cũng được phép hư cấu ở một mức độ nhất định.

Sự kết hợp giữa phi hư cấu và hư cấu trong truyện kí

Phi hư cấu là cách phản ánh hiện thực theo nguyên tắc đề cao tính xác thực bằng cách “gọi thẳng tên và miêu tả càng chính xác càng tốt những con người và sự kiện có thực”¹, đặc biệt là đối với các chi tiết, sự kiện mang thông tin xác định, có thể kiểm chứng (gọi là “thành phần xác định”) như: tên tuổi, lai lịch, ngoại hình, nguồn gốc gia đình, ngọn nguồn văn hoá, quan hệ gia đình – xã hội, ... của nhân vật; thời gian, không gian, địa điểm, ... thuộc bối cảnh của câu chuyện hay diễn biến của sự việc, ...

Hư cấu là dùng trí tưởng tượng sáng tạo ra cái mới, những điều khác lạ không có hoặc chưa có trong thế giới thực nhằm mục đích nghệ thuật. Trong truyện kí, có không ít loại chi tiết, yếu tố không xác định, không cần và không thể kiểm chứng

¹ Lại Nguyên Ân (biên soạn), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 234.

như: diễn biến nội tâm của nhân vật, tác động của cảnh sắc thiên nhiên, sinh hoạt xã hội đối với tình cảm, cảm xúc của con người, các hành vi, lời thoại giao tiếp ngẫu hứng của nhân vật, sự góp mặt của các nhân vật phụ,... (gọi chung là “thành phần không xác định”).

Lỗi về thành phần câu và cách sửa

Lỗi về thành phần câu là lỗi liên quan đến các thành phần trong câu như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ và các loại thành phần phụ khác.

Sau đây là một số kiểu lỗi về thành phần câu và cách sửa¹:

- ***Thiếu thành phần câu***

– Thiếu thành phần chủ ngữ

Ví dụ: Qua tác phẩm “Tắt đèn” cho thấy hình ảnh người phụ nữ nông dân trong chế độ cũ dù chịu nhiều áp bức, bất hạnh nhưng vẫn luôn mạnh mẽ, quật cường.

Cách sửa: thêm chủ ngữ “tác giả” trước “cho thấy” hoặc thêm thành phần chủ ngữ cho câu bằng cách bỏ từ “qua” để “tác phẩm Tắt đèn” trở thành chủ ngữ.

– Thiếu thành phần vị ngữ

Ví dụ: Lòng tin sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình.

Cách sửa: thêm thành phần vị ngữ cho câu. Lòng tin sâu sắc của những thế hệ cha anh vào lực lượng măng non và xung kích sẽ tiếp bước mình là nguồn động lực kích thích mạnh mẽ sức sáng tạo của thế hệ trẻ.

– Thiếu cả thành phần chủ ngữ và vị ngữ

Ví dụ: Khi tôi đến Đà Lạt vào mùa xuân.

Cách sửa: thêm thành phần chủ ngữ, vị ngữ cho câu. Khi đến Đà Lạt vào mùa xuân, tôi ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của các loài hoa ở nơi này.

- ***Không phân định rõ các thành phần câu***

Ví dụ: Về cách làm công nghiệp hoá của nhiều cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân, viên chức, các nhà doanh nghiệp tập trung kiến nghị: [...].

Cách sửa: phân định rõ các thành phần câu. Về cách làm công nghiệp hoá, nhiều cán bộ khoa học, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân, viên chức, các nhà doanh nghiệp tập trung kiến nghị: [...].

- ***Sắp xếp sai trật tự thành phần câu***

Ví dụ: Vào bảy giờ sáng ngày mai, tôi quyết định đi ra sân bay.

Cách sửa: sắp xếp lại vị trí các thành phần trong câu cho phù hợp. Tôi quyết định đi ra sân bay vào bảy giờ sáng ngày mai.

¹ Các ví dụ về lỗi thiếu thành phần chủ ngữ, thiếu thành phần vị ngữ và lỗi không phân định rõ thành phần câu đều dẫn theo *Tiếng Việt thực hành*, Bùi Minh Toán – Lê A – Đỗ Việt Hùng, NXB Giáo dục, 2012, tr. 166 – 167.



ĐỌC

VĂN BẢN 1

NGÔI NHÀ TRANH CỦA CỤ PHAN BỘI CHÂU Ở BẾN NGỰ¹

(Trích *Tuấn* – chàng trai nước Việt)

Nguyễn Vỹ

Tuấn – chàng trai nước Việt là một tác phẩm văn xuôi tự sự cỡ lớn gồm 45 chương, ghi lại theo trình tự thời gian những “chứng tích thời đại” trong khoảng 45 năm đầu thế kỉ XX. Trong *Lời nói đầu* với nhan đề *Bạn đọc thân yêu* (1969), Nguyễn Vỹ đã nói rõ mục đích và quan niệm của ông khi viết tác phẩm này:

Tuấn là một nhân vật điển hình, tiêu biểu cho những chàng trai Việt Nam sinh trưởng trên đất nước từ đầu thế kỉ. Chàng lớn lên giữa một bối cảnh lịch sử và xã hội cổ kính đang bắt đầu biến chuyển dần dần [...] do sự xâm nhập của người Pháp. [...] Với tư cách một nhân chứng vô tư của thời đại, *Tuấn* thuật lại rất khách quan và chân thật [...] tất cả những biến đổi phi thường ấy, về lịch sử, xã hội, phong hoá, tập tục, kinh tế, trong đời sống tinh thần và vật chất của nhân dân Việt Nam từ năm 1900 đến nay. [...] Những người Việt sinh trưởng vào đầu thế kỉ có thể chứng nhận rằng những sự kiện, thấy, nghe, sống, những phong trào, nhân vật, biến cố lớn hay nhỏ, ghi lại trong tác phẩm này đều hoàn toàn xác thực. Ở đây, không có chỗ cho tưởng tượng, cũng như cho chủ quan, thành kiến. Những thế hệ hôm nay và mai sau sẽ tìm thấy nơi đây những yếu tố để suy nghiệm về lịch sử dân ta.

Phần văn bản dưới đây trích từ Chương 20: 1927 của tác phẩm, thuật lại việc *Tuấn* và Quỳnh – một người bạn học của *Tuấn* – đến thăm ngôi nhà của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự, thành phố Huế, vào năm 1927.



Phan Bội Châu (1867 – 1940)
(Từ *điển Văn học*, bộ mới)



Khu lưu niệm Ông Già Bến Ngự (Phan Bội Châu), số 15 đường Phan Bội Châu, thành phố Huế

(<https://vnexpress.net/can-nha-tranh-cua-cu-phan-boi-chau-se-don-nhat-hoang-3548083.html>)

¹ *Bến Ngự*: một bến sông dưới chân núi Ngự Bình, bờ Nam (hữu ngạn) sông Hương, thuộc địa phận xã An Cựu, thành phố Huế, cách trung tâm thành phố khoảng 4 km. Núi Ngự cùng với sông Hương tạo thành cặp địa danh (Sông Hương – Núi Ngự) sơn thủy hữu tình, thơ mộng, điểm du lịch nổi tiếng ở thành phố Huế. Ngày nay, ngôi nhà ba gian của cụ Phan Bội Châu – nơi cụ sống trong sự giam lỏng của thực dân Pháp (1925 – 1940), thuộc Khu lưu niệm Ông Già Bến Ngự, số 15 đường Phan Bội Châu, phường Trường An, thành phố Huế.

✓ Trước khi đọc

Chia sẻ những điều bạn biết về cụ Phan Bội Châu, người được mệnh danh là “Ông Già Bến Ngự”.

✓ Đọc văn bản

Tuấn ở trọ nhà Quỳnh, bạn học cũ ở Quy Nhơn, người cùng Tuấn đã gây ra cuộc bãi khoá ở Quy Nhơn một năm trước, và cũng bị đuổi như Tuấn. Quỳnh bây giờ học lớp Đệ Tứ¹ Niên tư thực Pe-lo-ranh (Pellerin)² của các vị Cố Đạo Huế. Quỳnh vẫn mặc bộ đồ tây may ở Quy Nhơn.

Bảy giờ sáng hôm sau, nhân ngày Chủ nhật, Tuấn nhờ Quỳnh đưa Tuấn đến thăm cụ Phan Bội Châu, Quỳnh bảo:

– Nhà cụ Phan ở Bến Ngự gần đây. Hai đứa mình đến thăm cụ thế nào cũng có mặt thám theo dõi, rình mò. Mầy dám đến không?

Tuấn hỏi:

– Vậy chớ tụi mầy ở Huế thường ngày không đến thăm cụ sao?

– Thỉnh thoảng mới đến mà tụi tao phải rủ nhau đi một lượt bốn năm đứa để cho lính mã tà³ và bọn chỉ điểm ít nghi ngờ. Mầy muốn tao rủ thêm vài ba thằng bạn nữa đi với tụi mình cho vui không?

– Thôi không cần, hai đứa mình đi đến thăm cụ, chớ có làm gì mà sợ.

Đi một đoạn đường ngấn lên một dốc khá cao, đường đất đỏ nhiều bụi chưa tráng nhựa, Quỳnh chỉ một nếp nhà ở ngay cuối đường:

– Nhà cụ Phan đấy.

Tuấn trông thấy trước hết một chiếc cổng sài bằng hai trụ gỗ, trên đóng ngang một tấm bảng để một dòng chữ đen:

Nhà đọc sách Phan Bội Châu.

Chiếc cổng dựng ngay giữa một hàng rào cây, và luôn luôn mở rộng. Không đo dự, Quỳnh và Tuấn bước vào, đi rón rén, giữ lễ phép, qua một sân hẹp rồi bước lên thềm nhà tô xi măng. Nhà có ba gian rộng rãi, để trống. Tuấn hồi hộp tưởng sắp sửa được trông thấy cụ Phan. Nhưng cảnh nhà thanh vắng, không một tiếng động. Tuấn và Quỳnh đứng yên trên thềm, đợi xem có ai ra thì xin yết kiến cụ. **1**

Theo dõi

1 Chú ý các chi tiết miêu tả ngôi nhà của cụ Phan Bội Châu và tâm trạng của hai chàng học sinh Tuấn, Quỳnh lúc mới bước vào ngôi nhà.

¹ Đệ Tứ: lớp cuối Đệ Nhất, cấp tương đương với lớp 9 cấp Trung học cơ sở ngày nay.

² Pe-lo-ranh: một ngôi trường tư thực đương thời của các Cố Đạo Huế nằm trên đường Lê Lợi, gần Cầu Ga Huế.

³ Lính mã tà: (hay mã tà ma nì) là cách người Việt gọi lính đánh thuê từ Phi-líp-pin (Philippine) chiến đấu trong quân viễn chinh Pháp xâm lược Việt Nam vào nửa cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX.

Một lát, một em bé học trò độ bảy tuổi, đầu cạo trọc chừa một chòm tóc ở giữa, từ ngoài chạy vào, nét mặt ngây thơ, nói với hai cậu học trò bằng giọng Nghệ An:

– Cụ bán gạo ở ngoài nớ¹.

Bé chỉ một gian hàng gạo rất sơ sài ở góc sân, một cái chòi thì đúng hơn, lợp bằng tranh. Một cụ già mặc áo dài màu nâu, đang đứng bán vài lon gạo cho các chị nhà nghèo. Em bé chạy ra thưa với cụ một vài lời gì đó. Cụ cười giao thúng cho bé trông nom, và chống ba toong² đi thủng thỉnh vào nhà. Tim Tuấn đập mạnh. Tuấn được chiêm ngưỡng lần đầu tiên nhà Chí sĩ³ Phan Bội Châu, với một chòm râu phong phú, mắt đeo kính trắng, vòm trán cao vút tận đỉnh đầu. Cụ bước đi thư thả, tay mặt chống ba toong – cây ba toong của toàn quyền Va-ren (Varenne)⁴ tặng cụ – tay trái hơi cong, bàn tay lấp dưới tà áo nâu dài.

Cụ mặc quần trắng bằng vải nội hoá, mang đôi dép da. Trông cụ không khác nào một vị tiên lão da mặt hồng hào, đang bước thung dung ở dưới bóng cây. Cụ bước lên thềm ngõ hai cậu học trò. Tuấn và Quỳnh chấp hai tay trước ngực, cúi đầu chào cung kính. Cụ cười rất tự nhiên, rất hiền lành, đưa tay chỉ gian nhà giữa:

– Mời hai cậu vào.

Tuấn và Quỳnh đợi cụ Phan vào trước và theo sau cụ. Sau khi mời ngồi, cụ hỏi:

– Hai cậu học ở Trường Quốc Học⁵?

Tuấn đáp:

– Dạ thưa cụ, con ở xa mới tới Huế lần đầu tiên, đến hầu thăm cụ. Thấy cụ được khoẻ mạnh, con rất mừng.

Cụ hỏi Quỳnh:

– Còn cậu nì?

– Thưa cụ, con học trường Pe-lo-ranh.

Cụ còn hỏi han nhiều câu về việc học và gia đình của hai cậu học trò, rồi cụ nghiêm trang dạy bảo nhiều lời giáo huấn, về lòng yêu nước yêu dân. Cụ gọi người nhà lấy ra hai quyển sách mỏng do cụ soạn, nhan đề *Nam Quốc Dân tu trí*⁶ và *Nữ Quốc Dân tu trí*⁷. Cụ trao cho hai đứa hai quyển và bảo:

¹ Nớ: ấy.

² Ba toong: gậy ngạnh cầm tay, thường có một đầu cong.

³ Chí sĩ: người trí thức, thường là nhà nho, có chí khí, quyết tâm đấu tranh vì chính nghĩa.

⁴ Va-ren: tức A-lếch-xăng Va-ren (Alexandre Varenne), viên toàn quyền Đông Dương người Pháp, nhậm chức từ năm 1925.

⁵ Trường Quốc Học: ngôi trường được xây dựng từ năm 1896 theo chỉ dụ của vua Thành Thái, là Trường Trung học Đệ Nhất cấp đầu tiên ở Huế, tọa lạc trên trục đường Lê Lợi, trung tâm thành phố Huế, nay là Trường Trung học Phổ thông Chuyên Quốc Học Huế.

⁶ *Nam Quốc Dân tu trí*: cuốn sách do cụ Phan Bội Châu soạn theo hình thức văn vần bốn chữ để giáo dục, vận động nam thanh niên học sinh đương thời mở mang trí thức, tu dưỡng tinh thần trở thành người dân có ích cho đất nước.

⁷ *Nữ Quốc Dân tu trí*: cuốn sách do cụ Phan Bội Châu soạn để giáo huấn về tinh thần công dân dành cho nữ học sinh, tài liệu giảng dạy cho chị em, viết theo lối văn vần cho Nữ công học hội ở Huế. Sách cung cấp những tri thức phổ thông căn bản (đạo làm con, gia đình, công – dung – ngôn – hạnh, đạo làm mẹ,...) cùng lời khuyên “hợp quần” để giáo dục và vận động phụ nữ đương thời.

– Các anh chị Nam Nữ Quốc Dân nên xem hai quyển sách nhỏ này để trở thành người Quốc Gia.

Sau một lúc nói chuyện lâu trên một tiếng đồng hồ, cụ thấy ngoài chòi gạo của cụ có đông đồng bào lao động đến mua gạo, cụ xin lỗi đứng dậy:

– Hai cậu ở đây chơi, một lát tôi vào. Tôi ra bán gạo, kéo bà con cô bác chờ lâu. **2**

Liên hệ

2 Hình ảnh cụ Phan Bội Châu qua lời kể của Tuấn giống và khác thế nào so với những gì bạn từng hình dung về cụ trước khi đọc văn bản?

Cụ Phan Bội Châu chống ba toong đi ra sân, Tuấn và Quỳnh thừa dịp, đi xem qua ba gian nhà của cụ. Một em bé hướng dẫn, bảo:

– Ba gian nhà là tượng trưng Nam Trung Bắc, cùng nhau như anh em một nhà.

Gian bên trái là phòng tắm của cụ, gian bên phải gọi là *phòng đọc sách*, Tuấn để ý rất kĩ hai bức tranh bằng mực đen do một bạn nam học sinh Trường Quốc Học vẽ một chậu nước trong đó có bơi vài con cá. Dưới tranh, đề *Cá chậu*. Một bức tranh khác do một chị nữ sinh Đồng Khánh vẽ, đề là *Chim lồng*.

Ra ngoài sân, nơi góc bên phải, Tuấn thấy một ngôi miếu nho nhỏ, thờ một nữ đồng chí của cụ.

Kinh thành Huế chia ra ba khu nhà rõ rệt. Bên tả ngạn sông Hương là Thành Nội, với các cung điện nhà vua, với Tam Toà, Lục Bộ¹, tất cả ở phía trong mấy lớp thành cao. Ngoài thành là các phố buôn bán và chợ Đông Ba. Bên kia cầu Gia Hội phần nhiều là dinh thự và nhà cửa của các quan.

Bên hữu ngạn sông Hương, nối bằng một chiếc cầu sắt khá rộng tên là cầu Trường Tiền là khu Bảo Hộ Pháp với toà Khâm Sứ² và các cơ quan hành chính của Pháp.

Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu, ở xóm Bến Ngự, ngoài châu thành, nơi đây phần đông các nhà đều vào hạng trung lưu và bình dân. Nhà cụ Phan Bội Châu có thể gọi là tượng trưng cho tinh thần anh dũng của dân tộc, cho truyền thống bất khuất của nhân dân Việt Nam, mặc dù bị kềm hãm trong hoàn cảnh “cá chậu, chim lồng”.

Nhà cụ lợp bằng tranh, ở giữa một xóm nhà tranh, và cao ráo khoáng đãng, tiền của đồng bào toàn quốc khắp ba kì, tự động đóng góp, chứng tỏ lòng nhiệt thành chiêm ngưỡng của đồng bào sùng bái cụ.

[...]

¹ *Tam Toà, Lục Bộ*: ba toà, sáu bộ. *Tam Toà*: công trình kiến trúc đặc sắc ở Kinh thành Huế trước vốn là Viện cơ mật (Huế), là một cơ quan trong triều đình nhà Nguyễn, thành lập năm 1834 dưới triều Minh Mạng, đặc trách để tham khảo về những vấn đề trọng mật, nhất là về mật quân sự. *Lục Bộ*: (Bộ Lễ, Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Công) sáu cơ quan (bộ) có chức năng giúp vua quản lí toàn diện các lĩnh vực đời sống chính trị, xã hội và kinh tế trong cả nước đương thời, giống các bộ ngành trong Chính phủ ngày nay.

² *Toà Khâm Sứ*: toà Khâm Sứ Trung Kỳ – nằm ở số 32 đường Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Trường Đại học Sư phạm Huế). Toà Khâm Sứ Trung Kỳ (hoàn thành vào tháng 7 năm 1878) là thủ phủ của chế độ thực dân tại Trung Kỳ, chi phối toàn bộ hoạt động của triều đình phong kiến nhà Nguyễn.

Cụ sống cuộc đời thanh bạch và nhàn hạ, chỉ giao du với các bạn đồng chí già, và cũng rất mến bạn trẻ, lao động, trí thức, sinh viên, học sinh ở Huế và khắp Bắc Trung Nam. [...]

Thế hệ thanh niên của Tuấn rất hãnh diện có được một vị thần sống như thế để sùng bái, để thờ. Cho nên, những bạn bè của Tuấn và Tuấn đều triệt để tuân theo những lời giáo huấn của cụ, say mê đọc các thi văn của cụ, coi những bài, những sách của cụ viết ra như những lời châu ngọc.

Đến Huế ngày đầu tiên, Tuấn đến thăm cụ Phan Bội Châu và sau khi đã được chiêm ngưỡng dung nhan của cụ, được vinh dự hầu chuyện trên ba tiếng đồng hồ với cụ, được cụ hỏi han khuyên bảo, Tuấn được hoàn toàn thoải mái. ³

Theo dõi

³ Vì sao Tuấn “hoàn toàn thoải mái” trong ngày đầu tiên đến Huế?

(In trong *Tuấn – chàng trai nước Việt*, Nguyễn Vỹ, NXB Văn học, 2006, tr. 541 – 546)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt nội dung câu chuyện được kể trong văn bản.
2. Theo bạn, câu chuyện này có ý nghĩa như thế nào trong việc thực hiện ý đồ, mục đích viết tác phẩm *Tuấn – chàng trai nước Việt* của Nguyễn Vỹ?
3. Tìm hiểu về cuộc đời, con người của cụ Phan Bội Châu, lưu ý các sự kiện, tư liệu có liên quan trực tiếp đến đoạn trích *Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự*. Từ đó, liệt kê một số sự việc, chi tiết phi hư cấu (thành phần xác định) và hư cấu (thành phần không xác định). Có thể dùng mẫu bảng dưới đây (làm vào vở):

Sự việc, chi tiết	Thành phần xác định (không được hư cấu)	Thành phần không xác định (có thể hư cấu)
Ví dụ: Cụ Phan Bội Châu và việc cụ bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế.	X	
Ví dụ: Cảm nhận của nhân vật Tuấn khi gặp cụ Phan Bội Châu: “Trông cụ không khác nào một vị tiên lão da mặt hồng hào, đang bước thung dung ở dưới bóng cây.”		X
...		

4. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa phi hư cấu với hư cấu trong văn bản.

5. Nhân vật Phan Bội Châu và ngôi nhà của cụ được miêu tả qua ngôi kể nào và điểm nhìn của ai? Ngôi kể và điểm nhìn ấy có ưu thế gì so với việc sử dụng các ngôi kể, điểm nhìn khác?
6. Có thể xem nhân vật Phan Bội Châu và ngôi nhà tranh của cụ ở Bến Ngự được miêu tả trong văn bản là “chúng tích thời đại đầu thế kỉ XX” hay không? Vì sao?
7. Từ việc đọc hiểu đoạn trích, bạn hãy nêu một số lưu ý về cách đọc văn bản thuộc thể loại truyện kí.

Nguyễn Vỹ (1912 – 1971) quê ở làng Tân Hội (sau đổi là Tân Phong, rồi Phổ Phong), thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn Vỹ vừa làm báo vừa sáng tác văn học. Về thơ, ông có tập *Hoang vu* (1962), trong đó có những bài thơ từng gây tiếng vang thời Thơ mới như *Gửi Trương Tửu* và *Sương rơi*. Về văn xuôi, ông đã in một số tiểu thuyết, truyện danh nhân thế giới, truyện viết cho thiếu nhi và một số tập nghiên cứu phê bình văn học. *Tuấn – chàng trai nước Việt* (tập một và tập hai) là một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông.



Nguyễn Vỹ

VĂN BẢN 2

TÔI ĐÃ HỌC TẬP NHƯ THẾ NÀO?¹

(Trích)

M. Go-rơ-ki (M. Gorki)

Tác phẩm có thể tóm tắt như sau: Mỗ côi cha từ nhỏ, mẹ đi lấy chồng, Pê-xcốp (Peshkov) sống với ông bà ngoại. Lên sáu tuổi, Pê-xcốp được ông ngoại bắt đầu dạy cho học chữ, rồi đi học ở trường. Cách dạy học cứng nhắc, đọc đoán của ông ở nhà hay cách dạy nhàm chán và lối cư xử đầy thành kiến của nhiều thầy giáo ở trường khiến cậu bé chán học và thường bày ra nhiều trò nghịch ngợm, tinh quái, “man rợ”. Mười tuổi, mẹ của Pê-xcốp mất, gia cảnh cùng quẫn, cậu bé phải “vào đời”, lăn lộn kiếm sống. Tuy nhiên, Pê-xcốp rất ham đọc sách, chăm chỉ tự học qua sách và sẵn sàng chia sẻ với những người lao động lam lũ khác về những gì đã học được từ những cuốn sách.

✓ Trước khi đọc

Bạn đã học tập như thế nào trong những năm ở Tiểu học? Hãy hồi tưởng và chia sẻ với mọi người một kỉ niệm (vui/ buồn) về việc học tập của bạn trong quãng thời gian đó.

¹ *Tôi đã học tập như thế nào?* do dịch giả Phạm Mạnh Hùng dịch từ bản tiếng Nga, in trong *Tuyển tập truyện ngắn M. Go-rơ-ki*, tập hai. Đây là tác phẩm có sự kết hợp giữa yếu tố truyện (hư cấu) và yếu tố kí (phi hư cấu).

✓ Đọc văn bản

(Lược dẫn: Được ông ngoại dạy đọc từ năm sáu tuổi, cậu bé Pê-xcốp A-lếch-xây (M. Go-ro-ki lúc nhỏ) ban đầu học chữ rất nhanh. Nhưng ông của cậu, vì sự nóng vội, cấu kình và thiếu phương pháp, đã khiến cậu bé sinh ra chán học. Sau đó, cậu được gửi đến học tại một ngôi trường của nhà thờ.)

Tôi đến trường với đôi giày của mẹ, với chiếc áo bành tô nhỏ may lại bằng chiếc áo ngoài của bà, với chiếc áo sơ mi màu vàng và chiếc quần “buông chùng”. Tất cả những cái đó lập tức bị chế nhạo, vì chiếc sơ mi vàng mà tôi có biệt hiệu “thằng tù khổ sai”. Tôi dàn xếp với những thằng bé một cách nhanh chóng, nhưng thầy giáo và cha cố không ưa tôi.

(Lược một đoạn: Pê-xcốp đến lớp thường bị một số ông giáo khó tính không ưa và phân biệt đối xử. Tình trạng này kéo dài khiến cậu bé bị tổn thương nặng nề. Pê-xcốp đã bày ra nhiều trò nghịch ngợm để trả đũa các ông giáo này. Về sau, khi đã lớn khôn và hiểu biết, Pê-xcốp xem đó là những trò “man rợ”, đáng phải hối hận.)

Mặc dù tôi học khá, ít lâu sau, người ta bảo rằng tôi bị đuổi khỏi trường vì hạnh kiểm xấu. Tôi chán nản, điều đó sẽ gây cho tôi những chuyện rầy rà lớn.

Nhưng cứu tinh chợt xuất hiện: Giám mục Cri-xan-phơ (Crixanfo) đột nhiên tới trường.

Ông ta người nhỏ bé, mặc bộ áo đen rộng thùng thình, đến ngồi bên bàn, rút tay ra khỏi ống tay áo và nói:

“Nào, ta nói chuyện với nhau đi, các con!”. Không khí trong lớp lập tức trở nên ấm áp, vui vẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu khác thường.

Ông gọi tôi đến gần bàn, sau khi đã gọi nhiều đứa khác và hỏi một cách nghiêm trang:

– Con lên mấy? Có thể thôi à? Sao dài người thế, chú bé? Hay bêu mưa lắm, phải không? ❶

Ông đặt bàn tay khô gầy, với những móng tay to và nhọn lên bàn, nắm lấy chòm râu thưa, nhìn chăm chăm vào mặt tôi bằng đôi mắt hiền từ, và bảo tôi:

– Nào kể cho ta nghe một đoạn trong thánh sử, con thích đoạn nào?

Khi tôi nói rằng tôi không có sách và tôi không học thánh sử, ông sửa lại chiếc mũ giáo sĩ và hỏi:

– Sao lại thế? Cái đó cần phải học chứ! Nhưng có thể con cũng biết đôi chút chẳng, có nghe nói đến không? Có biết thánh thi không? Thế thì tốt! Cả những bài cầu nguyện nữa à? Đấy, thấy chưa! Lại còn sự tích các thánh nữa à? Bằng thơ à? Chú bé của ta biết nhiều đấy.

Liên hệ

❶ Nếu ở vào tình huống bỗng nhiên được cảm thông, khích lệ như Pê-xcốp, bạn sẽ có cảm xúc giống hay khác với cảm xúc của nhân vật này?

Giáo sĩ của chúng tôi tới, mặt đỏ, thở hổn hển. Giám mục ban phước cho ông ta, nhưng khi ông ta bắt đầu nói về tôi thì giám mục gio tay nói:

– Xin cha một lát... Nào, kể về A-lếch-xây người của Chúa đi.

– Những vần thơ tuyệt diệu phải không, chú bé? Giám mục nói khi tôi dừng lại vì quên một câu thơ nào đó. Còn gì nữa không?... Về vua Đa-vít (David) hả? Ta chú ý nghe đây.

Tôi thấy rằng quả thực ông ta nghe và ông ta thích thơ. Ông ta hỏi tôi một lúc lâu, rồi bỗng ngăn tôi lại, hỏi nhanh:

– Con học theo thánh thi à? Ai dạy? Ông có hiểu không? Ác à? Lẽ nào? Nhưng con nghịch lắm phải không? **2**

Suy luận

2 Các câu hỏi của Đức Giám mục trong cuộc trò chuyện ở đoạn này có được Pê-xcốp đáp lại không? Những căn cứ nào giúp bạn nhận biết điều đó?

Tôi ngập ngừng, nhưng rồi tôi đáp: Vâng. Thầy giáo và giáo sĩ nói rất nhiều để chúng tôi rằng lời thú nhận của tôi là đúng. Giám mục nghe họ, nhìn xuống, rồi thở dài nói:

– Các thầy nói về con thế đấy, con nghe thấy chứ? Nào, lại gần đây!

Giám mục đặt tay lên đầu tôi – bàn tay thoang thoảng mùi hương gỗ bách và hỏi tôi:

– Tại sao con nghịch ngợm?

– Con chán học lắm.

– Chán à? Không hẳn thế đâu, chú bé ạ. Con mà chán học thì con sẽ học kém, nhưng các thầy đều bảo con học khá. Như vậy là ở đây có nguyên nhân gì khác.

Ông ta rút ở trong ngực ra một cuốn vở con, viết:

– Pê-xcốp A-lếch-xây. Nhưng dù sao con cũng bớt nghịch đi nhé, đừng nghịch nhiều quá. Ít thôi thì được, còn nghịch quá thì mọi người bực mình! Ta nói đúng không các con?

Có tiếng lao xao, vui vẻ trả lời:

– Đúng ạ.

– Chính các con cũng nghịch ít ít thôi phải không?

Những thằng bé tùm tùm cười, thốt lên:

– Không. Cũng nghịch nhiều ạ! Nghịch nhiều ạ!

Giám mục ngả người lên lưng ghế, ôm chặt tôi vào lòng, nói với vẻ ngạc nhiên, làm cho cả lớp – ngay cả thầy giáo và cha đạo – cũng phải bật cười:

– Quả có thế, các con ạ, hồi bằng tuổi các con, ta cũng nghịch góm lắm! Vì sao thế, các con nhỉ?

Những đứa trẻ cười, giám mục hỏi chúng, lôi cuốn cả lớp một cách khéo léo, khiến đứa nọ phản đối đứa kia, làm cho không khí mỗi lúc một vui thêm. Cuối cùng, ông đứng lên và nói:

– Ở đây với các con thú lắm, các chú bé nghịch ngợm ạ, nhưng đến lúc ta phải đi rồi!

Ông giơ một tay lên, tay áo tụt tới vai, khoá rộng tay làm dấu và ban phước:

– Nhân danh Cha và Con và Thánh thần, ta ban cho các con mọi sự tấn tới! Tạm biệt.

Tất cả lớp đều thét lên:

– Tạm biệt Đức ông! Mong Đức ông lại tới.

Giám mục gật gật cái mũ cao, nói:

– Ta sẽ đến, thế nào ta cũng đến! Ta sẽ đem sách đến cho các con!

Và khi ra khỏi lớp, ông nói với thầy giáo:

– Cho các trò về đi!

Ông dắt tay tôi ra phòng ngoài và ở đấy, ông cúi xuống gần tôi, khẽ nói:

– Thế con bớt nghịch đi nhé, được không? Ta thì ta hiểu tại sao con nghịch ngợm! Thôi, tạm biệt, chú bé.

Tôi rất xúc động, một tình cảm đặc biệt rộn rục trong ngực tôi, và ngay cả khi thầy giáo đã cho cả lớp về nhưng giữ tôi lại và nói rằng bây giờ tôi phải lặn hơn nước, thấp hơn cỏ thì tôi vui lòng, chăm chú nghe từ đầu đến cuối.

Giáo sĩ vừa mặc áo choàng vừa cất giọng ồm ồm, dịu dàng nói với tôi:

– Từ nay con phải học các giờ của ta! Đúng. Phải học. Nhưng phải ngồi yên. Đúng. Ngồi yên.

[...]

Tôi biết đọc một cách có ý thức năm lên mười bốn tuổi. **3** Trong những năm ấy, tôi đã không chỉ say mê tình tiết của sách – tức là sự phát triển ít nhiều lí thú của những biến cố được đưa ra – mà tôi đã bắt đầu hiểu được vẻ đẹp của những đoạn văn miêu tả, bắt đầu suy nghĩ về tính cách các nhân vật, lờ mờ đoán được mục đích của tác giả cuốn sách và lo ngại cảm thấy sự khác nhau giữa cái mà sách nói đến với cái mà cuộc sống khuyến bảo.

[...]

Theo dõi

3 Việc biết “đọc một cách có ý thức năm lên mười bốn tuổi” có phải là một dấu mốc quan trọng trên bước đường học tập, trưởng thành của Pê-xcốp không? Vì sao?

Phải thương hại con người thật là đau lòng, bao giờ tôi cũng muốn gửi gắm tình yêu sung sướng vào một người nào đó, nhưng chẳng có ai để mà yêu. Tôi càng yêu sách nồng nàn hơn.

Còn có nhiều cái bỉ ổi, tàn bạo, làm tôi chán ghét ghê gớm. Tôi sẽ không nói về điều đó, chính các bạn 4 cũng biết cuộc sống địa ngục ấy, sự nhạo báng không ngớt ấy của người đối với người, niềm say mê bệnh tật ấy, niềm say mê làm khổ nhau, thú khoái lạc của những kẻ nô lệ. Và chính trong hoàn cảnh đáng nguyền rủa như thế, lần đầu tiên tôi bắt đầu đọc sách hay, nghiêm túc của văn học nước ngoài.

Suy luận

4 Cụm từ “các bạn” trong đoạn văn này và đoạn kế tiếp cho thấy người kể chuyện đang hướng đến ai?

Có lẽ tôi sẽ không truyền đạt đủ rõ và đáng tin cậy để các bạn thấy sự ngạc nhiên của tôi lớn lao như thế nào khi tôi cảm thấy hầu như mỗi cuốn sách đều mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ nhìn vào một thế giới mới chưa từng biết, đều kể với tôi về những con người, những tình cảm, ý nghĩ và những quan hệ mà tôi chưa từng biết, chưa từng thấy. Thậm chí, tôi còn có cảm giác rằng cuộc đời xung quanh tôi, tất cả những khắc nghiệt, bất thủ và tàn bạo hằng ngày diễn ra trước mắt tôi đều không phải là cái có thực, đều là thừa. Cái có thực và cần thiết chỉ ở trong sách, ở đó mọi cái đều hợp lý hơn, đẹp hơn, nhân đạo hơn. Trong các cuốn sách cũng có nói về sự thô bạo, về sự ngu xuẩn của người đời, về những nỗi đau khổ của họ, cũng miêu tả những kẻ độc ác và đê tiện, nhưng bên cạnh có những người khác, những người mà tôi chưa từng thấy, thậm chí chưa từng nghe nói đến: những người chính trực, cương nghị, chân thật, lập nên chiến công đẹp đẽ, dù có phải hi sinh tính mạng.

Thời gian đầu, say sưa vì cái mới và vì giá trị tinh thần lớn lao của cái thế giới mà sách đã mở ra trước mắt tôi, tôi bắt đầu coi sách tốt đẹp hơn, lí thú hơn, gần gũi hơn với mọi người, và dường như hơi bị quá lo, tôi nhìn cuộc đời thực qua sách. Nhưng cuộc sống khôn ngoan, khắc nghiệt đã quan tâm chữa cho tôi cái bệnh mù để chịu ấy.

[...]

Tôi càng đọc nhiều thì sách càng làm cho tôi gần bó với thế giới, cuộc đời cũng đối với tôi càng trở nên rục rỏ có ý nghĩa. Tôi thấy rằng có những người sống khổ cực hơn, khó khăn hơn tôi, điều đó an ủi tôi phần nào, tuy vẫn không làm tôi thỏa hiệp với cái hiện thực ô nhục. Tôi cũng thấy rằng có những người không biết sống một cách vui thú và sung sướng mà không một người nào xung quanh tôi biết sống như thế. Và hầu như trong mỗi quyển sách đều có cái gì đáng lo ngại, như một tiếng chuông nhẹ nhàng thôi cuốn tôi đi, đi tìm cái chưa biết, cái làm tôi xúc động tâm tình. Mọi người đều không bằng lòng với cuộc sống, đều tìm kiếm một cái gì tốt đẹp hơn, và họ trở nên gần gũi hơn, dễ hiểu hơn. Sách làm cho khắp Trái Đất, khắp thế giới

trần ngập nỗi buồn nhớ cái tốt đẹp hơn, và mỗi cuốn sách dường như đều là tâm hồn được ghi lại trên giấy bằng những dấu hiệu và những từ, những dấu hiệu và những từ ấy lập tức trở nên sống động, hể hắt tôi, trí tuệ tôi tiếp xúc với chúng.

Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách, sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao. Là một thằng bé bị công việc ngu độn làm cho kiệt sức, luôn luôn phải hứng lấy những lời chửi mắng đả độn, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp đỡ mọi người, hết lòng phục vụ họ.

Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lí hơn và ngày càng ít để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ đưa tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thêm khát cuộc sống ấy. [...] **5**

Suy luận

5 Trong đoạn này, Pê-xcốp đang nói đến phần “con thú”, phần “con người” vốn có của ai và với mục đích gì?

1918

(In trong *Tuyển tập truyện ngắn M. Go-rơ-ki*, tập hai, NXB Đà Nẵng, 2001, tr. 346 – 363)

✓ Sau khi đọc

1. Tóm tắt nội dung của văn bản.
 2. Sự xuất hiện của Đức Giám mục và cuộc trò chuyện giữa ngài với Pê-xcốp cùng các học sinh trong lớp đã có tác động như thế nào đến Pê-xcốp? Bạn có nhận xét gì về cách tác giả thuật lại cuộc trò chuyện này?
 3. Bạn hiểu thế nào về phần “thú”, phần “người” và cuộc tranh đấu giữa hai phần này trong quan niệm của Pê-xcốp? Cách sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong văn bản đã có tác dụng gì trong việc thể hiện cuộc đấu tranh ấy?
 4. Chỉ ra một số điểm khác nhau về nội dung và hình thức nghệ thuật giữa hai phần văn bản trước và sau câu “Tôi biết đọc một cách có ý thức năm lên mười bốn tuổi”. Những khác biệt như vậy có làm mất đi sự thống nhất trong tính chỉnh thể của tác phẩm không? Vì sao?
 5. Phân tích một số chi tiết trong văn bản cho thấy nhận thức của tác giả tại thời điểm viết tác phẩm và nhận thức của nhân vật chính trong quá khứ có những điểm khác biệt. Giải thích lí do của sự khác biệt ấy.
 6. Phân tích một số chi tiết để làm rõ ý nghĩa của những trải nghiệm thực tế đời sống và tầm quan trọng của việc tự học qua sách đối với nhân vật Pê-xcốp.
- ✱ **Bài tập sáng tạo:** Hãy viết về một cuốn sách hoặc một tác phẩm nghệ thuật góp phần thay đổi suy nghĩ của bạn trong đoạn văn khoảng 200 chữ.

M. Go-rơ-ki (1868 – 1936) là nhà văn Nga, nhà hoạt động văn hoá – xã hội lỗi lạc, họ tên thật là A-lếch-xây Mác-xim-mô-vích Pê-xcốp (Aleksey Maximovich Peshkov). M. Go-rơ-ki sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo, từng trải qua một thời ấu thơ nhiều cay đắng, tủi nhục. Mười tuổi, Pê-xcốp đã mồ côi cả cha và mẹ, phải sống với ông bà ngoại; khi cảnh nhà sa sút, ông phải bỏ học, tự lực kiếm sống bằng nhiều nghề. Tuy hoàn cảnh sống chật vật, gian khổ nhưng ông rất ham đọc sách, đặc biệt là sách văn học. Những trải nghiệm sâu sắc trong đời sống và qua những trang sách đã góp phần giúp ông vươn lên thành một nhà văn lớn. Sáng tác của ông rất đa dạng với nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, kịch, văn chính luận, lí luận, phê bình văn học,... Thể loại nào ông cũng có những đóng góp quan trọng. *Thời thơ ấu* (1913 – 1914), *Kiểm sống* (1915 – 1916), *Tôi đã học tập như thế nào?* (1917), *Những trường đại học của tôi* (1923) đều là những tác phẩm nổi tiếng của ông.



M. Go-rơ-ki

(<https://www.antv.gov.vn/tin-tuc/van-hoa/maxim-gorky-con-nguoi-cua-huyen-thoai-227407.html>)

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM

NHỚ CON SÔNG QUÊ HƯƠNG

(Trích)

Tế Hanh



Sông Trà Khúc, Quảng Ngãi – con sông quê hương của Tế Hanh. Ảnh: báo Quảng Ngãi
(http://baoquangngai.vn/channel/2103/201511/net-dep-song-tra-2640471/?gidzl=qhfbU0M2vI_Sh6Ls2PtWBTolO7GJpB0go_HYVKp3v2B8z3Hv7vAzSytsFdXApjekcFTgT37X0B5l0OBW9m)

Quê hương tôi có con sông xanh biếc
Nước gương trong soi tóc những hàng tre
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè
Toả nắng xuống lòng sông lấp loáng
Chẳng biết nước có giữ ngày, giữ tháng
Giữ bao nhiêu kỉ niệm giữa dòng trôi?
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi!
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ
Sông của quê hương, sông của tuổi trẻ
Sông của miền Nam nước Việt thân yêu
Khi bờ tre ríu rít tiếng chim kêu
Khi mặt nước chập chờn con cá nhảy
Bạn bè tôi tụm năm tụm bảy
Bầy chim non bơi lội trên sông
Tôi giờ tay ôm nước vào lòng
Sông mở nước ôm tôi vào dạ
Chúng tôi lớn lên mỗi người mỗi ngả
Kẻ sớm khuya chài lưới bên sông
Kẻ cuốc cày mưa nắng ngoài đồng
Tôi cầm súng xa nhà đi kháng chiến
Nhưng lòng tôi như mưa nguồn, gió biển
Vẫn trở về lưu luyến bên sông
[...]

1956

(In trong *Thơ miền Trung thế kỉ XX*, NXB Đà Nẵng, 1995, tr. 204 – 205)

✓ Sau khi đọc

1. Xác định chủ thể trữ tình và tình cảm, cảm xúc được tác giả thể hiện trong đoạn thơ trên.
2. Bạn có cảm nhận thế nào về hình ảnh con sông quê hương trong đoạn thơ?
3. Nêu tác dụng của yếu tố tự sự được sử dụng trong đoạn thơ.
4. Theo bạn, kí ức tuổi thơ có vai trò như thế nào trong việc nuôi dưỡng tình yêu quê hương của mỗi người?

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Xác định lỗi thành phần câu trong các trường hợp sau và nêu cách sửa:
 - a. Qua văn bản “Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự” cho thấy ngay cả khi bị thực dân Pháp giam lỏng ở Huế, cụ Phan Bội Châu vẫn luôn được thanh niên học sinh và các tầng lớp nhân dân ta rất mực yêu mến và ngưỡng mộ.
 - b. Lòng tin của cụ Phan Bội Châu vào lớp thanh niên học sinh như Tuấn, Quỳnh sẽ tiếp bước các chí sĩ ái quốc như cụ.
 - c. Bằng tình cảm yêu nước, khát vọng duy tân và sự bền bỉ tranh đấu cho mục tiêu dân tộc tự cường của cụ Phan Bội Châu đã trở thành tấm gương cao đẹp cho đồng bào khắp ba miền Bắc Trung Nam và thế hệ thanh niên học sinh đương thời noi theo.
2. Cho biết các câu sau mắc lỗi gì và nêu cách sửa (chú ý đối chiếu với các thông tin trong văn bản 1 và 2):
 - a. Vào đầu thập niên 70 thế kỉ trước, ở Bến Ngự, Nguyễn Vũ đã viết tác phẩm “Tuấn – chàng trai nước Việt”, trong đó có thuật lại việc nhân vật Tuấn và Quỳnh đến thăm ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu.
 - b. Trong khoảng 45 năm đầu thế kỉ XX, “Tuấn – chàng trai nước Việt”, một tác phẩm văn xuôi tự sự cỡ lớn, đã ghi lại những “chứng tích thời đại”.
 - c. Theo gợi ý của V. Lê-nin, một số tài liệu cho rằng M. Go-rơ-ki đã viết các tác phẩm tự truyện về cuộc đời ông khoảng từ năm 1913 đến năm 1923, trong đó có “Thời thơ ấu”, “Kiếm sống”, “Tôi đã học tập như thế nào?”,...

Từ đọc đến viết

Từ việc đọc các văn bản truyện, truyện kí trên đây, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về tầm quan trọng của kí ức trong đời sống tinh thần của mỗi người. Sau đó, trao đổi với bạn học cùng nhóm và sửa lỗi thành phần câu trong đoạn văn (nếu có).

XÀ BÔNG “CON VỊT”¹

(Trích)

Trần Bảo Định

Một

(Lược dẫn: Giữa lúc báo chí đưa tin dân chúng ở Huế nổi dậy chống thuế nhen lên một phong trào yêu nước, tiếng vang lan rộng vào Nam, một người bạn đến nhà Cai Tuất² với lời nhắn nhủ của Tổng lí Trần Chánh Chiêu (Giu-béc (Gilbert) Chiêu)³, lãnh tụ của phong trào Minh Tân Nam Bộ.)

Cai Tuất trở lại thư thái điềm tĩnh.

– Nầy qua hỏi thiệt, chú em quá bước sang đây chơi hay muốn qua gả chó⁴ giữ nhà?

Cả vùng Sầm Giang⁵ mấy ai không bái phục tài lựa chọn chó tốt của Cai Tuất. Vả lại ông ta chẳng những không giấu nghề mà còn phổ biến cho xóm giềng cùng biết. Thường thì ông nhắc nếu chọn chó khôn cần lưu ý: “Mắt to, phía trên chum⁶ mày điểm sậm màu hơn lông (còn gọi là chó bốn mắt), tai vĩnh thẳng, lưỡi có bớt đen, “móng đeo” bốn chum trước sau...”. Lúc “trà dư tửu hậu”⁷ Cai Tuất cao hứng đọc thiệu: “Đổm đầu thì nuôi, đổm đuôi thì thịt. Bỏ đuôi bên trái thì nuôi, bỏ đuôi bên phải thì thịt...”. Nói vậy chó chẳng ai can đởm⁸ ăn thịt chó, con vật mang biểu tượng trung thành với chủ; và cả thịt trâu, con vật mang biểu tượng bạn nhà nông.

Rồi ông hãnh diện về con chó mực nhà ông mà ông thích gọi “hắc cẩu”, bởi toàn thân nó phủ một màu đen tuyền; dân gian truyền tụng chó mực mắt thấy được ma quái và ma quái cũng chỉ khiếp sợ loại chó mực.

¹ Sử dụng tài liệu báo *Lục Tỉnh tân văn* (báo do Trần Nhật Thăng – một trong những bút danh của ông Trần Chánh Chiêu – chủ bút từ ngày 15/11/1907 đến ngày 29/10/1908, phát hành được năm mươi số thì đình bản). Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

² *Cai Tuất*: *cai*: chức thấp nhất trong quân đội thời phong kiến, thực dân. *Cai Tuất*: cách gọi tên gắn với chức vụ của nhân vật.

³ Trần Chánh Chiêu (1867 – 1919), sinh tại làng Vân Tập (Vĩnh Thanh Vân), tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). Ông xuất thân đại điền chủ, quốc tịch Pháp, thường gọi Giu-béc Chiêu hoặc Phủ Chiêu (hàm Tri phủ). Ông là nhà trí thức yêu nước, nhà doanh nghiệp dân tộc, nhà văn, nhà báo, nhà cải cách; đồng thời là Chủ soái phong trào Minh Tân (Minh Đức Tân Dân) ở Mỹ Tho. Ngày 29/10/1908, tại Sài Gòn, thực dân Pháp bắt Trần Chánh Chiêu cùng chín mươi mốt người khác, rồi di lí tất cả về Mỹ Tho; sau đó tiến hành khám xét và tịch thu, đánh phá các cơ sở trực thuộc Nam Kỳ Minh Tân. Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

⁴ *Gả chó*: (nói tránh) bán chó.

⁵ *Sầm Giang*: tức Rạch Gầm, một chi lưu của sông Tiền, đoạn gần thành phố Mỹ Tho. Sầm Giang cũng là tên một quận trước năm 1975 (quận này ban đầu có tên là Long Định).

⁶ *Chum*: chân.

⁷ *Trà dư tửu hậu*: sau cuộc trà, cuộc rượu.

⁸ *Can đởm*: can đảm.

– Thưa thầy Cai! Tui tới gặp thầy Cai là mần¹ theo ý của ông Giu-béc Chiếu.

Để khỏi mất thì giờ, điền chủ Dương nói luôn:

– Giu-béc Chiếu nhờ tui nhắc lại với thầy cai câu ca dao ở xứ mình: “Tham chi đồng bạc con cò²/Bỏ cha, bỏ mẹ theo phò Lang Sa³”! **1**

Theo dõi

1 Ông Trần Chánh Chiếu muốn gián tiếp nhắc nhủ điều gì với Cai Tuất?

Cai Tuất chung hứng và câu chuyện về chó đang hồi cao trào cũng bị xẹp lép. Giu-béc Chiếu, một cái tên mà từ lâu ông hằng ngưỡng mộ và thời gian gần đây, trong giới trí thức, điền chủ, hương chức,... râm ran bàn luận và tham gia phong trào Minh Tân⁴ ngày càng đông ngay trên đất Mỹ Tho, vốn là thủ phủ thương mại của Hoa kiều với cái tên “Đại phố Mỹ Tho” từ Dương Ngạn Địch. Một việc làm hi hữu và táo bạo kể từ khi Nam Kỳ thuộc Pháp.

Hai

(Lược dẫn: Sau khi trả chức cho quận trưởng, hưởng ứng tinh thần thực nghiệp tự cường của Tổng lý Trần Chánh Chiếu và tinh thần “Người Việt xài hàng Việt”, Cai Tuất dự định cùng với em vợ là ông Lê Văn Cửu và một số nhân sĩ trí thức trong vùng hùn vốn vào “Nam Kỳ Minh Tân công nghệ”⁵, xây dựng cơ sở sản xuất xà bông hiệu “Con Vịt”. Vợ ông ban đầu tỏ ra ngờ vực ý nguyện của ông, sau đó, bà cũng đồng tình giúp sức.)

– Ông ơi! Vô ăn cơm. Chiều rồi đó!

– Bà ăn trước đi, tui chưa thấy đói!

Biết ông hờn mát bà từ cái bữa bàn chuyện nhập hội làm xà bông “Con Vịt” tới nay, nhưng bà mần bộ lảng coi như không biết. Chớ thiệt bụng bà muốn ông sớm bỏ nghề nuôi chó, gả chó cho người. Mình không ăn thịt chó, người ta ăn thì sao? Thất đức chết! Bà thường nghĩ: “Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh”. Bà vốn người làng Lương Hoà Lạc, có ngôi chợ nằm cạnh dòng sông Bảo Định⁶ hiền hoà. Ông nội và bên nội của bà từng theo Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân chống Tây hơn ba mươi năm về trước. Cậu Út của bà, ông Lê Văn Cửu, một trong số tám người gốc

¹ *Mần*: (phương ngữ) làm, ở đây là thực hiện.

² *Đồng bạc con cò* (còn gọi *điếu ngân*): mặt trước có hình chim, mặt sau có hình chiếc nón toả hào quang, nhìn chẳng khác gì bông hoa đang xoè. Chủ thích của tác giả Trần Bảo Định.

³ *Lang Sa* (từ phiên âm *France*): nước Pháp, ở đây chỉ thực dân Pháp.

⁴ *Minh Tân*: *minh*: sáng; *tân*: mới. *Minh Tân*: phong trào yêu nước ở Nam Bộ, kết nối hai phong trào Đông Du và Duy Tân chủ trương cải cách, canh tân đất nước, mục đích cuối cùng là đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

⁵ Trần Chánh Chiếu thành lập Công ty Cổ phần “Nam Kỳ Minh Tân công nghệ”, trụ sở đặt tại Minh Tân khách sạn (Mỹ Tho), có điều lệ, có vốn cố định 1 000 đồng Đông Dương (tương đương 25 000 franc, theo thời giá năm 1908). Chủ thích của tác giả Trần Bảo Định.

⁶ *Sông Bảo Định*: thường gọi là kênh Vưng Gù, là con sông nối liền rạch Vưng Gù với rạch Mỹ Tho, thuộc tỉnh Tiền Giang.

gác dân Mỹ Tho, là sáng lập viên Công ty Cổ phần “Nam Kỳ Minh Tân công nghệ”¹. Hơn nữa, ông Huỳnh Đình Điển, chủ khách sạn Nam Kỳ² chẳng tiếc gì của cải, dám giao khách sạn cho ông Trần Chánh Chiêu mượn làm trụ sở Minh Tân, thì hỏi sao bà không tin, không tham gia. Bà chần chừ bởi hiểu rằng: “Minh Tân là phong trào yêu nước, kết nối giữa phong trào Đông Du và phong trào Duy Tân. Mục đích cuối cùng là đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc”.

Chẳng biết ông nhà có cái gan mần việc lớn hay không? Có khi phải đem cái mạng mà đền nợ nước! Hay ông chỉ chí thú mần ăn hoặc do hứng khởi nhứt thời vì ham mần ra tiền. Với bà việc này là việc hệ trọng không vì tiền bạc mà vì tấm lòng nghĩ tới nước, tới dân hiện đang sống trong tủ nhục mất nước.

– Thì ông vô ăn cơm cùng tui đi cái đã! Rồi tui nói chuyện này hay lắm cho ông nghe! **2**

Theo dõi

2 Nhân vật, sự việc được nói đến ở đây (ông Lê Văn Cửu, Huỳnh Đình Điển, khách sạn Nam Kỳ, Công ty Cổ phần “Nam Kỳ Minh Tân công nghệ”...) có phải người thực, việc thực không?

Ba

Cai Tuất cặm cùi dân “Bố cáo³ di dời mồ mả” trên sở đất mà công ty đã mua để xây dựng cơ sở sản xuất xà bông hiệu “Con Vịt”⁴. Với tinh thần “Người Việt xài hàng Việt”⁵ nên những thân nhân có mồ mả đang nằm trên sở đất của công ty đã cấp tập di dời. Hạn di dời mồ mả ba tháng, nhưng chưa tới một tháng công ty đã có thể xây dựng lò sản xuất xà bông. Vợ Cai Tuất, vợ điền chủ Dương trực tiếp đứng ra thu mua dừa khô từ nhiều nơi đổ về giao mối. Nhiều nhứt và chất lượng dầu dừa tốt nhứt vẫn là trái dừa xiêm khô Bến Tre có vỏ màu nâu sậm, cầm trái dừa cảm giác chắc tay. Trên bến dưới thuyền, bầu không khí vui như hội, chẳng những đối với người trong công ty mà còn cả với người xung quanh.

¹ Tám người này gồm: Trần Văn Bình, Lê Văn Cửu (Lương Hoà Lạc, Chợ Gạo), Trần Quan Xuân (Bình Cách, Chợ Gạo), Đinh Văn An (Bình Hải, Chợ Gạo), Nguyễn Tử Thức (Đồng Sơn, Gò Công), Lê Văn Chúc (Bình Thạnh Đông, Gò Công), Lê Văn Thiển (Kim Sơn, Châu Thành), Huỳnh Đình Điển (Gò Công). Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

² Khách sạn Nam Kỳ (Minh Tân khách sạn): đối diện ga xe lửa và bến tàu Lục tỉnh (Vườn hoa Lạc Hồng, nay là công viên Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân). Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

³ Bố cáo: truyền rộng ra cho ai nấy đều biết. Ở đây chỉ việc Cai Tuất niêm yết thông báo về việc di dời mồ mả để thành lập Công ty Xà bông “Con Vịt”.

⁴ Sở đất nằm ngang rạp hát Tư Lài, gần cầu sắt Mỹ Tho. Nội dung “Bố cáo di dời mồ mả” được đăng tải trên báo *Lục Tỉnh tân văn*, số ra ngày 23/7/1908. Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

⁵ Trương Văn Bến (1883 – 1956): sinh tại Chợ Lớn và mất ở Pa-ri (Paris). Năm 1898, Trương Văn Bến thi đậu Cao đẳng Tiểu học (Bré-vé Ê-lê-măng-te (Brevet Élémentaire)), kì thi đầu tiên do chính quyền thuộc địa tổ chức và sau đó, ông được bổ nhiệm Kí lục. Năm 1901, Trương Văn Bến nghỉ việc làm công chức. Ông là doanh thương bản xứ đầu tiên kêu gọi đồng bào hãy dùng hàng nội địa: *Người Việt Nam nên xài hàng Việt Nam* (Les gens devraient utiliser du savon de Việt Nam). Khi xà bông “Con Rổng” do Công ty Annam Háo Vĩnh sản xuất thất bại vì kém chất lượng, mẫu mã thiếu hấp dẫn, giá thành cao và còn nhiều nguyên nhân khác, Trương Văn Bến thành lập “Công ty Trương Văn Bến và các con”, sản xuất xà bông hiệu “Cô Ba” (Trần Bảo Định chủ thích trong một truyện kí có nhan đề *Xà bông “Cô Ba”*).

– Chào thầy Cai tổng!

– Giờ này còn thầy với bà gì nữa chú em! Cai với tổng cái con khi!

Cả hai cùng cười vang, rung khói lò nấu dầu dừa.

Diễn chủ Dương neo ghe, nhảy lên bờ ôm vai Cai Tuất. Mực “gâu, gâu...” mấy tiếng, chồm lên chum mừng người quen.

– Sao? Từ ngày chú em vô “Minh Tân túc mễ tổng cuộc”¹, đi buôn lúa gạo có khá hơn đi thu thuế ruộng tá điền không?

Cai Tuất hỏi thăm người anh em cùng tổng hồi trước.

Diễn chủ Dương giờ đã là chủ nhà máy xay sát gạo lớn bậc nhất ở Long Hưng², sau khi bán hết ruộng vườn cho Trần Bá Thọ³. Chủ nhà máy Dương cười sảng khoái.

– Giờ nghe ai gọi chủ nhà máy, tui vừa sướng vừa đã hơn nghe ai kêu điền chủ!

Chủ nhà máy Dương tâm tư:

– Suy cho cùng, mần chủ nhà máy còn làm ra sản phẩm. Mần địa chủ chỉ quen thói đề đầu, bóp họng tá điền nhả tiền ra chớ xã hội chẳng có được thêm vật chất, của cải. Một thằng làm giàu trăm họ điều đúng, tạo nên sự bất công, nổi phẫn uất!

Rồi chủ nhà máy Dương kết luận:

– Chủ nhà máy giàu thì xã hội có thêm sản phẩm. Còn điền chủ giàu thì xã hội chỉ có thêm tá điền⁴ đói khát!

Cả hai nhâm nhi men rượu nghĩa tình, mừng cuộc hội ngộ cùng đi chung con đường canh tân đất nước. Sống trên đất của mình, há lẽ chịu bó tay lệ thuộc vào hàng hoá của tư bản Pháp và của đám Thanh thương!⁵ Chứng minh điều suy nghĩ của mình, chủ nhà máy Dương bước lên đò ghè trở xuống ghè lấy tờ nhật trình⁶, đặt cho Cai Tuất coi cái tin “Nam Kỳ thương cuộc” do ông Trần Văn Thanh ở Chợ Gạo thành lập: “... lập sở nhà máy xay lúa, lập hãng ăn lúa gạo (để trực tiếp xuất khẩu) hoặc là lựa con dân đứa nào thông thái thì cho nó qua bên Tây học bác vật⁷...” (*Lục Tinh tân văn*).

Mấy dòng ngắn ngủn của bản tin đủ sức củng cố niềm tin xán lạn hàng hoá Việt; trong đó có sản phẩm xà bông hiệu “Con Vịt”.

¹ *Minh Tân túc mễ tổng cuộc*: một tổ chức buôn lúa gạo cũng nằm trong cuộc vận động Minh Tân.

² *Long Hưng*: tên một xã thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

³ *Trần Bá Thọ*: con trai duy nhất của Trần Bá Lộc, có hai người chú là Trần Bá Tường – Chủ quận Long Xuyên và Trần Bá Hựu – Chủ quận Long Thành. Trần Bá Thọ là cha vợ của Trương Vĩnh Tống, con trai út Trương Vĩnh Ký. Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

⁴ *Tá điền*: người nông dân làm ruộng thuê, nộp tô cho địa chủ trong quan hệ với địa chủ.

⁵ *Thanh thương*: thương gia Hoa kiều (có lúc gọi là *thanh khách*). Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

⁶ *Nhật trình (nhật trình)*: báo ra hằng ngày.

⁷ *Bác vật*: kỹ sư.

Bóng chiều khuất tầm rặng mù u. Chủ nhà máy Dương kiếu từ Cai Tuất để kíp con nước sang thăm vợ đang ở chành thu mua dừa khô nơi bến Tầm Ngựa. Trước lúc xuống ghe, chủ nhà máy Dương kể tai Cai Tuất nói nhỏ:

– Minh Tân hội vừa có thêm thành viên mới!

– Vậy là quá tốt! Thêm người thêm sức mạnh. Nhưng mà ai đó chú em?

Cai Tuất sững sốt gần như hốt hoảng khi nghe chủ nhà máy Dương trả lời.

– Chết! Chết! Sao lại là Trần Bá Thọ!?

Gió sông Tiền hiu hiu ru chiều Mỹ Tho sụp mí¹ tối!

Mẻ xà bông hiệu “Con Vịt” đầu tiên ra lò. Cai Tuất và toàn bộ anh chị em công nhân mừng chảy nước mắt. Mùi xà bông thoang thoảng hương dầu dừa thơm tình quê. Trong tâm trí Cai Tuất, muông tượng đàn vịt đang chạy đồng rộng bao la trên vùng đất Nam Kỳ. Tự nhiên Cai Tuất cười một mình như người nằm mơ vừa bắt được giấc mơ.

Hôm hội nghị cổ đông, Tổng lí Trần Chánh Chiêu giới thiệu Cai Tuất với mọi người: “Nguyễn Văn Tuất tự Cai Tuất, người bỏ cai rồi tổng đi vào sản xuất ích nước lợi nhà, người buôngh nghề nuôi chó, gả chó để nắm lấy kĩ thuật và làm ra xà bông cho người mình có cái mà xài, giảm bớt sự lệ thuộc sản phẩm ngoại lai”. Cai Tuất chẳng còn nhớ hôm đó ông nói cái gì, chỉ nhớ là ông có hứa: “Cố gắng cùng anh chị em công nhân làm hết sức mình và sống chết bám hăng xà bông hiệu “Con Vịt”, vì sự phát triển của Nam Kỳ, vì sự tồn vong của đất nước. Ông nhớ trước lúc hội nghị sắp bế mạc, Tổng lí sai ông đem xà bông hiệu “Con Vịt” tặng mỗi đại biểu bốn cục xà bông về xài thử và có điều gì cần góp ý, nhắc nhở, thì trực tiếp với hăng.

Ai nấy cùng nghĩ: “Vạn sự khởi đầu nan”, nhưng với lòng tự trọng, tính cần cù, sự chung tay... “Con Vịt”, hình ảnh thân quen của quê nhà sẽ được người mình giang tay đón nhận, dù buổi đầu chất lượng có kém đôi chút so với người đi chẳng nữa².

Giữa lúc mọi người đón tin vui: “... Từ ngày có sa-von (savon)³ Minh Tân ló ra bán giá rẻ, thì sa-von của Khách (Hoa kiều) cũng hạ giá theo, nên nay công ty hạ giá bán cho các đại lí hơn, hoặc ai mua từ 100 ki-lô (kilos) sắp lên cũng nhờ được”⁴, thì điểm dữ bắt đầu manh nha bởi tên Trần Bá Thọ làm chỉ điểm cho thực dân Pháp. Rồi chỉ ít lâu sau, tên Chủ tỉnh Mỹ Tho phát lệnh từ toà B⁵ đàn áp, bắt bớ và tịch thu các cơ sở của Minh Tân.

¹ *Sụp mí*: ý nói bóng tối đã bao phủ.

² *Lục Tỉnh tân văn*, số ra ngày 10/9/1908 đăng quảng cáo (trên hai trang khổ lớn) về xà bông hiệu “Con Vịt”. Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

³ *Sa-von*: xà bông, xà phòng.

⁴ *Lục Tỉnh tân văn*, số ra ngày 22/10/1908.

⁵ Năm 1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi chức Tham biện thành Chủ tỉnh (Chef de la Province hay Chef-Province), toà Tham biện thành toà B⁵. Chú thích của tác giả Trần Bảo Định.

Tư

Còn năm tiếng đồng hồ nữa là hết hạn giao hăng xưởng sản xuất xà bông hiệu “Con Vịt” cho chánh quyền sở tại theo “tối hậu thư”¹ của tên Chủ tỉnh Mỹ Tho. Cai Tuất điềm tỉnh, cho công nhân chất dầu xung quanh hăng như một chiến lũy và ra lệnh phá máy móc, huỷ các lò; đồng thời cho công nhân mang lấy tất cả thành phẩm xà bông, nhanh chồm rời khỏi nhà xưởng. Một số công nhân bịn rịn, tỏ ý muốn ở lại hăng cùng ông. Ông nghiêm cấm!

Mực không sữa, lặng lẽ chạy theo anh chị em công nhân ra tới tận cổng rào. Rồi điềm nhiên quay vô nằm cạnh chum của chủ. Cai Tuất cúi xuống, ôm nó vào lòng và thì thầm điều chi đó. Nó bật vùng dậy, bốn cẳng đứng thẳng thớm, ngửa mặt nhìn trời và nghech cái mõm tru lên tiếng tru kéo dài nghe ròn rợn da mọc gai. Cai Tuất hiểu rằng Mực từ chối xa ông.

Ngồi uống rượu một mình giữa không gian bình yên chờ đợi bão tố. Tấm phù điêu hình “Con Vịt” treo trên tường, thỉnh thoảng chao động không biết vì gió hay vì chia sẻ sự kiện định ở lại của ông, của con Mực (!?). Tự nhiên ông thêm nghe tiếng vịt gọi đàn, thêm nghe tiếng vịt kêu chiều nhớ nhà, nhớ chốn. Ông hiểu tấm lòng của bà đối với ông, ngày đó bà chần chừ quyết định vô hội Minh Tân, vì bà sợ những năm tháng làm Cai tổng và dù ông đã tự lột trả lại cái chức Cai tổng cho Chủ quận Cai Lập, nhưng có chắc gì tâm hồn ông còn được sáng trong! Giờ thì ở một nơi ẩn náu nào đó, hẳn nhiên bà thấu hiểu bụng dạ của chồng: “Nhút định không để thua chó đối với chủ”. Và trong cái thời gian đếm từng phút này, ông muốn nói với người vợ hiền: “Tui thà làm con chó, dù phải chết cũng không làm con má. Bởi con chó không ăn thịt đồng loại, còn con má thì ăn chẳng từ thứ nào! Hồi năm², thằng Chủ quận Cai Lập chửi tui “Đồ chó má!”, cũng có nghĩa là tui chó nó má”. Ông chợt phì cười do ý nghĩ vừa thoáng qua.

Chén rượu cuối cùng ông vừa uống cạn, chưa kịp quơ tay chùi mép thì ngoài cổng hăng lao xao tiếng chum người.

– Cai Tuất! Nghe đây...

Chẳng chờ tiếng loa phát trọn lời, Cai Tuất thản nhiên bước ra mở cổng. Khi đoàn người lọt vô căn phòng treo phù điêu “Con Vịt”, ông lạnh lùng châm lửa đốt những thùng dầu bao quanh thành chiến lũy! Rừng lửa trùm mất hút bọn thực dân Pháp và lũ tay sai. [...] Và người ta nghe rất rõ, con Mực tru tiếng tru vĩnh biệt “Con Vịt” trong thời khắc sinh tử.

Tùng làn khói trắng nương gió kết tụ thành mây, trôi lang thang trên nền trời xanh thăm quê nhà!

(In trong *Dấu thời gian khát vọng của người xưa*,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2022, tr. 81 – 96)

¹ *Tối hậu thư*: văn bản nêu ra những điều kiện buộc đối phương phải chấp nhận, nếu không sẽ dùng biện pháp quyết liệt.

² *Hồi năm*: hồi năm ấy, hồi ấy, đã lâu.

Hướng dẫn đọc

1. Tóm tắt câu chuyện và xác định đề tài, chủ đề của văn bản trên.
2. Kẻ mẫu bảng dưới đây vào vở và liệt kê một số nội dung, chi tiết thuộc loại yếu tố xác định (phi hư cấu) hoặc yếu tố không xác định (có thể hư cấu) được sử dụng trong các đoạn của văn bản:

Đoạn	Nội dung, chi tiết	Yếu tố xác định (phi hư cấu)	Yếu tố không xác định (có thể hư cấu)
Một			
Hai			
Ba			
Tư			

3. Phân tích tính cách của Cai Tuất, cho biết sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu đã có tác dụng thế nào trong việc thể hiện tính cách của nhân vật này.
4. Bình luận về cách lựa chọn hành động của Cai Tuất ở cuối văn bản. Tác phẩm giúp bạn hiểu thêm điều gì về ý thức và khát vọng tự cường dân tộc của doanh nhân Việt Nam vào đầu thế kỉ XX?
5. Những dấu hiệu nào giúp bạn nhận biết văn bản *Xà bông “Con Vịt”* thuộc thể loại truyện kí?



VIẾT

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH (VỀ MỘT ĐỐI TƯỢNG) CÓ LÔNG GHÉP MỘT HAY NHIỀU YẾU TỐ NHƯ MIÊU TẢ, TỰ SỰ, BIỂU CẢM, NGHỊ LUẬN

Tri thức về kiểu bài

Kiểu bài: *Thuyết minh về một đối tượng có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận* là kiểu bài sử dụng kết hợp nhiều yếu tố, phương tiện để miêu tả, giải thích làm rõ đặc điểm của một đối tượng, giúp người đọc hiểu rõ đối tượng ấy.

Yêu cầu đối với kiểu bài:

Xem mục này ở Bài 1. *Thông điệp từ thiên nhiên* (Ngữ văn 11, tập một).

“Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh”: những thước phim đánh thức kí ức tuổi thơ và tình quê hương

Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh là bộ phim do Vích-to Vũ (Victor Vũ) đạo diễn, dựa trên tác phẩm cùng tên của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Phim được sản xuất năm 2015, công chiếu từ ngày 01 tháng 10 trong năm. Bộ phim đã mang lại tiếng vang lớn và được đông đảo công chúng trong và ngoài nước yêu mến.^[1]

Chuyện phim tập trung kể về cuộc sống thường ngày với những mối quan hệ anh em, tình bạn, tình quê hương, tình yêu tuổi học trò,... đồng thời tô đậm những rung động trong trẻo của ba nhân vật: Thiều, Tường và cô bạn nữ tên Mận.^[2a]

Tường là cậu bé hiền lành, dễ thương, sống cùng bố mẹ và Thiều, người anh trai ở một vùng quê miền Trung nghèo, bình yên, vào thập niên 80. Tường thích đọc sách, yêu truyện cổ tích, quý loài vật. Cậu bé nuôi một con cóc tên “Cu Cậu” dưới gầm giường. Thiều là một chàng thiếu niên hướng ngoại, cũng yêu thương em nhưng hay bày những trò nghịch tặc quái mà cậu em trai thường là người gánh chịu hậu quả.

Cuộc sống hẳn là vẫn yên bình trôi đi nếu không xảy ra vụ hoả hoạn với gia đình Mận – cô bạn cùng lớp và cũng là người mà Thiều trộm nhớ thầm yêu. Căn chòi bị thiêu rụi, cha Mận bị chết cháy, mẹ Mận thì bị cho là kẻ gây ra vụ cháy chết người, phải đi tù. Thương tình, cha mẹ Thiều đón cô bé Mận về cư mang. Từ đây, nảy sinh mâu thuẫn giữa hai anh em Thiều, Tường. Thiều ghen tức bởi sự thân thiết giữa Tường và Mận. Thiều gián tiếp khiến con cóc “Cu Cậu” bị giết thịt, mặc dù biết đó là “thú cưng” của Tường. Trong một lần hiểu lầm tai hại, Thiều còn vô ý làm em trai bị thương nặng. Chỉ đến khi Tường nói cho Thiều biết, hoá ra chính anh mới là người mà Mận thích chơi cùng, bấy giờ anh chàng mới cảm thấy ân hận, day dứt khôn cùng.

Quả thật, trong thời gian gần đây, hiếm có bộ phim Việt Nam nào về tuổi thơ, được chào đón và hoan nghênh như bộ phim này. Hơn nữa, có thể xem sự ra mắt phim *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* như một sự kiện khác thường. Nói là “khác thường” bởi lẽ phim không có ngôi sao. Cả dàn diễn viên cũng chẳng có cái tên nào đình đám. Nghĩa là thói quen dựa vào tên tuổi của các ngôi sao để “bảo kê” cho doanh thu của nhà phát hành hoặc để đến rạp xem phim của khán giả cũng phải thay đổi.^[2b]

Một trăm lẻ hai phút phim chậm chậm dẫn người xem ngược về một kí ức thơ bé, theo bước chân chạy mãi miết trên con đường làng của Thiều (Thịnh Vinh), theo gương mặt buồn và thương xuyên đẫm nước mắt của Mận (Thanh Mỹ), theo sự hồn nhiên, dễ thương của Tường (Trọng Khang). Những khuôn hình xanh mướt mát, Phú Yên – bối cảnh chính của hơn năm mươi ngày quay *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* – hiện lên trên màn hình chưa bao giờ đẹp, quyến rũ đến “khác thường” như thế!

[1]: Giới thiệu tác phẩm nghệ thuật – đối tượng thuyết minh – và các thông tin liên quan.

[2a]: Đặc điểm thứ nhất của đối tượng: Nội dung câu chuyện được đề cập trong tác phẩm.

[2b]: Đặc điểm thứ hai của đối tượng: Những vẻ đẹp/ thành công của tác phẩm.

Cùng với vẻ đẹp của “hoa vàng”, “cỏ xanh” là vẻ đẹp của tình làng nghĩa xóm, sự yêu thương, tương thân tương ái trong khó khăn, hoạn nạn thấm đượm trong từng thước phim của tác phẩm. Cảnh quê hương Việt Nam trong phim bình dị mà đẹp đến ngỡ ngàng, nhạc phim và ca khúc lắng đọng khó quên. Tất cả góp phần làm nên sức hấp dẫn của phim.

Không có bạo lực (có ác, nhưng cái ác hồn nhiên) cũng chẳng có tẩu hài, không hành động cũng không kinh dị, có nhát ma nhưng là nhát ma con nít,... vậy mà *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* đã khiến khán giả thích thú, vừa cười, vừa rơm rớm nước mắt. Khi phim vừa hết, không ai bảo ai, cả khán phòng đứng lên vỗ tay rền vang. Nhưng xem kia, họ vẫn chưa rời rạp: ai nấy đứng lại, im phăng phắc, lưu luyến trông vào màn ảnh và... lại vỗ tay!

Trước đó, khi khán giả đang vào rạp, một nhà báo đã nói đùa: “Đi ra mắt phim nội vui ghê, vào rạp lúc đầu bao giờ cũng vui, nhưng chiều xong phim người ta toàn trốn thật nhanh! Sợ bị hỏi phim xem thế nào thì không biết nói gì!”. Thế mà giờ đây, vài chục phút sau khi buổi chiếu kết thúc, vẫn còn rất đông người nán lại, sảnh ngoài phòng chiếu chật kín người. Đạo diễn bộ phim bị vây quanh bởi khán giả và các phóng viên với cả “rừng” micro, máy ảnh, máy quay phim,... Người xem hẳn là đã được đền đáp sau những ngày khắp khời đợi chờ buổi chiếu ra mắt phim *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*.^[2c]

Dư luận chung về phim thế nào? Sở thích khác nhau, khó tránh khỏi “chín người mười ý”. Trong số đông những người yêu thích thì cũng đã có những lời khen nồng nhiệt, thực lòng: “*Hoa vàng ngập đầy những chi tiết tuổi thơ (...), là kỉ ức của rất nhiều người thuộc thế hệ 8X, 9X. Những trò chơi dân gian như: đá cổ gà, thả diều, hình nhân quay, nhảy dây,... hiện lên giản dị và thân thuộc. Chính tôi đã từng chơi những trò chơi ấy và các cảnh trò chơi trong Hoa vàng khiến tôi bồi hồi...*” (Hoài Nam). Những người chưa hài lòng cũng có những phẩm bình thẳng thắn, chẳng hạn: qua “*những cảnh mô tả về sự nghèo đói, lũ lụt, cháy nhà...*”, “*khán giả không thấy được sự khốn khó kiệt cùng, mà chỉ là những hồi ức đẹp*” hoặc bộ phim chỉ là “*khoác một chiếc áo hồi ức cho quá khứ chứ không phải là trải nghiệm của người từng đi qua nó*” (Lâm Lê).^[2c]

Ý kiến có thể khác nhau, nhưng khó mà phủ nhận những gì mà *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* tạo ra được từ lúc đoạn giới thiệu “lên sóng” cho đến hết đêm ra mắt. Không những thế, do “áp lực” của dư luận, ngày công chiếu cũng phải đẩy lên sớm hơn... Đó chính là những dấu hiệu “bất thường” rất tích cực trong đời sống điện ảnh nước nhà. Tuy nhiên, vượt lên trên những lợi ích và hiệu quả kinh tế, điều đáng trân trọng là giá trị nhân văn trong sáng mà bộ phim mang đến cho người xem: nó đánh thức kí ức tuổi thơ và tình quê hương.^[3]

Nhóm biên soạn tổng hợp
(Theo Cát Khuê, “*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*”:
những xúc cảm... không thường thấy, catkhue@tuoitre.com.vn,
<https://tuoitre.vn/toi-thay-hoa-vang-tren-co-xanh-nhung-xuc-cam-khong-thuong-thay-977962.htm>)

[2c]: Đặc điểm thứ ba của đối tượng: Những tín hiệu từ công chúng và dư luận.

[3]: Khẳng định giá trị của tác phẩm nghệ thuật – đối tượng thuyết minh.

Đối chiếu ngữ liệu tham khảo với tri thức về kiểu bài và cho biết:

1. Nhận xét của bạn về cách mở đầu và kết thúc của văn bản.
2. Bài thuyết minh đã giải thích, trình bày những nội dung cụ thể nào? Các nội dung ấy đã làm rõ được đặc điểm nào của đối tượng?
3. Văn bản đã lồng ghép yếu tố nào trong số các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận? Cách người viết lồng ghép các yếu tố trên trong văn bản có gì đáng lưu ý?
4. Tác giả đã sắp xếp các nội dung cụ thể trong bài viết theo trật tự nào?

Thực hành viết theo quy trình

Đề bài:

Viết bài thuyết minh về một đối tượng theo lựa chọn cá nhân (một tác phẩm văn học, điện ảnh, âm nhạc, hội hoạ,... hoặc một nhân vật/ sự kiện văn hoá,...). Bài viết có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

Bạn thực hiện viết bài theo quy trình bốn bước: 1. Chuẩn bị viết; 2. Tìm ý, lập dàn ý; 3. Viết bài; 4. Xem lại và chỉnh sửa. (Xem hướng dẫn ở Bài 1. Thông điệp từ thiên nhiên, (Ngữ văn 11, tập một)).

Khi tiến hành tự kiểm tra, đánh giá kĩ năng viết kiểu bài này, bạn sử dụng mẫu bảng kiểm nêu ở Bài 1. Thông điệp từ thiên nhiên (Ngữ văn 11, tập một).



NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN, TRANH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

Đề tài:

Lớp bạn tổ chức buổi thảo luận về chủ điểm: “Vấn đề đời sống mà bạn quan tâm”. Ban tổ chức gợi ý một số vấn đề như sau:

- Học sinh cấp Trung học phổ thông nên đọc những loại sách nào?
- Kỹ năng sống là gì, vì sao bạn cần phải rèn luyện kỹ năng sống?
- Sự độ lượng và sự dễ dãi trong tình bạn có gì khác nhau?
- Các ý kiến tư vấn của phụ huynh, người thân, bạn bè về hướng nghiệp có ý nghĩa như thế nào đối với bạn?
- ...

Hãy chọn một trong các vấn đề nêu trên, chuẩn bị ý kiến để tham gia thảo luận, tranh luận.

Bạn hãy:

- Nhớ lại yêu cầu và kĩ năng trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội (Bài 2. *Hành trang vào tương lai*, Ngữ văn 11, tập một), một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học (Bài 6. *Sống với biển rừng bao la*, Ngữ văn 11, tập hai) hay một vấn đề xã hội trong tác phẩm nghệ thuật/văn học (Bài 7. *Những điều trông thấy*, Ngữ văn 11, tập hai).

- Thực hiện thảo luận, tranh luận theo quy trình tương tự quy trình trình bày ý kiến, đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội ở Bài 2, Bài 6, Bài 7, nhưng cần lưu ý sự khác biệt: 1. *Chuẩn bị thảo luận/ tranh luận* (thay cho *Chuẩn bị nói*); 2. *Thảo luận, tranh luận* (thay cho *Trình bày bài nói*); 3. *Đánh giá, rút kinh nghiệm* (thay cho *Trao đổi, đánh giá*).

- Khi chuẩn bị nội dung để thảo luận, tranh luận, bạn có thể đặt và trả lời một số câu hỏi:

- Các ý kiến về vấn đề đó khác nhau như thế nào?

- Tại sao có những điểm khác nhau đó?

- Căn cứ nào để tôi khẳng định ý kiến hoặc bác bỏ các ý kiến khác?

- Trong quá trình thảo luận, tranh luận, tôi cần tích cực tương tác trong vai trò người nói/ người nghe như thế nào?...

- Trong buổi thảo luận, để các thành viên lắng nghe, tham khảo được nhiều ý kiến, thời gian dành cho mỗi lượt phát biểu thường được chủ toạ ấn định, vì thế, bạn cần chuẩn bị, cân nhắc phát biểu ý kiến của mình thật gãy gọn, mạch lạc, tránh lan man, dài dòng.

- Tuân thủ sự điều hành của chủ toạ; tôn trọng lắng nghe ý kiến của người khác.

- Khi cần bày tỏ tiếng nói đồng thuận, ủng hộ người có cùng quan điểm với mình hoặc tranh luận khi ý kiến của người khác khác biệt hay trái ngược với mình, bạn cần thái độ cầu thị, tôn trọng, lịch thiệp. Bởi vì mục đích của thảo luận, tranh luận không nằm ở sự hơn kém, thắng thua mà là nhằm tạo cơ hội để mọi người hiểu ý kiến của nhau, tự nâng cao nhận thức, điều chỉnh quan niệm chưa phù hợp của bản thân, đồng thời hiểu nhau và hợp tác với nhau hiệu quả hơn.

ÔN TẬP

1. Xác định đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong các văn bản truyện – truyện kí, đã học bằng cách hoàn thành bảng sau (làm vào vở):

Văn bản	Đề tài	Câu chuyện	Sự kiện	Nhân vật
<i>Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự</i>				
<i>Tôi đã học tập như thế nào?</i>				
<i>Xà bông “Con Vịt”</i>				

- Yếu tố hư cấu có tác dụng như thế nào đối với việc khắc hoạ nhân vật trong các văn bản: *Ngôi nhà tranh của cụ Phan Bội Châu ở Bến Ngự* (Nguyễn Vỹ), *Tôi đã học tập như thế nào?* (M. Go-rơ-ki), *Xà bông “Con Vịt”* (Trần Bảo Định).
- Trong phần đầu tác phẩm *Tôi đã học tập như thế nào?*, cuộc trò chuyện giữa Đức Giám mục Cri-xan-phơ và Pê-xốp nhiều lần được thuật lại chỉ bằng một lời thoại dưới dạng những câu hỏi tiếp nối nhau:
 - Con lên mấy? Có thể thôi à? Sao dài người thế, chú bé? Hay bêu mưa lắm, phải không?
 - Con học theo thánh thi à? Ai dạy? Ông có hiền không? Ác à? Lễ nào? Nhưng con nghịch lắm phải không?
 Khi đọc các lời thoại trên, bạn có thể nghe được giọng nói của những ai? Do đâu mà các lời thoại tạo được hiệu quả như vậy?
- Với những trải nghiệm trong quá trình đọc sách và học tập của mình, bạn có tin rằng: “mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên” độc giả đang “tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy” không? Vì sao?
- Muốn cho một cuộc thảo luận, tranh luận về một vấn đề đời sống có hiệu quả, những người tham dự cần lưu ý những điều gì?
- Viết đoạn văn ghi lại một hồi ức đáng nhớ hoặc nêu ý kiến về tầm quan trọng của kí ức trong đời sống tinh thần của con người. Sau đó, kiểm tra đoạn văn (của mình và bạn cùng nhóm), chỉ ra các câu sai và nêu cách sửa (nếu có).

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II

1. Kể vào vở hai cột A, B theo mẫu dưới đây, sau đó nối tên thể loại ở cột A với đặc điểm phù hợp được nêu ở cột B; giải thích lí do bạn tạo ra các đường nối giữa hai cột A và B.

A. THỂ LOẠI/ KIỂU VĂN BẢN	B. ĐẶC ĐIỂM
Truyện thơ Nôm bình dân	những sáng tác không có cốt truyện; giàu tính trữ tình và tính nhạc;...
Truyện ngắn	những sáng tác tự sự hư cấu có dung lượng nhỏ, thường phù hợp để đọc hết trong một lần; quy mô hạn chế, số lượng nhân vật và sự kiện ít, chỉ tập trung miêu tả một khía cạnh hoặc trạng thái cụ thể của đời sống xã hội;...
Truyện thơ Nôm bác học	những tác phẩm do các tác giả là trí thức Nho học (thường có tên tuổi, lai lịch rõ ràng) sáng tác, lưu hành rộng rãi nhưng chủ yếu vẫn trong giới trí thức tinh hoa, có nội dung phản ánh số phận và nhu cầu của giới trí thức, có chất lượng nghệ thuật cao;...
Truyện thơ dân gian	những sáng tác trung gian giữa truyện và kí; kết hợp hư cấu và phi hư cấu;...
Thơ có yếu tố tượng trưng	những sáng tác dưới hình thức văn vần, thường xoay quanh đề tài tình yêu, hôn nhân; kết hợp tự sự với trữ tình, rất gần gũi với ca dao, dân ca; phát triển nhiều ở các dân tộc miền núi;...
Truyện kí	những tác phẩm diễn tả thế giới nội tâm của chủ thể trữ tình thông qua những chi tiết, hình ảnh cụ thể, gợi cảm, kết hợp sự cảm nhận của nhiều giác quan; nhiều khi còn đi sâu vào những vấn đề triết học;...
	những sáng tác (thường là khuyết danh) chủ yếu lưu hành trong dân gian, nội dung phản ánh cuộc sống và khát vọng của người dân tầng lớp dưới, ngôn ngữ giản dị gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân.

2. Nêu một số điểm khác biệt giữa truyện thơ dân gian và truyện thơ Nôm, minh hoạ bằng các dẫn chứng lấy từ các văn bản đã học.

3. Nêu một số điểm nổi bật về con người, cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du. Theo bạn, với *Truyện Kiều*, Nguyễn Du đã có những đóng góp gì trong việc phát triển thể loại truyện thơ Nôm của dân tộc?
4. Bạn hiểu thế nào là yếu tố tượng trưng trong thơ trữ tình? Theo bạn, đoạn thơ sau có yếu tố tượng trưng không? Dựa vào những dấu hiệu nào để khẳng định như vậy?

*Này lắng nghe em khúc nhạc thom
 Say người như rượu tối tân hôn;
 Như hương thấm tận qua xương tủy,
 Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.*

*Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
 Dẫn vào thế giới của Du Dương
 Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
 Hiện hiện hoa và phảng phất hương...*

(Xuân Diệu, *Huyền diệu*)

5. Nêu một số điểm khác biệt chính giữa truyện và truyện kí.
6. Nhận xét về cách sử dụng ngôi kể, điểm nhìn trong tác phẩm *Tôi đã học tập như thế nào?* (M. Go-rơ-ki) hoặc *Xà bông “Con Vịt”* (Trần Bảo Định).
7. Theo bạn, nhìn từ mối quan hệ với tác giả, người kể chuyện trong truyện ngắn khác với người kể chuyện trong truyện kí như thế nào? Chia sẻ cảm nhận hoặc ấn tượng sâu sắc nhất của bạn khi đọc một trong ba truyện ngắn: *Chiều sương* (Bùi Hiển), *Muối của rừng* (Nguyễn Huy Thiệp), *Kiến và người* (Trần Duy Phiên).
8. Lập bảng so sánh và chỉ ra những điểm tương đồng, khác biệt về yêu cầu trong cách viết giữa hai kiểu văn bản:
 - Văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học và văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học
 - Báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội và thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận
9. Lập bảng tổng hợp những điểm đáng lưu ý về các tri thức tiếng Việt liên quan đến:
 - Đặc điểm, tác dụng của một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường;
 - Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đối;
 - Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc;
 - Cách nhận biết và cách sửa một số kiểu lỗi về thành phần câu.
10. Viết đoạn văn (khoảng 200 – 300 chữ) về một trong hai nội dung sau:
 - Con người sẽ được gì, mất gì khi trở thành bạn với muôn loài?
 - Phải chăng “cái tôi” là một thế giới?

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

TT	Thuật ngữ	Giải thích	Trang
B	biện pháp tu từ đối	biện pháp tu từ đặt những từ ngữ có âm thanh và ý nghĩa tương phản hoặc tương hỗ vào vị trí cân xứng để tạo nên sự hài hoà về ý nghĩa, đồng thời làm nên nhạc điệu cho câu thơ, câu văn	33, 37
	biện pháp tu từ lập cấu trúc	biện pháp tổ chức những vế câu hoặc những câu có cùng một kết cấu ngữ pháp, nhằm nhấn mạnh ý tưởng và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản	59, 60, 65,...
	cấu tứ	hình tượng tổng quát mang tính thần chung của tác phẩm thơ trữ tình, có sức gợi tả và gợi cảm cao, chi phối toàn bộ thế giới suy tưởng nghệ thuật trong tác phẩm	59, 60,...
Đ	điểm nhìn trong truyện thơ	điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri (trong một số trường hợp, truyện thơ cũng sử dụng điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri từ một số nhân vật)	35
	điểm nhìn ngôi thứ ba hạn tri	tầm hiểu biết của người kể chuyện chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm, chỉ thấu suốt suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật đó và các sự kiện mà nhân vật đó biết	6
	điểm nhìn ngôi thứ ba toàn tri	tầm hiểu biết của người kể chuyện bao trùm toàn bộ thế giới nhân vật, không bị giới hạn trong cái nhìn của nhân vật nào, thấu suốt tất cả suy nghĩ và cảm xúc của các nhân vật, tất cả mọi thời điểm, địa điểm và sự kiện	5
	độc thoại nội tâm	những lời nói thầm trong tâm trí (không phát ra thành tiếng), nhằm tái hiện hoạt động suy nghĩ – xúc cảm bên trong của nhân vật	35, 36, 41,...
H	hiện tượng đảo trật tự từ ngữ	hiện tượng đảo trật tự từ ngữ so với trật tự từ ngữ thông thường được dùng với mục đích nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm cho sự diễn đạt	6, 23
	hiện tượng mở rộng khả năng kết hợp của từ	hiện tượng từ ngữ được cung cấp thêm những khả năng kết hợp mới tạo ra những kết hợp từ vô cùng độc đáo, nhằm tăng hiệu quả diễn đạt	6, 23
	hiện tượng phá vỡ những quy tắc thông thường	hiện tượng cấu trúc ngữ nghĩa, cú pháp không theo quy tắc ngôn ngữ thông thường, thường xuất hiện trong các tác phẩm văn chương như: hiện tượng đảo trật tự từ ngữ, hiện tượng kết hợp từ lạ, hiện tượng tách biệt,...	5
	hiện tượng tách biệt	hiện tượng tách các thành phần câu thành những câu độc lập với dụng ý nhấn mạnh hoặc bộc lộ cảm xúc	7
	hình thức (trong thơ trữ tình)	tổng hoà của thể thơ, câu thơ, lời thơ (từ ngữ), giọng điệu, nhịp, vần, hình ảnh,... trong thơ trữ tình	59, 60,...
	hư cấu	việc dùng trí tưởng tượng sáng tạo ra cái mới, những điều khác lạ không có hoặc chưa có trong thế giới thực nhằm mục đích nghệ thuật	77, 83,...
L	lời văn trần thuật	lời người kể chuyện kể lại sự việc; miêu tả nhân vật, cảnh thiên nhiên, cảnh sinh hoạt, đồ vật; thuật lại ý nghĩ, lời nói của nhân vật hay bàn luận, bày tỏ thái độ, cảm xúc,... của mình	36
	lỗi về thành phần câu	lỗi liên quan đến các thành phần trong câu như chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ và các loại thành phần phụ khác	78

P	phi hư cấu	cách phản ánh hiện thực theo nguyên tắc để cao tính xác thực bằng cách “gọi thẳng tên và miêu tả càng chính xác càng tốt những con người và sự kiện có thực”	77, 83, 84,...
T	truyện kí	là thể loại trung gian giữa truyện và kí (truyện kí rất gần với kí ở yêu cầu về tính xác thực dựa trên việc ghi chép người thật, việc thật; nhưng cũng gần với truyện ở chỗ thường có cốt truyện hoàn chỉnh hoặc tương đối hoàn chỉnh)	77, 84,...
	truyện ngắn	thể loại tự sự hư cấu có dung lượng nhỏ, thường phù hợp để đọc hết trong một lần. Với quy mô hạn chế, số lượng nhân vật và sự kiện ít, truyện ngắn chỉ tập trung miêu tả một khía cạnh hoặc trạng thái cụ thể của đời sống xã hội	5, 6, 16,...
	tượng trưng	một hình thức chuyển nghĩa, khi một từ ngữ, hình ảnh, đối tượng cụ thể mang hàm nghĩa chỉ những tư tưởng hoặc khái niệm trừu tượng	59
Y	yếu tố tượng trưng (trong thơ trữ tình)	những chi tiết, hình ảnh gợi lên những ý niệm trừu tượng và giàu tính triết lí, đánh thức suy ngẫm của người đọc về bản chất sâu xa của con người và thế giới	59, 60

BẢNG TRA CỬU YẾU TỔ HÁN VIỆT

TT	Yếu tố Hán Việt	Bài	Nghĩa	Từ ngữ chứa yếu tố Hán Việt	Trang
A	ám	6	ngấm, lén, bí mật	ám sát (B6)	16
B	bàn	7	bồi hồi, lưu luyến	bàn hoàn (B7)	38, 44
	bàng	6	bồi hồi, quần quanh, đứng ngồi không yên, tâm thần bất định	bàng hoàng (B6)	17
	báng	9	chê bai, mỉa mai	nhạo báng (B9)	89
C	cam	7	bằng lòng, tự nguyện	cam tâm (B7)	48
	can	6	chen dự vào	can thiệp (B6)	18
	cầu	6, 7, 8, 9	gây nên, tạo thành	cầu tứ (B8), cấu trúc (B6, B7, B8, B9)	59, 60, 64,...
	cuồng	6	dữ dội, mãnh liệt	điên cuồng (B6), cuồng nhiệt (B6)	10, 16
	chính	6	cai trị, trị lí, chức vụ chủ coi về một việc	thương chính (B6)	8
D	dị	6, 8	khác lạ	dị thường (B6, B8)	12, 65
	dự	6, 9	sẵn, trước	dự đoán (B6, B9)	6, 12, 18,...
	dương	6	– coi đời đang sống – có tính điện dương, trái lại với âm	– dương gian (B6) – âm dương (B6)	– 8 – 8

Đ	đăng	6	dao động, gây ra xáo trộn	đăng trí (B6)	22
	đe	6, 9	hèn, kém	đe tiện (B6, B9)	89
	đệ	9	thứ tự, cấp bậc	đệ nhất (B9), đệ tứ (B9)	80, 81
	diễn	7, 9	được coi là mẫu mực, tiêu chuẩn	diễn hình (B7, B9)	34, 79
	đoan	7	điều nghĩ ngợi, tâm tư	đa đoan (B7)	38
	đoạn	7	đứt, gãy, làm cho đứt	đoạn trường (B7)	37, 48
	đố	6, 9	ý muốn, tham vọng	ý đố (B6, B9)	5, 83
G	giải	7	tiêu trừ, làm cho hết	giải phiền (B7)	47
H	hãi	6	kinh sợ, chấn động	hãi hùng (B6)	12
	hãnh	7, 9	may mắn, không ngờ mà được	hãnh diện (B7, B9)	55, 94
	hi	6, 9	con muông thuần sắc dùng để cúng tế (ngày xưa vua Thang cầu mưa, tự phục trước miếu thay làm con muông để tế lễ, vì thế người ta gọi những người bỏ cả đời mình để đạt được một sự gì là hi sinh)	hi sinh (B6, B9)	16, 89
	huấn	9	dạy dỗ, dạy bảo	giáo huấn (B9)	81, 83
	hoảng	6	sợ hãi	hoảng loạn (B6)	16
	hỗn	6	lộn xộn, lung tung	hỗn loạn (B6)	15, 20
	hư	6, 9	không thật, giả, hão	hư cấu (B6, B9), phi hư cấu (B9)	4, 26, 77, ...
K	huyền	6	ồn ào, âm ĩ	huyền não (B6)	11
	huyễn	6	không thật	huyễn tượng (B6)	8
	kí	6, 9	– nhớ – ghi chép, thể văn tự sự	– kí ức (B6, B9) – truyện kí (B9)	– 17, 93, 100, ... – 100, 104, 105, ...
	kinh	6, 9	sợ hãi, chấn động	kinh hoàng (B6), kinh dị (B6, B9), kinh hãi (B6)	16, 17, 18, ...
	khả	6	đáng	khả ố (B6)	18
	loan	7	chim loan	loan giao (B7), loan phòng (B7)	38, 45
	lộng	6	khinh nhờn	cuồng lộng (B6)	10
N	ngạn	9	bờ	hữu ngạn (B9)	79
Ô	ô	9	làm bẩn, vấy bẩn	ô nhục (B9)	89
P	phách	7	vía (tinh khí của con người)	phách lạc hồn xiêu (B7)	46
	phân	6	nhiều, đông, ngổn ngang	phân vân (B6)	12
	phong	7, 9	– gió – dáng vẻ, thần thái	– phong trần (B7) – phong vận (B7)	– 43 – 41
S	sùng	9	tôn kính, tôn trọng	sùng bái (B9)	82

T	tai	6, 7	nạn, hoạ hại, điều không may	tai hoạ (B6, B7)	15, 37
	tàn	7	thừa, còn lại	tàn canh (B7)	38
	tẩy	7	giặt, rửa, làm trong sạch	tẩy trần (B7)	47
	tiết	7, 9	sự, việc	tình tiết (B7, B9)	34, 88
	tuần	6	mười ngày gọi là một tuần, một tháng có ba tuần	trung tuần (B6)	6
	tử	6, 7, 8	chết	tử khí (B6), tử hậu (B7)	17, 41
			– tiếng xưng hô	– nương tử (B8)	– 61
			– con trai	– hiếu tử (B7)	– 47
	tưởng	8	ý nghĩ, ý niệm	suy tưởng (B8), ý tưởng (B8)	51, 60
	tượng	8	dạng, hình, trạng thái	tượng trưng (B8), trùu tượng (B8)	59, 62, 65, ...
	thám	9	tìm tòi, truy xét, tra cứu	mật thám (B9)	80
	thảm	6, 7	đau đớn, thê lương	bi thảm (B6, B7)	8, 54
	thăng	6	vội vàng, lật đật, cấp bách	thăng thốt (B6)	17
	thánh	9	– tiếng tôn xưng trong tôn giáo	– thánh sử (B9), thánh thi (B9)	– 86
			– sáng suốt, đức hạnh cao, thông đạt	– thánh thần (B9)	– 88
	thận	6	dè chừng, cẩn thận	thận trọng (B6)	16
	thí	6	thử, dùng	thí mạng (B6)	16
	thị	7	sự đúng, điều phải	thị phi (B7)	49
	thoả	9	ổn đáng, thích hợp, xong xuôi	thoả mãn (B9), thoả hiệp (B9)	83, 89
	thực	9	trường học do tư nhân lập ra	tư thực (B9)	80
	thung	9	ung dung, khoan thai, từ tốn	thung dung (B9)	81
	trần	7	kể, trình bày	trần thuật (B7)	34
			bụi	phong trần (B7)	43
	trì	6	muộn, trễ	trì hoãn (B6)	10
			– giữ gìn	– kiên trì (B6)	– 19
			– cấm, nắm	– trì hồ (B7)	– 47
	triệt	9	suốt, thấu	triệt để (B9)	83
	trọng	7	nặng	khinh trọng (B7)	49
	trùu	8	trích lấy, rút ra	trùu tượng (B8)	59
Ư	ước	6, 9	– phỏng đoán, phỏng chừng – giao hẹn, điều hai bên lấy quyền lợi nghĩa vụ cùng thoả thuận với nhau	– ước lượng (B6) – Tân ước (B9)	– 17 – 86
X	xúc	6	mạo phạm	xúc phạm (B6)	19
Y	ý	6, 7, 8, 9	điều suy nghĩ, quan niệm	ý niệm (B6, B7, B8), ý thức (B7, B8, B9), ý nghĩa (B6, B7, B8, B9)	11, 35, 36, ...
	yết	9	gặp mặt, vào hầu chuyện (bậc trên)	yết kiến (B9)	80

BẢNG TRA CỬU TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Tiếng nước ngoài	Phiên âm tiếng Việt	Trang
A	Aleksey Maximovich Peshkov	A-lếch-xây Mác-xim-mô-vích Pê-xcốp	90
	Alexandre Varenne	A-lếch-xăng Va-ren	81
	Athur William Ward	A-thơ Uy-li-am U-a-rơ	53
B	Brevet Élémentaire	Brê-vê Ê-lê-măng-te	95
C	Crixanfo	Cri-xan-phơ	85
D	David	Đa-vít	86
E	Edvard Munch	Ét-va Mun-chơ	64, 65, ...
G	Gauguin	Gô-ganh	64
	Gilbert	Giu-béc	93, 94
H	Henri de Toulouse-Lautrec	Hen-ri Đơ Tu-lu-Lô-trec	64
K	Karl Marx	Các Mác	52
	kilos	ki-lô	97
	Kristiania	Cơ-rít-xti-a-ni-a	65
M	Moliere	Mô-li-e	56
	M. Gorki	M. Go-rơ-ki	84, 85, ...
O	Oslo	Ốt-xlô	64
P	Paris	Pa-ri	95
	Pellerin	Pe-lơ-ranh	80
	Philippine	Phi-líp-pin	80
S	savon	sa-von	97
	Susie Hodge	Su-si Hút-gi	64, 65, ...
T	Tagore	Ta-go	28
V	Van Gogh	Van Gốc	64
	Victor	Vích-to	100

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ – TÓNG THANH THẢO

Minh họa: LÊ TRỌNG SƠN – TRẦN DUY THANH

Sửa bản in: VÕ THỊ PHÚC HỒNG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ' VĂN 11 – TẬP HAI (Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. Toán 11, Tập một | 14. Vật lí 11 |
| 2. Toán 11, Tập hai | 15. Chuyên đề học tập Vật lí 11 |
| 3. Chuyên đề học tập Toán 11 | 16. Hoá học 11 |
| 4. Ngữ văn 11, Tập một | 17. Chuyên đề học tập Hoá học 11 |
| 5. Ngữ văn 11, Tập hai | 18. Sinh học 11 |
| 6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 | 19. Chuyên đề học tập Sinh học 11 |
| 7. Tiếng Anh 11
Friends Global - Student Book | 20. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| 8. Lịch sử 11 | 21. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng |
| 9. Chuyên đề học tập Lịch sử 11 | 22. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 10. Địa lí 11 | 23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính |
| 11. Chuyên đề học tập Địa lí 11 | 24. Âm nhạc 11 |
| 12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 | 25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 |
| 13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế
và pháp luật 11 | 26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (1) |
| | 27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (2) |
| | 28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.

